

Trần Hưng

tập chỉ văn học nghệ thuật



NĂM THỨ 10 BỘ MỚI SỐ 16

TRẦM HƯƠNG

Tạp chí văn học nghệ thuật

@

Năm Thứ 10 . Bộ Mới . Số 16



Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nhơn

Phó chủ nhiệm

Như Phong

Chủ bút: Túy Hà

Quản lý : Phạm Tương Như

Thông Tin Liên Lạc

tuyha81@yahoo.com

doanthachngoc@yahoo.com

Website: <http://hoiquantramhuong.org>

Hình bìa: Tranh sơn dầu của Họa sĩ Ái Lan

Phụ bản và minh họa: intersource

Trình bày và layout: Nghi Hà

In tại

Mr.Print Ấn Quán

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG THỰC HIỆN



LỐI VÀO (5)

ĐÀM TRUNG PHÁP (7) *Đình bao nhiêu ngói*

VŨ TIẾN LẬP (13) *Chiều không ký ức*

NGUYỄN MẠNH TRINH (14) *Độc thơ Hải Phương*

NGUYỄN BẮC SƠN (19) *Mai sau...*

PHAN BÁ THỤY DƯƠNG (20) *Viết về thơ Thy An*

TRẦN HOÀI THU (24) *Gặp nhau lần đầu*

HOÀNG T. NGUYỆT KHUYẾT (25) *Vẫn là...*

TÚY HÀ (26) *Thao Tác thường tình*

TRẦN YÊN THỤY (27) *Gió lạc*

TRẦN VĂN LỆ (28) *Sáng nào...*

ĐÁO LÊ (29) *Lối xưa*

TRẦN THIÊN HIỆP (30) *Truy vấn tôi*

SONG AN CHÂU (31) *Từ xa quê Mẹ*

HOÀNG XUÂN SƠN (33) *Khoảng cách*

LUÂN HOÁN (34) *Chợt thấy nụ tình...*

THÁI BẠCH VÂN (35) *Bâng khuâng*

NGUYỄN XUÂN THIỆP (36) *Những con chim...*

NHƯ PHONG (37) *Nhân tình khúc*

ĐẠ DUNG VŨ (39) *Một mình*

TRÚC THANH TÂM (40) *Đường Phượng bay*

HẠC THÀNH HOA (41) *Qua sông*

PHAN CÁC CHIÊU HẰNG (42) *Thuyền xưa*

NGUYỄN LƯƠNG VỊ (55) *Nguyệt thực...*

2 Trầm Hương

MAI THANH TRUYẾT (56) *Giấc mơ - Sen*

CÁI TRỌNG TY (61) *Đêm Sài Gòn*

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM (62) *Chiêm bao...*

YÊN SƠN (64) *Vật nặng cuối ngày*

LÊ DIỄM CHI HUỆ (65) *Thi ảnh từ em*

VÂN HÀ (66) *Trần tình*

DƯƠNG THƯƠNG TRÚC (67) *Bên lề cuộc đời*

VƯƠNG HỒNG NGỌC (68) *Giữ lại...*

PHAN XUÂN SINH (69) *Giọt mực loang*

TRẦN VĂN SƠN (80) *Tứ tuyệt*

HỒ THUY MỸ HẠNH (81) *Đôi bờ mệnh mông*

TRẦN PHÙ THẾ (82) *Sâu đâu phương nào*

TRẦN VĂN LƯƠNG (83) *Quyến lịch voi*

TRẦN VIỆT CƯỜNG (85) *Vẫn là đêm*

TRẦN YÊN THẢO (86) *Sức nhớ một thời*

NGUYỄN AN BÌNH (87) *Hạt bụi nghìn trùng*

TRẦN DZA LỮ (88) *Cám ơn người...*

MINH XUÂN (89) *Cô lảng giềng*

KHẮC TĨNH VŨ (90) *Đoản khúc Thu*

ĐỖ BÌNH (92) *Kiếp người*

SONGTHY (93) *Mưa ngày chủ nhật*

TỔ KHUYÊN / TRÂM VÂN (94) *Thi ảnh*

PHAN TRANG HY (95) *Phóng sinh chữ nghĩa*

PHẠM NGỌC (103) *Vết tích*

MINH TÂM ĐỖ (104) *Mong Cha*

VỊNH THANH (105) *Vương Thúy Kiều*

NGUYỄN ĐỨC NHƠN (114) *Thao thức – Nỗi lòng*

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH (116) *Cốc rượu khuya*

CAO THOẠI CHÂU (117) *Em là người phiên dịch*

HOÀNG ĐỊNH NAM (118) *Nói với em...*

PHẠM NGŨ YÊN (120) *Nhìn lui một định mệnh*

THIÊN LÝ (128) *Mơ*

MÂY NGÀN (129) *Tưởng chừng*

MTT (130) *Suy gẫm*

VÕ THANH VÂN (132) *Dợn sóng lao xao*

Trầm Hương 3

LÂM CHUÔNG (133) Con suối và...
THIỆU KHANH(142) Phân vân
THÁI TẤU (143) Hoa, giai nhân và thơ
LÊ KÍNH / VĂN MẪU (149) Hoàng hôn quê tôi
HẢI PHƯƠNG (150) Chân dung
TRẦN BANG THẠCH (151) Dem theo...
NGÔ TỊNH YÊN (160) Rồi đá hay tôi
LAN CAO (161) Tình Mẹ Cha
PHẠM TƯƠNG NHƯ (162) Thơ như nỗi đau...
PHẠM CAO HOÀNG (166)Thương em và...
QUAN DƯƠNG (169) Mưa tháng bảy
HOÀNG ÁNH NGUYỆT (170) Cảm thông
HỒ KHẮC THIỆU (171) Thi ảnh cho người
PHẠM TÍN AN NINH (172) Ba dòng nước mắt
PHẠM THỊ CÚC VÀNG (184) Thi Ảnh hồi tình
HOÀNG LAN (185) Còn chút gì cho nhau
HẠT CÁT (186) Trăng nước Tầm Dương
HOÀNG ỪNG (201) Gặp em Sài Gòn
CÙ HÒA PHONG (202) Hạ xưa
TỰ KÝ (203) Đơn hành
DTT/NĐN (204) Nhạc
THÔNG TIN (205
TRI ÂN (206))



Mùa xuân qua mang theo hơi thở nồng nàn của đất, ngai ngái của cỏ, những giọt mưa còn sót lại cũng bay vèo theo cánh gió phiêu du dừng chân cửa Hạ. Mùa hè ngất ngưỡng nồng say vỡ bùng mắt nắng, nắng chói chang soi đời minh nhật, ngày mới, mỗi ngày mỗi mới. Tiếc thay những cơn mưa mùa cũ dường như còn lưu luyến nên theo mãi chân người. Mưa rưng xuống chạm mặt đường nóng rát bốc hơi lượn gió, mờ mịt đất trời. Tín hiệu cảnh báo thời tiết không ngừng hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng. Báo lỵt khu Nam, nước tràn hướng Bắc, mưa gió Đông Đoàn thường làm trì hoãn những kế hoạch khả thi. Thời khắc giao mùa trước sau còn lưu luyến hướng gì lòng người không chờ, không nhớ ngăn ngại. Nhóm phụ trách Trầm Hương luôn trông chờ sáng tác Thơ Văn từ bạn viết. Có khi bài viết nhiều, không kịp đọc cũng xót xang. Người đọc chờ sách thơm mùi giấy mới, hương mực loang cũng phải thần thờ.

Ngoài kia những cánh hoa magnolia đang khoe màu trắng sữa vẫn vươn mình giữa nắng gió mưa sa. Những cánh lá dày vẫn ngời xanh diệp lục như quyết tâm của anh em thực hiện Trầm Hương vẫn mạnh dạn vượt qua khó khăn trở ngại hy sinh không ngừng nghỉ để duy trì hơi thở Trầm hương mãi được điều hòa. Và hãy thử hình dung một thí dụ

Trầm Hương 5

cụ thể là để điều hòa không khí trong nhà thì có máy chưa đủ mà còn cần có năng lượng để vận hành. Trong ngành sách báo cũng thế, nhất là báo giấy: Có nhân lực, có cơ sở có cộng tác viên nhưng không có kinh phí để chi trả giấy mực thì: Tất cả những gì có ở trên chỉ có thể xem như là...báo đời.

Nói như vậy, nghe qua có vẻ bị quan và luận điểm gần như xuất xứ từ những người sinh ở...mỏ than. Một chút vi von khô hời hợt cho vui bớt những lo toan có thật. Báo mới vừa xuất xưởng là lập tức lo cho số tới. Người làm báo cũng như người ra trận, quyết tâm có thừa, vũ khí có sẵn nhưng tiếp liệu không có thì xem như...bó tay.

Nếu quyết tâm còn vững hào khí còn đầy thì e đành tham gia du kích, quay lại với vũ khí thô sơ tầm vòng giáo mác để đương đầu với kỹ thuật hiện đại và phần thua xem như cảm chắc, sự hy sinh sẽ trở thành vô nghĩa.

Vậy mà, Trầm Hương mới, cũ, đã vượt mốc mười năm với hơi thở nhọc nhằn được chuyển tải bằng đam mê chữ nghĩa, quyết tâm phát huy văn học, góp phần bảo tồn văn hóa Việt trước nguy cơ lây nhiễm suy kiệt từ văn hóa “nô dịch vô cảm” trong nước đến văn minh “thực dụng” ở Hải ngoại.

Tham vọng thì nhiều nhưng khả năng vẫn còn hạn hẹp vì vậy nhóm chủ trương luôn mong chờ và hoan hỉ đón nhận những đóng góp thiết thực từ bạn viết bạn đọc.

Người Việt ly hương sống xa đất nước nhưng quê hương vẫn thường xuyên hiện hiện trên từng trang sách mới. Trầm Hương sẽ không ngừng cố gắng để duy trì chút tình tự quê hương cho người mãi yêu người, cho ấm lại những đời lưu vong còn nồng nàn tình thương cổ xứ như những cánh hoa magnolia mùa hạ vẫn vươn mình trước thời tiết khắc nghiệt giữa giao mùa.

Bạn viết, bạn đọc xin mở lòng hưởng ứng góp thêm chút lửa vào ngọn lửa mỗi đang leo lét ở cuối đường hầm.

Trân trọng

Ban Biên tập

6 Trầm Hương



ĐÀM TRUNG PHÁP
ĐÌNH BAO NHIÊU NGÓI,
THƯƠNG MINH BÂY NHIÊU

**Ví von trong thi ca*

Tài liệu giáo khoa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh phân biệt hai phương cách ví von trong ngôn ngữ. Cách thứ nhất là sự ví von gián tiếp giữa hai yếu tố qua môi giới của các chữ hoặc nhóm chữ dùng để so sánh như like, as, than, seem, similar to. Cách ví von gián tiếp này được mệnh danh là simile (ví von). Cách thứ hai so sánh trực tiếp, không cần môi giới chi cả, mang tên là metaphor (ẩn dụ). Theo các định nghĩa này, câu thơ dưới đây của Robert Burns là một ví von:

O my love's like a red, red rose!

Ôi, người yêu tôi như một bông hồng thật đỏ!

Trong khi đó, hai câu thơ sau đây của Sir Walter Raleigh là một ẩn dụ:

But love is a durable flame

In the mind ever burning.

Nhưng tình yêu là lửa lâu dài

Trong tâm tư luôn luôn bùng cháy.

Trong phạm vi nhỏ hẹp của bài này, tôi xin chia xẻ với quý bạn đọc một số mô thức để thể hiện ví von trong thi ca của vài ngôn ngữ khác nhau. Đề tài ẩn dụ sẽ được trình bày trong một bài viết khác.

Thông thường, sự ví von được coi như một lượng giá tương đương giữa yếu tố được đề cập đến (A) và yếu tố ví von (B),

theo mô thức A ngang B. Nhưng cũng có những ví von dựa trên các mô thức A hơn B, A kém B, hoặc A hơn tất cả.

Mô thức căn bản A ngang B phổ cập nhất, như thấy trong câu ca dao lục bát “Nhớ ai bồi hồi bồi hồi / Như đứng đống lửa, như ngồi đống than” mà trong đó câu lục là yếu tố A và câu bát là yếu tố B với hai ví von.

Lý Bạch mở đầu bài “Xuân Tứ” bằng cách ví von màu cỏ yên khi mùa xuân về như tơ xanh:

Yên thảo như bích ti.

Cỏ yên như tơ xanh.

Trong bài thơ vẽ lên một mùa xuân diễm lệ đang dừng gót trên một mặt hồ tại đất Hàng Châu, Bạch Cư Dị mở đầu bằng cách so sánh mùa xuân với một bức tranh:

Hồ thượng xuân lai tự họa đồ.

Xuân vẽ trên hồ tựa bức tranh.

Heinrich Heine ví von nét yêu kiều của một bông hoa biết nói với một bông hoa thật như thế này:

Du bist wie eine Blume

So hold und schoen und rein.

Em trông như một đóa hoa

Ôi bao duyên dáng, mặn mà, băng trinh.

Nữ nhạc sĩ Consuelo Velázquez, tác giả bài ca “Bésame mucho” nóng bỏng, đã mạnh bạo đề nghị người bạn trai hãy hôn nàng như thể đêm nay là lần cuối cùng họ hôn nhau trong đời:

Bésame, bésame mucho

como si fuera esta noche la última vez!

Hãy hôn em, hôn em cho đắm đuối

như thể tối nay đêm cuối cuộc đời!

Một William Wordsworth đang chán chường thế sự đã ví von sự lãng du cô đơn của mình như một áng mây trời:

*I wandered lonely as a cloud
That floats on high o'er vales and hills.*

***Lang thang cô độc như một áng mây trời
Ta lơ lững trên núi đồi cùng thung lũng.***

Trên đường đi thăm mộ người con gái yêu thương mới qua đời trong một tai nạn thảm khốc, một Victor Hugo cô đơn, buồn tủi chẳng để ý chi đến ngoại cảnh. Như thăm thì nói chuyện với con dưới mộ, thì hào đã ví từ nay ngày đối với mình sẽ như đêm tối:

*Je marcherai, les yeux fixés sur mes pensées,
Sans rien voir au dehors, sans entendre aucun bruit,
Seul, inconnu, le dos courbé, les mains croisées,
Triste, et le jour pour moi sera comme la nuit.*

***Cha sẽ đi, mắt tập trung vào suy nghĩ,
Không nhìn quanh, chẳng nghe ngóng điều chi,
Cô đơn, lạc lõng, lưng cúi, đôi tay khoanh chặt,
Sâu bi, ngày với cha sẽ như đêm tối mất thôi.***

Để mô tả tiếng đàn Thúy Kiều gảy cho Kim Trọng nghe sau khi nàng đã cùng chàng thề nguyên, Nguyễn Du giảng xuống một chuỗi ví von đặc địa :

*Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời,
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.*

Để giới thiệu một giai nhân chẳng phải là người trong cõi chúng ta, Đinh Hùng sử dụng một lúc hai ví von tráng lệ cho “Kỳ Nữ”:

*Em rực rỡ như muôn ngàn hoa sớm,
Em đến đây như đến tự thiên đường.*

Mô thức A ngang B cũng có thể được thể hiện một cách tân kỳ hơn. Chẳng hạn trong tiếng Việt, nếu A có trạng từ chỉ

số lượng “bao nhiêu” thì B có trạng từ chỉ số lượng tương đương “bấy nhiêu” đáp lại, như trong câu ví von dễ thương của một tình yêu nơi thôn quê thuở trước làm âm lòng người nghe không ít:

*Qua đình ngả nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu!*

Mô thức A hơn B được thấy rõ rệt khi William Shakespeare so sánh sự yếu đuối của mình với một giọt lệ đàn bà:

I am weaker than a woman's tear.

Tôi yếu đuối hơn một giọt lệ đàn bà.

Một khách tình si nói tiếng Pháp có thể sử dụng cả hai mô thức A hơn B và A kém B để thú nhận điều mỗi ngày gặp người yêu là chàng càng yêu nàng hơn, hơn hôm qua nhưng lại kém ngày mai:

*Chaque jour je te vois et je t'aime davantage,
beaucoup plus qu'hier mais bien moins que demain.*

***Càng gặp em anh càng yêu hơn nữa,
hơn qua nhiều nhưng kém hẳn ngày mai.***

Vị thế “độc tôn” trong mô thức ví von A hơn tất cả đã được William Wordsworth sử dụng để đề cao vẻ đẹp của một kiều nữ bí mật: Nàng như một bông đồng thảo bên cạnh tảng đá rêu phong, ít người nhìn thấy. Nhưng nàng đẹp lắm, này nhé:

*A violet by a mossy stone
half-hidden from the eye
fair as a star, when only one
is shining in the sky.*

***Bông đồng thảo kẻ bên tảng đá
nửa khuất che cả mắt thế gian
đẹp như sao, khi chỉ một vì
long lanh sáng trên trời cao thẳm.***

Một lối ví von nữa, có tính cách lan rộng (Homeric simile), được căn cứ vào mô thức A ngang B nhưng rồi chỉ B được phát triển thêm chi tiết. Nguyên Sa đã sử dụng lối ví von này để so sánh đôi mắt của người tình với một vì sao vô cùng đặc biệt:

*Tôi muốn ví mắt em như một vì sao
chưa có ở trên trời
một vì sao ngủ muộn hơn sao hôm
dậy sớm hơn sao mai
mà lòng tôi vẫn nhìn
chưa bao giờ chớp mắt
như em vẫn nhìn
nụ cười của em
trong mắt tôi!*

Ngoài những lối ví von hiền lành vừa kể còn có những lối ví von táo bạo hơn trong thi ca. Trong những ví von loại này, B là yếu tố táo bạo gây ra những ấn tượng khó quên cho người đọc, như trong hai thí dụ dưới đây.

Trong một bài thơ lạnh lùng đến rợn người, Keith Douglas đã nói lên cái chết thảm thê của một thiết giáp binh người Đức trong thế chiến thứ hai qua một ví von táo bạo. Trong chiếc chiến xa đã bị phá hủy, người ta tìm thấy tấm hình của người yêu anh ấy. Bên dưới chữ ký trên tấm hình tặng anh, nàng còn nắn nót viết thêm chữ “Vergissmeinnicht” (tên một loài hoa trong tiếng Đức có nghĩa đen là “đừng quên em nhé”) để nhắc nhở người lính trẻ ấy hãy nhớ nàng mãi mãi. Nhưng đây là sự thực phũ phàng:

*But she would weep to see todayhow in his skin the swart
flies move;
the dust upon the paper eye,
and the burst stomach like a cave.*

***Nhưng nàng sẽ khóc ngất hôm nay khi thấy
bầy ruồi đen bâu kín da chàng;
bụi phủ đầy trên con mắt giấy,
còn dạ dày banh như một cái hang.***

Bài viết ngừng tại đây với một chuỗi ví von tân kỳ táo bạo, nhưng cũng dễ thương làm sao của Nguyên Sa:

*Hôm nay Nga buồn như một con chó ốm
như con mèo ngái ngủ trên tay anh
đôi mắt cá vờn như sắp sửa se mình
để anh giận sao chả là nước biển!*

Tài liệu tham khảo

Cuddon, J.A. (1991). A dictionary of literary terms and literary theory. Oxford, England: Basil Blackwell Ltd.

Felleman, H. (1936). The best loved poems of the American people. New York: Doubleday.

Flores, A. (1998). Spanish poetry. Mineola, NY: Dover Publications.

Mathieu, G., & Stern, G. (1987). Introduction to German poetry. New York: Dover Publications.

Nguyên Sa (2000). Thơ Nguyên Sa toàn tập. Irvine, CA : Đồi.

Pompidou, G. (1961). Anthologie de la poésie française. Paris : Librairie Hachette.

Trần Trọng San (1993). Thơ Đường. Scarborough, Canada: Bắc Đẩu.

Sunday, 01 March 2015 17:26

Written by Đàm Trung Pháp

12 Trầm Hương



VỮ TIỀN LẬP **CHIỀU KHÔNG KÝ ỨC**

Lắng nghe những tảng đá cuội đang bị vùn quanh bởi sức mạnh của luồng nước chảy ào ạt. Biệt lập hẳn đời sống và hạnh phúc là khởi dậy cô độc như sự tiếp cận mong manh của trí tưởng trong yên lặng. Cái nhìn xa xôi gồm cả những thứ gần bên nhưng cái nhìn gần bên không thể gồm cả những thứ xa xôi. Khuất một nơi xa rời quá khứ tưởng chừng không có gánh nặng của cuộc đời, như thể không có ngày hôm qua hay ngày mai hay những khoảnh khắc kế tiếp. Thời gian đứng yên cùng sự sống. Chết đi thời gian là sống trong hiện tại, là bước vào thật lặng lẽ bằng sự tinh khiết của bản thể an bình trong một không gian vô tận và mệnh mang, không một thôi thúc ẩn nấp sâu thẳm có thể chiếu rọi bao la này.

Tĩnh lặng là chiều sâu của trống không, giống như một con sóng bao bọc quả tim và khoảnh khắc kế tiếp không có khởi đầu. Mỗi suy nghĩ và mỗi cảm thấy, mỗi khao khát và thúc giục hoàn toàn vắng mặt.

Vẻ đẹp không bao giờ riêng tư, những cánh rừng xanh thẳm căng đầy ánh sáng hoàng hôn. Một màu xanh với cặp mắt long lanh từ những giọt nước mắt bị bỏ quên, đó là màu xanh của tuổi ấu thơ và vô nhiễm không chọn lựa. Và khi mặt trời hạ thấp thêm nữa, mỗi màu sắc rực rỡ hơn, mãnh liệt hơn vượt khỏi mọi hồi tưởng cùng tự do khỏi những vết sẹo của một buổi chiều không ký ức.

những cảm nghĩ thoáng qua
bồng vút chạy như con ngựa mất giây cương
giật ngược trở về hiện tại
chỉ thấy một cái nhìn băng quơ vụng dại
như không gian đang ghì chặt
đám mây còn bỏ dở
những sợi tơ mềm chưa kết tụ
hạnh phúc như vân du lang bạt
như nước cuộn một chiều về...



NGUYỄN MẠNH TRINH
ĐỌC THƠ HẢI PHƯƠNG

Có một người làm thơ đã viết một vài câu thơ tình cò để tặng một tập thơ đọc cũng rất tình cò của một nhà thơ mà cuộc gặp gỡ cũng thật... tình cò vô định trong cõi đời này:

*“ghé chơi qua chốn mịt mù
thấy ngôn ngữ quanh thiên thu ngỡ gần
một bước chân thấy phân vân
thấy trang sách triết tản ngẩn cỏi xa
hai chân bước chợt nhạt nhòa
vẫn trên câu sáu nở hoa nụ đầu
về sau câu tám ở đâu
lạc vào cỏi sắc mấy màu tịnh không
soi gương râu tóc bành bồng
hỏi chàng thi sĩ có trong mộng hờ?
câu vấn câu đáp lừng lơ
thấy trường giang cuộn mấy bờ dương gian”*

Đọc thơ Hải Phương, thấy ngôn ngữ thơ như vờn quanh chúng ta một điệu khiêu vũ mà thân thể dường bất động đứng yên một chỗ. Sao lại đứng yên mà khiêu vũ được ? Bởi vì, trong tâm tư, hình như cái có và cái không trộn lẫn, chân đi mà tưởng như đứng, óc nghĩ mà tưởng như không mây may suy tư và cảm giác là những nổi băng khuâng của mê hoặc bất định. Tôi đã nghĩ như thế và chợt giật mình, tự hỏi. Tôi đọc thơ theo kiểu nào? Phạm Công Thiện hay Bùi Giáng...? Và tôi có giả vờ làm người khách lạ đi tìm thi tứ...

Không, tôi đọc theo kiểu của tôi, không làm cho khác đời và cũng chẳng cầu kỳ bí hiểm. Thấy gì nói nấy, cảm gì bộc lộ nấy. Ở thơ Hải Phương, tôi thấy thơ có lúc bàng bạc phân cách giữa chữ

và nghĩa. Nhưng, ở phần cảm xúc là những bước chân kéo đi xa, thật xa đến mịt mù. Mỗi một thi sĩ có phương cách diễn tả riêng. Cái riêng ấy lột tả cái phong thái để thành một căn cước cho thi sĩ. Đọc câu thơ đầu, đã có cảm giác của một danh tách, đọc câu thơ thứ hai đã thấy một chân dung. Ở Hải Phương, là ngôn ngữ cũ nhưng hình tượng mới, là ngôn ngữ có phần son nhưng trang điểm nhẹ nhàng. Thơ là những nét vờn của cuộc sống, của những cảm giác thoảng qua trong những giây phút tình cờ tìm kiếm được những mơ mộng đã từ lâu tích chứa.

Như bài thơ "Chân dung mùa xuân và biển".

*"Tóc xao vừa độ nắng hong
gió hiu hiu đủ phiêu bồng mái hiên
liềm trắng lục bát nghe thềm
trâm hương cỏ mượt môi em dậy thì
nét mày vẽ một đường thi
tuyệt chiêu em nước cờ đi qua thành
mềm môi cắn một lần ranh
nụ hôn vỡ vụn tan nhanh miếng sầu
thấp lòng tỉnh lặng trước sau
đường cong biển đội trộn màu chân dung
bồng dung lại bồng không dung
bồng dung bồng nửa lưng chừng nhớ em
mở trang vô tự ra xem
thấy trong lá biếc biển đêm dịu dàng "*

Đọc xong những câu lục bát trên, có người hỏi tôi. Thơ nói gì vậy? Tôi ngó ra và chỉ biết nói thơ không bao giờ giải nghĩa được. Tôi chỉ yêu thơ, khoái thơ nhưng bình thơ thì đành chịu. Bởi vì tôi thấy bất lực để dùng ngôn ngữ là một thứ hữu hình để phác họa cái cảm giác là một loại vô hình và ai hiểu sao thì hiểu. Thế thì, cảm giác của tôi khi đọc những câu thơ trên ra sao? Chỉ là những liên tưởng nối tiếp nhau, từ một hình dáng người nữ, có nét thực mà cũng có nét ảo, gợi lại một không gian nào kỳ bí và một thời gian nào có thể gần mà có thể là vạn dặm để trong bồng dung nổi nhớ thấy từng trang vô tự của lá biếc biển đêm. Đó là cảm nhận của riêng tôi, mà người khác có thể không cảm nhận ra. Những câu thơ, tả người nhưng để phác họa tình cảm, để trong những đường

nét như có như không ấy, ngầm chứa một thế giới riêng của những nỗi niềm yêu thương bằng bạc.

Và, trong một sát na "bồng dung lại bồng không dung / bồng dung bồng nữa lưng chừng nhớ em / mở trang vô tự ra xem / thấy trong lá biếc biền đêm dịu dàng". Dù là trang vô tự, vẫn thấy biền dịu dàng của bóng đêm...

Hải Phương thường viết về biển. Ở biển, có cuồn ca. Ở biển, có thánng giêng xanh tình cỏ biếc. Ở biển, có nghe vời vợi vỗ khuya. Ở biển. Tiếng em vọng âm rền tiền thân. Những bài lục bát liên tiếp nhau, để biển cả thăm thăm nỗi niềm, để trùng dương cứ thăm thì một điệu ngữ ngôn của thuở nào đất trời còn hoang sơ của cuộc nhân sinh còn nhiều gót chân đi lạc.

Thơ Hải Phương từ : "mùa xuân em biển hư vô / triều con sóng vỗ bờ xô cát bầy" của "Cuồn ca biển và em" đến: "Biển buồn trời cũng mây bay / cơn mưa tinh thể đất say điệu mình / đất trời cứ mãi làm thình / mà sao cỏ biếc xanh tình thánng giêng" của "Mà sao cỏ biếc xanh tình thánng giêng" rồi: "Màu trắng động vờ càn khôn / môi em động vờ nụ hôn dậy thì / thiên thu động vờ có khi / tóc em gió rối chân đi lạc lìa / nghe vời vợi biển vỗ khuya / hôn ta động vờ còn chia bãi bầy" rồi: "qua đây thấy lạ con đường / hai vai quấy gánh vô thường mộ xưa / mùi trắng động vũng cơn mê / bước chia cổ xứ nẻo về mình ên / tiếng khô đá nẻ nhẹ tênh / tiếng em biển vọng âm rền tiền thân". Rồi: "Bỏ ta ơi bỏ người ta / bỏ mây tứ xứ em tà áo bay / bỏ hôm trước bỏ ngày bay / rừng phoir lá nồn biển bầy biện em".

Những câu thơ mở ra những hình ảnh. Ý và tình, tình và ý, chen lẫn nhau để gián tiếp nói với ngôn ngữ của những sợi đàn cảm xúc, văng lên nhẹ nhàng và như chứa chan ở trong những dung lượng vô bờ của nỗi niềm dàn trải. Biển có nói gì đâu / ngoài điệu sóng ru, ngoài màu xanh thăm thẳm của chiều sâu tận cùng chẳng bao giờ đọng đầy...

Có người nói thơ sao mơ hồ và đầy những ngôn ngữ ít có âm hưởng đời thường trong thi phẩm Hải Phương. Có thể đó là một lời phê phán với người này nhưng lại là biểu tỏ khen ngợi với người kia. Ở trong những từ có thể gọi là sáo ngữ ấy trong cảm nhận này lại là những vọng âm mở ra những mảnh trời u hiên với tâm thức kia. Riêng với tôi, tôi cảm nhận được trong sự mơ hồ một đời sống nào gần cận lắm, lãng mạn và đầy thiết tha của những trái tim dòn dă nhịp đập thương yêu. Chẳng sao, nếu có ai tô son điểm

phần cho ngôn ngữ. Chỉ xin một điều, có cảm nghĩ thực của cuộc sống thực chứ chẳng phải là một màn kịch mà người thủ vai cứ hững hờ trong lớp áo vô hồn...

Thơ lục bát, đã có một quá trình sáng tạo từ bao nhiêu thế kỷ, đã qua những khuôn khổ như một gấn bó vô hình làm thành những cũi thơ khuôn mẫu. Rất khó cho những dụng công đổi khác. Câu sáu câu tám, mở ra và khép lại. Câu tám câu sáu, khép lại và mở ra. Thi sĩ, như người chọn lựa một cuộc thách thức. Làm sao để tạo cho riêng mình một vóc dáng. Không phải của Nguyễn Du nàng Kiều, không phải của Tú Xương “Sông lấp”. Mà cũng không phải Cung Trầm Tưởng, Trần Đức Uyển, Hoài Khanh,... thuở nào. Mà phải riêng vóc dáng Hải Phương. Trong cổ công ấy, tôi đã thấy trong ngôn ngữ và vần điệu. Những chủ ý để bắt người đọc chia sẻ với người làm thơ những tâm tình, có thể là chung của những người đam mê và nhiều mộng ước. Thơ như những ngọn củi, nhen vào bếp lửa nhân sinh để trong hơi cuộc đời chia với nhau niềm thiết tha nồng ấm...

Người thơ nói với người thơ? Có phải là những chung mang của nghiệp duyên phải gánh. Đọc thơ bạn, để thấy gần gũi hơn những câu lục bát, để thấy không gian gần lại một vòng tay. Hải Phương đọc thơ Hoàng Xuân Sơn:

*“Đất buồn đất hỏi han cùng.
Trời buồn trời lại bão bùng hao hư
Đọc câu lục bát tàn dư
Đêm qua mắt ngủ còn như ngó ngày
Phiên đời vụn nhỏ lòng tay
Trái tim âm bản vàng bày lửa nung
Đất trời lục địa nhớ nhung
Con chim nhỏ hát tiếng khùng điên rong
Vì em bữa trước ra bông
Bữa nay ra nụ phiêu bồng tiền thân.”*

Trời buồn đất buồn nên câu lục bát cũng tạo thành đêm mắt ngủ. Vì sao? Bởi vì: “vì em bữa trước ra bông / bữa nay ra nụ phiêu bồng tiền thân”. Câu trả lời đơn giản mà phức tạp, tưởng lời cạn mà ý sâu. Thơ mở ra những liên tưởng nhưng cũng đóng lại những luận cứ. Thơ như bơi trong dòng nhân sinh mà tưởng như chân dẫm trên bờ cạn rong chơi. (Không hiểu thi sĩ có chủ ý diễn

tả như thế không? Tôi không rõ. Nhưng là người đọc tôi đã cảm thấy như vậy)

Hải Phương làm thơ cho những người bạn Phan Thiết, những người đã sinh ra ở bên sông Cà Ty, núi Cú và Tà Dôn. Thơ gửi Hoài Khanh:

*“ngày về mở cửa phù vân
cài then thiên cổ mưa gần nắng xa
bút hoa hứng trận phong ba
miếng môi ngậm cứng vành tà huy không
mở trang vô tự phiêu bồng
mái hiên ngôn ngữ mái lòng thanh thanh”*

Thơ gửi Đài Nguyên Vu:

*“người về cỏ rỗi dưới chân
chén thính không cạn bước ngàn ngại qua
sông Cà Ty trận mưa và
phố lâu Phan Rí rộng tà áo bay
thiền sư thả con điều mây
tràng kinh niệm đến đoạn này đứt giây”
và thơ gửi Từ Thế Mộng;
“biển xưa sóng vỗ cồn bầy
bến bên kia bãi bên này rộng rinh
biết đâu rượu uống một mình
môi cay nhún gợn ngọn tình ra roi
mở trang vô tự ra coi
môi khuya thấp ngọn lửa cời bếp xanh.”*

Dù thơ viết cho mình hay gửi cho người, Hải Phương vẫn là một người tự may cho mình một tà áo thơ để khoác lên tâm tư những nỗi niềm dần trải từ cuộc sống. Tôi đọc thơ ông, như những bước chân đi tìm lại những bóng nắng rơi xưa cũ, những tâm tình của một thuở nào tưởng đã quên mà gợi nhớ đến lạ lùng. Nếu có ai thấy tôi viết như trong con đồng điệp thì cũng bỏ qua cho, bởi khi đọc thơ có khi mình đã quên lãng cả chính mình, thân phận mình. Đọc thơ Hải Phương, là để du hành vào một cuộc lữ mà hai chữ có không, cũng như mê và tỉnh chỉ là những ý niệm mơ hồ của ngữ ngôn phù ảo...

Nguyễn Mạnh Trinh

18 Trần Hưng



NGUYỄN BẮC SƠN
MAI SAU DÙ CÓ BAO GIỜ

Đêm phù cát dù bên ngoài trời rất lạnh
Nhưng trong ngôi nhà tranh của thiếu úy Hồ Ban
Có tình bạn nồng nàn như ly rượu chôn nhiều năm dưới đất
Có câu chuyện tình thi vị man man

Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ
Vì đám đông quây bản nước hồ đời
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn
Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi

Vì đàn bà người nào cũng như người nấy
Nên ta bảo mình thôi hãy quên em
Nhưng đàn bà đâu phải người nào cũng như người nấy
Nên suốt đời ta nhớ nhớ, quên quên

Dù mỗi ngày ta xé đi năm mươi tờ lịch
Nhưng thời gian đâu có chịu trôi nhanh
Dù đen bạc là nơi cố xứ
Nhưng đi biệt cũng không đành



PHAN BÁ THUYẾT DƯƠNG ***VIẾT VỀ THƠ THY AN***

Thy An: 40 năm làm thơ, yêu đời và yêu người.

Thy An tên thật là Nguyễn Thế Tài, sinh năm 1952. Anh xuất thân trường Pháp tại Việt Nam, tốt nghiệp ngành khoa học tại Âu châu và cư ngụ tại Bỉ quốc. Thy An cho biết anh rất yêu thích thi ca và văn chương Việt Nam ngay từ khi còn bé.

Học sinh, sinh viên miền Nam VN, nhất là người theo học chương trình Pháp như Nguyễn Thế Tài hay chọn ngành chuyên biệt Pháp ngữ trên các phân khoa đại học, những người yêu thích thi ca phương Tây, thi ca hiện đại, không ai không biết hay từng say mê, đọc qua Stephane Mallarmé, Paul Verlaine, Arthur Rimbaud, đặc biệt là Guillaume Apollinaire [1880-1918] - ít nhất, qua *Le Pont Mirabeau* và *Le Voyageur*, hoặc Victor Hugo [1802-1885] với *Les Misérables*, Alphonse De La Martine [1790-1869] qua *Méditations*... mà thi phẩm *Le Lac* của vị đại thi hào này thì dường như ngay cả học sinh trung học chương trình Việt trước 1975 có thể nói ai cũng thuộc lòng.

Thy An theo học trường Pháp từ thuở thiếu thời, nên có điều kiện thuận lợi để đọc, tiếp xúc rộng rãi với nền văn hóa, văn học Tây phương, do đó tôi nghĩ phần nào anh đã chịu ảnh hưởng của những thi sĩ trứ danh nêu trên, để từ đó anh yêu và làm thơ hơn 40 năm qua.

Và qua Tuyển Tập Thơ Thy An, nếu cần nhắc thêm ảnh hưởng về dòng thi ca trữ tình, lãng mạn VN thì người đọc còn

nhận ra trong thơ Thy An phẳng phát âm hưởng, tiết tấu, phong vận của Đinh Hùng, Hồ Dzếnh, Hàn Mặc Tử.

Hầu hết những người làm thơ không ai là không chịu ảnh hưởng ít nhiều của những thi sĩ thành danh đi trước. Ngôn ngữ thi ca, thi ảnh... mỹ miều không nhiều, nên tự thân việc chịu ảnh hưởng về một mặt nào đó vốn là chuyện đương nhiên, bình thường. Vấn đề là người chịu ảnh hưởng, thẩm nhuần tư tưởng thi ca của các thế hệ đi trước có biết cấu trúc, hài hòa để tự sáng tạo cho thơ mình một "chân dung" mới, một con đường mới hay không. Theo tôi, Thy An đã thực hiện được điều hay đó một cách trọn vẹn, hoàn hảo.

Thơ Thy An được cấu trúc chặt chẽ, hài hòa và đầy nhạc tính, với những nhân dáng, hình ảnh sâu đậm, mà Robert Bly và nhóm thi hữu của ông như James Wright, Louis Simpson, William Stafford... đã tận dụng, khai thác và được họ mệnh danh là "deep images". Lời thơ dù mang sắc thái lãng mạn, trữ tình, hoặc cảm xúc trước sông hồ, biển cả, núi non như được biểu tượng hóa, đều luôn phẳng phát, tiềm tàng tinh thần nhất quán của một bản thể tính hoài niệm.

Thơ anh nhẹ nhàng và dài hơi, nhất là trong thể loại 8 chữ, thơ mới. Nguồn thi cảm của anh phong phú, dạt dào và được giao thoa, dần trải một cách thiết tha, lắng đọng.

Thi ngữ Thy An sử dụng thường mới lạ, âm vận êm đềm, đồng thời chuẩn mực về thi pháp và quy luật, nên dễ lôi cuốn người đọc tiếp tục hành trình khám phá, thưởng ngoạn tuyển tập thơ của anh. Đây là một tác phẩm hay cần có trong tủ sách gia đình.

Tác phẩm đã xuất bản:

* Albert Einstein, nhà bác học đam mê và chân thật (biên khảo, xuất bản tại Bruxelles năm 2007, tái bản lần thứ nhất 2008)

* Tuyển Tập Thơ Thy An tác giả ẩn hành tại Bruxelles, cuối 2008. Sách dày 220 trang với nhiều phụ bản tranh màu của các họa sĩ trứ danh: ?, Monet, Vangogh, Jacobha, Nguyễn Trung, Hồ Thành Đức, Bé Ký...

Địa chỉ giao dịch điện thư :thyan278@yahoo.fr

Trần Hương 21

Dưới đây là một số bài được trích từ tuyển tập thi ca nói trên:

Lời Độc Thoại

đời một nửa nghiêng sâu vào tình sử - hồn lung linh theo
tiếng hát lên trời
đỏ nước mắt gửi niềm đau ngọc nữ - rồi ngày qua, ngày qua
vẫn thấy rõ rời
chiều thấp sáng nguồn đau chờ sám hối - giấc chiêm bao
như héo úa tàn canh
theo tiếng gió gửi lời ca buổi tối - thương ngày mai như
thương khoảng ngày xanh

Có Phải Em Về

có phải em về đèn khuya héo úa - cho cả bầu trời ảm đục
sương đêm
tay đốt lửa soi đời ngày đối mặt - ôi khuôn mặt xưa mờ mịt
bên thềm
có phải em về phấn hương tẻ nhạt - môi vẫn hồng tóc vẫn
chăm ngang vai
những thương yêu ấp ủ ở bàn tay - hay ngày mai chỉ là cơn
gió lạnh
ngày ra đi, đời ta buồn ủ chặt - nghe hương xưa thoảng
thoảng áo phong trần
trời có biếc, mắt có trong màu trinh nữ - ta vẫn mình ta khua
nhịp đều chân
trên đỉnh trời sâu loài cây nhớ gió - một lần trót thương vạn
kiếp u mê
ta đã xót xa ngày tháng lê thê - nghe gãy mục từng cảnh đời
vàng ó
có phải em về thời gian vỡ đổ - để ngọn đèn khuya nức nở
thâu đêm
ôi dung nhan của một thuở êm đềm - ta bỗng sợ cho ngày
mai gió bão
có phải em về buồn lên sắc áo - ánh đèn vàng đâu soi rõ đời
nhau
đời của em lẽ nào buồn da diết - để lời thơ ta mãi mãi sầu
đau ?
22 Trầm Hương

Bài Thơ Du Tử

rồi mai anh về thơ thành hoa thành lá - có bao giờ hoa lá
ngủ trên vai
có bao giờ em thương mến ngày mai
hay suốt đời thơ anh - chỉ là giọt sương buổi sáng ?
khi đã ngã nghiêng một vùng đời quên lãng - anh chợt về
vàng trán nét suy tư
có thể nào thôi vàng lá mùa thu - để anh tiếc ngày đêm làm
du tử
tình của anh là tiếng buồn cô lữ - dưới hiên nhà trên đồi núi
sơn khê
nghe vang xa từng tiếng suối đê mê - nghe thương nhớ mảnh
trăng thề chờ đợi
anh vẫn tiếc những tháng ngày diệu vợi - con đường nào
hàng me lá bay bay
đã quên chưa em con hò hẹn tình dài - hay kỷ niệm chỉ là
thời vang bóng ?
ngày ra đi anh vẫn biết đời biến động - nên đã cười mà đau
đón xót xa
cũng như ngày xưa anh đã chọn thi ca - làm giấc ngủ trong
những đêm phiên muộn
và trời Liège khi sương chiều buông xuống - phủ lòng anh
đêm rừng núi vây quanh
anh đã nhớ tới em qua làn khói mong manh - qua kẽ hở bàn
tay mùa gió lạnh
có lẽ nào mùa thu đã đem về hiu quạnh - để lòng anh se sắt
đón đau
có lẽ nào bàn tay đã đánh mất tin yêu - để mãi mãi anh một
đời rong ruổi
rồi mai anh về, thơ thành hoa thành lá - đậu bờ vai hay hàng
giậu trước hiên
anh sẽ về tìm bắt cánh chim khuyen - hay nổi nhớ muôn đời
là nổi nhớ ?



TRẦN HOÀI THU
GẶP NHAU LẦN ĐẦU

Quê em miền sông Hậu
Quê anh tận ngoài Trung
Những giòng sông yêu thương
Đều chảy về một cửa

Anh gặp em một bữa
Mà trăm bữa nhớ thương
Anh gặp em một lần
Mà trăm năm tiên kiếp

Em về Sài gòn nắng
Em đi Sài gòn mưa
Sài gòn vào giờ trưa
Mưa rơi dài xa lộ

Màu áo mờ ngã bảy
Anh như cột đèn cầm
Trưa Sài gòn chuyển giông
Chiếc xe đồ rời bến

Chưa cầm tay để giữ
Mà bịn rịn lời trao
Chỉ nói lời vu vơ
Mà đã về thương nhớ



HOÀNG T. NGUYỆT KHUYẾT
VẪN LÀ CHÚT MỘNG ĐÊM XUÂN

Mộng đêm xuân, xuân tàn hoa khép
Ngày lẳng lơ réo gọi tình em
Hôn mở ngõ đêm dài thao thức
Nghiêng người chạm vách đêm lạnh thêm

Rung rúc trong lòng mơ quê cũ
Mai về về lại chút dung nhan
Bốn chục năm hơn ngày tàn lụn
Giao bôi rượu lạnh như sương tan

Bỏn cọt lòng mình đêm mộng mị
Xanh xao xuân khoác áo đường thi
Nhòe nhẹt phấn son đêm trở giấc
Gọi thầm ân ái ướt bờ mi

Chỉ chợt nhớ thôi lòng như đã
Nhũn mềm nghe da thịt trúng tà
Thầm gọi tên nhau đêm nguyệt động
Trắng nghiêng lá rụng lạc yên hà.



TÚY HÀ

THAO TÁC THƯỜNG TÌNH

mỗi ngày đào lỗ trồng cây
ngỡ như đào huyết chôn ngày tháng tôi
mỗi ngày tiền thời gian trôi
làm sao vun gốc hoa đời quắt queo
mỗi ngày nghe gió ngàn reo
khác gì ma hú lưng đeo vọng âm

chỉ thế thôi rất ân cần
sáng trưa chiều tối lặng câm riêng mình
đôi bờ ngăn cách tử sinh
khác gì tơ sợi lưới tình mong manh
cảnh đời biến đổi rất nhanh
khác gì mây trắng trời xanh ghẹo người

dù sao cũng cảm ơn đời
mưa khuya nắng sớm tứ thời giao hoan
sinh sinh diệt diệt tuần hoàn
nhân gian tiền kiếp tro tàn bụi bay
phải chăng hai chữ đêm ngày
chính là biên giới tỉnh say giữa đời

mỗi ngày đào lỗ giỡn chơi
chôn mây vùn cầu cầm hơi thở tàn.



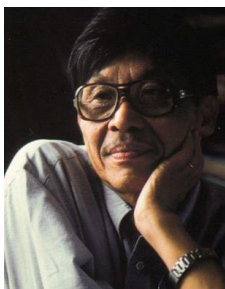
TRẦN YÊN THỤY
GIÓ LẠC

Trái mùa hoa leo giậu thừa
Giấu mình trốn những cơn mưa kín ngày
Gió tự tung tự tác bay
Làm sao cạn chén rượu cay cho đành

Trái mùa như chim chuyền cành
Lạc bầy xa bạn trúc mảnh ngân ngơ
Chim nam cành bắc ơ hờ
Chuyền tay nổi nhớ rót bờ đông tây

Trái mùa nắng hạ khói bay
Hắt vào vạt nắng men ngây ngất đời
Mình tôi lạc bước sân chơi
Như đàn lữ nhịp nói lời gì đây

Trái mùa mưa nắng theo mây
Mây bay không nghỉ cuối ngày về đâu
Người qua bốn chục tuổi sầu
Tôi qua cầu gió sắc màu vụt bay...



TRẦN VĂN LỆ

SÁNG NÀO ĐÓA HOA VÀNG

Sáng sớm, mặt trời lên
Ngỡ mặt trăng chưa lặn
Đến khi trời rực nắng
Mới biết là trăng tan!

Dĩ nhiên là nhớ nàng
Người con gái mười bảy
Hết rồi được nhìn thấy
Thấp thoáng trong vườn hoa...

Thấp thoáng. Mờ. Tan. Xa
Còn chẳng sương kỷ niệm
Ngỡ khăn choàng màu tím
Sáng nao nàng che trăng...

Sáng nào đóa hoa vàng
Nở cho nàng đứng lại
Nở cho chàng cúi hái
Nở...cho tình yêu thôi!

Sáng nao xưa lắm rồi
Biết ai mô mà hỏi
Con đò ngang đã tới
Bến nào hỡi Hương Giang?

Mặt trời đã hiên ngang
Vượt lên đầu ngọn núi
Tôi biết tôi có tội
Vì quá thương nhớ trăng!



**ĐÀO LÊ
LỖI XƯA**

Con đường trở giấc cô miên
cửa mình trăm cửa, hàng hiên bời bời
hỏi mình một thuở chung đôi
hỏi em biền biệt, bóng đời ngả nghiêng
nắng mưa gọi thức niềm riêng
trôi đời luân lạc về miền biển dâu

chân đơn dạo phố, em đâu?
trả lời chỉ thấy lá nâu rụng đầy
nhớ nhớ, nhớ đã thành say
muốn quên đường sẵn dấu hài năm xưa
nắng nhòa trộn lẫn hàng mưa
nhớ quên, quên nhớ còn chưa vơi lòng

môi em đỏ nhánh phượng hồng
áo bay, ngọn tóc thả bông đáng mây
gió về hoa cỏ lắc lay
để bao cánh bướm lượn ngoài vườn xanh
đôi chim riu rít trên cành
ru ta vào mộng mong manh giấc tình

đá mòn chân cứng hồn nghiêng
lối xưa cỏ rối lời nguyên sắt son
ẩn trong nhung nhớ vẫn còn
tình riêng nghĩa nặng những bon chen đời
dù cho non biển đổi dời
tình anh lấp lánh khung trời bên em



TRẦN THIỆN HIỆP

Truy vấn tôi

Từ bao giờ em yêu tôi
Xanh rừng trí nhớ, bãi bồi biển trắng
Mùa xuân nào môi em hôn
Trái tim chín đỏ, ngực cồn bão rơi
Đường em qua, chim vang lời
Vườn hoa nhụy ngọt, ong tôi đại khờ
Đêm nhòa, tôi, trắng, bơ vơ
Đài gương tâm ảnh, tình ngờ ngợ reo

Ru nỗi buồn thừa

Ta ru ta nỗi buồn thừa
Giữa lao xao lá hạt mưa lờ lờ
Mơ hồ từng giọt dư âm
Dội lên tiềm thức tiếng thâm xa xưa
Em qua nhịp guốc đường trưa
Nắng con phố dốc cho vừa thương nhau
Nghìn trùng vẫy gọi chiêm bao
Phân tư thế kỷ hư hao cõi mình
Ta ru chiu chặt giọt tình
Ta ru còn lại chênh vênh phận người



SONG AN CHÂU

Từ xa quê Mẹ

Từ xa quê mẹ đến giờ
Tôi thân chùm gởi, sống đời ly hương
Trắng tay cất bước lên đường
Nay thân xứ lạ, lòng vương vẩn sầu
Đêm về trở giấc canh thâu
Nhìn quanh tứ phía, biết đâu là nhà
Bỗng nghe xao xác tiếng gà
Nơi đây đất Mẹ hay là chiêm bao
Ngoài kia xe cộ xôn xao
Freeway đèn sáng, lẽ nào nước ta ?
Có chăng ... có phải chăng là
Chưa tan giấc điệp hay ta hóa cuồng
Ngã lưng trở lại thấy buồn
Nệm êm, chăn ấm, sầu tuôn vắn dài
Nỗi sầu biết tỏ cùng ai
Giữ trong tâm khảm, đọa đày xác thân
Thời gian nay đã đến gần
Tuổi già xé bóng, ngoài sân nắng dài
Ô hay! Một kiếp trần ai
Mong về quê Mẹ, đêm ngày yên vui.

Trăng thu bóng đổ bên thềm
Nghe con hạc trắng ăn đêm bay về
Tiếng kêu sao quá náo nê
Hạc ơi! có nhớ tình quê, tình người?
Còn ta từ buổi ba mươi
Tháng tư năm ấy ta rời quê đi
Giờ ta cánh Hạc thiên di
Bay trong bão táp, có đi không về
Từ ngày khuất nẻo đường quê
Giờ ta sống cảnh nhiều khô tình đời
Buồn, thương, giận, ghét Hạc ơi!
Nay ta ôm lấy trong đời nhiều ghê.
Mong sao có một ngày về
Cùng em sum họp...xa quê lâu rồi!

Tình quê

Nay tôi rũ áo phong sương
Nằm nghe tiếng dế bên đường tỉ tê
Quê hương chưa một lần về
Nhớ thương đứt ruột, tình quê dâng trào
Xa quê nhớ mới năm nào
Bao năm xa xứ mà sao ... quá buồn.

Giọt sầu như thể mưa tuôn
Thân đơn lạnh giá vẫn thương quê nhà
Xa quê nhớ mẹ đã già
Nhớ con đường cũ đi ra cánh đồng
Sắn khoai mẹ đã vun vòng
Nay con xa xứ ai trông mẹ ơi!

Giờ con lưu lạc phương trời
Núi sông cách biệt...bời bời lòng đau.
Tình quê con vẫn dạt dào
Con mong tái ngộ ngày nào Mẹ ơi!

Song An Châu



HOÀNG XUÂN SON
KHOẢNG CÁCH

** đừng trách tôi không chung thủy
chỉ tự người thiếu thủy chung*

năng tỉnh vào huệ
chưa đủ sáng để câu lưu đời
tới cùng đeo riết
mệnh giá của tự do
bề mặt thoái thác dấu khắc nổi từng liếp sống. chung
hay không kết già
thần thái màu chưa lập định
hãy tạm thời hô hoán gian truân
cây nan hoa vòng bánh
quay mòn tháng năm hư
dẫn. mệnh tuyệt

đứng lên sắc gió ngày âm u
mặt đất biện giải lời thề
kiện tín
bù ở rất xa những di vật lún dần
chỉ còn vị ngọt vành đai
thơ bão cát
hai bàn tay thuộc trắng
nhìn gần
thấy không xa



LUẬN HOÁN
CHỢT THẦY NỤ TÌNH XƯA

tưởng rằng lòng rất bình an
hóa ra có chút bàng hoàng, băng khuâng
nghìn trùng xa chợt hoá gần
như hơi thở chạm tay chân ngày nào

vẫn còn đây cái hàng rào
nằm trong hẻm nhỏ mở vào lòng ta
lầy hờn tưởng chỉ thoáng qua
sao trong đuôi mắt mở ra ngàn trùng

vẫn còn nguyên nỗi ngại ngần
buổi chiều gót biếc ghé chùng tiếng thơ
những con cá nhỏ trong hồ
thong dong hay chỉ giả vờ lắng nghe

cái gì như chút sắt se
ngày xa xưa ấy thoáng đè nội tâm
mảnh dăm yên ngủ bao năm
chợt ngo ngoe thở, hương trầm xót xa

hoá ra là vậy, hoá ra
nụ tình khác với nụ hoa rất nhiều



THÁI BẠCH VÂN
BÂNG KHUÂNG
CHỢT LEN VỀ

Con đường dài heo hút
Bước theo chiếc bóng gầy
Sương rớt trên tàn cây
Mầm non đang nhú lộc

Mùa xuân như còn đây
Vườn bay dăm cánh én
Nắng tô hồng rừng mây
Heo may đường phẳng phất

Bâng khuâng chợt len về
Khung trời xưa kỷ niệm
Cùng ai chung ánh đèn
Bên nhau thơ xướng họa

Lời thân thương êm đềm
Tình thơ vương ánh mắt
Dòng thơ ấm nụ cười
Ngọt ngào reo tiếng nhạc

Giờ đây soi dặm đường
Bóng ai trên nẻo vắng
Lang thang tím nỗi buồn.
Mình ta đang đổi bước



NGUYỄN XUÂN THIỆP
NHỮNG CON CHIM HẢI ÂU

những con hải âu
chiều nay
bay quanh hồ nước. từng đàn. từng đàn
chúng đùa vui. kêu rân. trong nắng
a. có phải đây là những con hải âu mùa nào
lại trở về
mang trên đôi cánh
những ảnh hình
nay chỉ còn là cái bóng của hàng cây
anh chợt nghĩ tới em
giờ này cũng ngồi bên hồ nước. ở chinohill. bên những gốc
thông. thơm mùi nhựa mới. trong nắng chiều nhẹ rơi. nắng
chiều và chiếc khăn lụa với những bông magnolia màu tím
nghĩ đến một câu thơ đã viết
về một bức tranh
với người chơi vĩ cầm trên những mái nhà
hải âu ơi
hãy bay về phía đó
mang cho người tiếng nói của tôi
và chút hương. của ly rượu. chiều nay
chim nhé



NHU PHONG
NHÂN TÌNH KHÚC

Vẫn là em làm hồn ta nghiêng chao
vẫn là em làm tim ta xanh xao
từng bước chân giữa đêm khuya vụn vỡ
côi đi về rượt bắt những hư hao

xin hãy là một tình nhân liêu trai
đường phố gầy ta đi trong điên say
mặc cho đời có đi về chốn nào
vẫn là em hớp hồn ta đắm mê

mai có về em ngang qua đời ta
dù nhọc nhằn và đắng cay xót xa
vẫn là em, vẫn là em muôn thuở
là nhân tình ta say đắm ngu ngơ

xin hãy về cho tình yêu nở hoa
dù muộn màng vẫn đắm mê tương tư
cám ơn đời còn tình yêu loài người
cho thế gian còn điệu buồn ru em

nắng có tắt và hoàng hôn rụng xuống
đêm có sâu và vàng trắng có nghiêng
dù mong manh như những hạt sương
vẫn là em về từ ngàn năm trước

từ luân hồi em hoá thân nhập thể
ta tìm về từ cổ tích duyên xưa
đường nhân gian tình hồng vừa kết nụ
đóa tình hoa bật sống dậy vươn mầm

em vẫn mãi là tình nhân ta đợi
từ ngàn năm về nội trú trong ta
nếu mai kia trắng có đến tuổi già
em vẫn mãi là nhân tình ta nhé.....!



DẠ DUNG VŨ

MỘT MÌNH



Giận hờn, hờn giận để chi
Tô lên má thắm xuân thì chút duyên
Rằng thì chút phận thuyền duyên
Cong môi nũng nịu ướp thêm hương tình
Mày chau mắt liếc lạng thỉnh
Hờn anh em... vẫn một mình giận thôi
Lắng nghe giọt dăng dầu môi
Gọi thầm... sầu mộng bồi hồi vẫn thi
Đêm đan sợi nhớ thầm thì
Rằng hoàng hôn đã đợi khi hôn hoàng

Dạ Dung



TRÚC THANH TÂM
ĐƯỜNG PHƯỢNG BAY

Anh bên thêm kỷ niệm thoáng mưa bay
Thơ mộng quá những ngày ôm sách vở
Trường lớp cũ còn một thời để nhớ
Những thân thương giờ cũng đã xa rồi !

Khoảng sân chung đàn bướm trắng rong chơi
Trăng nguyên thủy của một thời ngây ngất
Trang lưu bút như những cơn gió mát
Thổi theo anh vào ngày tháng giang hồ !

Anh yêu đời và vẫn cứ làm thơ
Như thuở chớm yêu tình len lén gọi
Ai cũng có thời si mê, vụng dại
Tuổi học trò nhen nhúm tập tành yêu !

Nắng lung linh, em thả tóc trong chiều
Anh ngóng đợi để đêm về thao thức
Viết pilot, nhớ thương màu mực tím
Mùa hạ về rộn rã tiếng ve ngân !

Đường phượng bay theo thời khắc băng khuâng
Và một lúc anh thấy hồn bỏ ngỏ
Và một lúc anh thấy mình mắc nợ
Đến và đi cứ hệt hẫng trong tim !

Sợ xa người và sợ cả bóng đêm
Mong hoa nắng rỏ xuống đường hò hẹn
Nghe một chút hương thâm lưu luyện
Biết hồn ghen khi cảm nhận yêu người !



HẠC THÀNH HOA

Qua sông

Đến đây nghĩ ngợi đã nhiều
Sông trôi mau với bóng chiều cũng trôi
Bên này sông ngó xa xôi
Bốn bên là bốn phương trời sắp mưa
Ngại ngừng mỗi bước chân đưa
Nghĩ con đường suốt đêm chưa tận cùng
Thấy người thừa thớt bến sông
Nước trôi mau sợ trôi không kịp chiều
Đành thôi nhắm mắt cũng liêu
Cầm như chiếc lá bay vèo qua sông

Rời Trời Cũng Tối

Trời nhá nhem rời trời cũng tối
Lầu xa bay tủa một đàn dơi
Sầu cũng lên dần theo bóng tối
Mây xám còn trôi dạt khắp trời



PHAN CÁC CHIÊU HẰNG
THUYỀN XƯA

Ngày hay tin chị Thuyền ôm cảm sang... thuyền khác, tôi biết anh Long buồn ghê lắm, mặc dù thật ra cả nhà không ai lấy làm ngạc nhiên. Chẳng gì, chị Hiền đã kể cho mọi người trong gia đình nghe về lần gặp gỡ cuối cùng giữa anh Long và chị Thuyền trước đó không lâu. Cuộc hẹn hò "mặt đối mặt, tay... chẳng cầm tay" này do chị Thuyền đề xướng đã xảy ra ở nhà chị Hiền trên Gia Định, nơi anh Long đang ở nhờ trong thời gian mới bắt đầu đi làm việc. Chị Hiền chép miệng, rơm rớm nước mắt khi kể với má tôi:

- Má biết không, con Thuyền khóc dữ quá nên con cứ sợ nó lăn đùng ra xiu bất tử. thằng Long nhà mình thì cứ ngồi im rơ trên ghế salon như hóa đá, còn con Thuyền thì ngồi phệt dưới đất ôm chân nó mà năn nỉ ỉ ôi, van xin nó tha thứ. Con gái Huế nói chuyện hay thiệt, văn hoa bóng bẩy quá trời, câu nào câu nấy nghe muồn rưng ròi tay chùn hết trơn làm hai mẹ con con núp đằng sau nhà bếp nghe lén mà cũng mũi lòng khóc bù lu bù loa. Vậy đó, mà thằng Long cứ im thin thít không thèm trả lời trả

42 Trầm Hương

vốn tiếng nào. Con Thuyền nói cả nửa tiếng đồng hồ không dứt. Cuối cùng thằng Long chỉ buông ra có một câu duy nhất, thôi em về đi!...

Tôi say mê ngồi nghe, há hốc miệng sững sờ. Thôi em về đi? Dù "thôi" như trong bài hát "Thôi em đi về đi xa xôi rồi thăm nhau mà chi...", hay là "Thôi em đừng nhắc nữa làm gì...", hoặc "Thôi nín đi em lệ đầm vai rồi buồn thương nhớ ơi..." với ba động từ nặng trĩu buồn-thương-nhớ đi một dọc lê thê theo nhau của ông nhạc sĩ chuyên viết nhạc thất tình Đỗ Lễ, khi chữ "thôi" nằm ở đầu câu, trong hầu hết mọi trường hợp, không phải là dấu hiệu... khả quan. Nhất là khi hai người yêu nhau đang có chuyện lục đục trầm trọng như anh Long và chị Thuyền. Tôi hỏi hóp hỏi chị Hiền, bắt chấp tia nhìn đe dọa kiểu "con nít đừng bày đặc lộn xộn" của má:

- Rồi sao nữa chị Hiền?

Chị Hiền thở dài nảo nuốt, nhìn tôi hơi gắt gỏng:

- Thì còn làm sao nữa! Con Thuyền phải đứng dậy đi về chớ sao bây giờ?

Rồi chị quay sang má, tiếp tục kể lể:

- Thằng Long cứ ngồi im một chỗ không thèm màu mè đưa tiền gì hết. Con Thuyền lủi thủi đi ra mở cửa rào một mình, vừa đi vừa khóc tức tưởi. Thấy cũng tội nghiệp!...

Tôi tròn mắt:

- Anh Long nhà mình coi vậy mà... ngon lành quá hén?

Chị Hiền bĩu môi, lắc đầu:

- Ngon lành cái con... khi mốc! Nó chỉ chờ con nhỏ kia đi khuất ngoài đầu đường là vô phòng nhào ra khóc như con nít bị ăn chối lông gà!

Tôi lạng người ngơ ngác. Anh Long tài ba, chững chạc, hùng dũng của tôi mà lại khóc như con nít vì một người con gái? Ngàn năm tôi cũng không tưởng tượng được chuyện này. Nhưng dù cho tính chị Hiền hay vẽ rồng vẽ rắn đến đâu đi nữa,

chắc chị không dám "đẩy cây" với má. Tôi lăm lét nhìn má, dò chừng xem phản ứng của bà trước tin động trời này. Nét mặt má vẫn trầm tĩnh hiền hòa như bao giờ. Bà chỉ nói một câu... xuôi xị:

- Chuyện vợ chồng là chuyện duyên số, con ơi. Chắc tại hai đứa nó có duyên mà không nợ nần gì nhau. Thì thôi, biết tánh con nhỏ kỳ cục như vậy trước khi tụi nó lấy nhau vẫn hơn. Chớ chờ lấy nhau rồi, con cái lùm đùm rồi bỏ nhau thì mới thiệt là khổ!...

Câu "thiên duyên tiền định" cũ mèm xưa rích được đem ra xài kèm theo lời phán xét thực tế nhưng phũ phàng của má như gáo nước lạnh dội xuống trái tim mới lớn còn nóng bỏng sôi nổi của tôi. Trái tim đang bùng bùng dậy sóng, đang nghiêng ngửa đảo điên vì chuyện tình yêu của... thiên hạ bỗng xù xuống, eo xèo. Trong mắt của con nhỏ mới mười sáu tuổi đang lăm đăm tập tễnh làm thơ tình với rất nhiều... tưởng tượng như tôi, đoạn kết mối tình dễ thương và lãng mạn của anh Long và chị Thuyền là một chung cuộc lãng nhách, đáng lẽ không bao giờ được quyền xảy ra.

Tôi không đến độ đau khổ tuyệt vọng như anh Long, nhưng cũng ngơ ngẩn bàng hoàng mấy tháng trời. Cả Trúc nữa. Suốt ba năm trời, tháng nào hai chị em tôi cũng gò gẫm viết thư qua lại với chị Thuyền ít nhất là hai ba lần. Hai đứa cùng hăng hái bớt tiền ăn hàng vặt để dành mua tem thư. Chị Thuyền là người lớn duy nhất chịu khó viết thư "trao đổi tâm tình" với tôi cho nên tôi quý chị lắm. Trước chị, tôi chỉ thư từ qua lại với Hạnh, con nhỏ bạn thân người Bắc chơi với tôi từ ngày mới vào trường nữ tiểu học thị xã. Hai đứa học chung đến năm cuối cùng ở tiểu học, sau vụ Tết Mậu Thân kinh hoàng, thì ba Hạnh đột ngột được lệnh dời về Sài Gòn. Rồi sau đó Hạnh thi đậu vào trường Trưng Vương thơ mộng nằm gần sở thú, nơi mà nó vẫn cổ thuyết phục tôi phải gọi là "thảo cầm viên" nghe cho nó nhẹ

nhàng vẽ hơn, trong khi tôi "chôn vùi tuổi xuân" ở trường nữ trung học công lập trong thị xã. Thư từ trao đổi giữa tôi và Hạnh đề tài chung chung là những mẫu chuyện làng nhàng dính dáng đến học hành, trường lớp, than van về thầy cô nghiêm khắc và bài vở khô khan khó nhớ, hay bàn bạc lung tung xềnh về quần áo, thời trang. Hạnh luôn "cập nhật tin tức", cho tôi biết hiện nay ở Sài Gòn người ta đang diện một gì, còn tôi thì biết để mà... quên. Chứ nhớ để làm gì bây giờ? Con gái tỉnh nhỏ như tôi, muôn đời ra đường nếu không mặc áo dài khi đi học thì cũng chỉ quần satin đen với áo bà ba bằng tơ lụa nội hóa. Thỉnh thoảng tôi và Hạnh nổi hứng làm một màn thề nguyện rất cảm động là hứa hẹn với nhau một ngày nào khi lớn lên, có chút đỉnh tiền túi và được phép đi xa một mình, hai đứa sẽ lặn lội đi tìm nhau để... sum vầy.

Tình bạn "bút đàm" của tôi nghèo nàn ẻo uột như vậy cho nên khi chị Thuỳn trở thành người yêu của anh Long và... đi vào đời tôi, tôi và Trúc hoan nghênh bằng cả hai tay lẫn... hai chân. Hai đứa tôi tranh nhau hì hục viết thư làm thân với chị. Chị Thuỳn hội đủ tất cả điều kiện để thỏa mãn cái tính mơ mộng lãng đãng của hai chị em tôi. Anh Long khoe chị hát rất hay, hay nổi tiếng trong trường đại học Khoa Học, nhất là với những tình khúc nhẹ nhàng mà ray rứt của Cung Tiến, những Hoài Cẩm, Hương Xưa, Nguyệt Cẩm... mà tôi đang yêu mê mết. Anh Long thì có ngón đàn guitar vô cùng bay bướm, ai nghe anh đàn nhạc cổ điển tây phương cũng ngẩn ngơ hồn. Anh là người đã đem chút "văn học nghệ thuật" giới thiệu vào đời con em gái tỉnh lẻ nhà quê, cho tôi biết Chopin qua Nocturne, Mozart qua Elvira Madigan, Beethoven qua Moonlight... Như vậy, anh Long và chị Thuỳn đúng là đôi tình nhân... nghệ sĩ. Nghe lãng mạn làm sao! Thêm vào đó, chị Thuỳn có dáng dấp rất ẻo lả dễ thương khi chị mặc áo dài. Anh Long chụp vô số hình chị đứng ngồi đủ kiểu trong chiếc áo dài dịu dàng tha

thướt. Quỳ trên đôi cỏ xanh non. Thơ thẩn dưới rừng thông già. Nghiêng mình bên dòng suối nhỏ. Tôi và Trúc tha hồ vác hình chị đem khoe nhặng xì ngầu với lũ bạn nhà quê cùng lớp. Còn nữa, chị Thuý là người Huế, nhà chị lại ở xa tít mù trên vùng núi đồi cao nguyên đất đỏ bụi mù, là... "giống người" hoàn toàn lạ lẫm với tôi. Bởi vậy cho nên đối với những kẻ "vọng ngoại" như tôi và Trúc, bao nhiêu hình ảnh có thật và tưởng tượng về chị bỗng mang đầy vẻ hoang đường và lãng mạn trong đó.

Dĩ nhiên tôi và Trúc không làm sao đoán biết được tình cảm chị Thuý dành cho mình thật giả, nông sâu như thế nào. Nhưng những lá thư từ phương xa của chị luôn mang đến bao nhiêu niềm vui rộn ràng cho hai chị em tôi. Chị cũng tỏ ra chịu khó lầy lòng hai cô nhỏ có viễn ảnh trở thành em chồng tương lai của chị, viết thư riêng cho từng đứa, kể chuyện trời trăng mây nước dông dài. Thư chị viết trên giấy trắng không kẻ hàng, chữ viết tròn trĩnh thẳng thớm. Nhiều khi chị hấp tấp, viết thẩu, những chữ "o" không bao giờ khép thành vòng tròn nghiêm chỉnh mà tôi thấy coi cũng hay hay. Những mẫu chuyện vụn vặt chị kể cho tôi nghe bao giờ cũng ngộ nghĩnh và dễ thương. Sao tôi thấy cái gì liên can tới chị Thuý cũng có vẻ hay ho đặc biệt hết. Tôi và Trúc thường hỏi nhau, hay có lẽ tôi mình cũng bắt chước anh Long, bị... mù quáng vì tình yêu? Từng lá thư của chị được tôi cẩn thận xếp lại theo thứ tự để đọc đi đọc lại như đọc tiểu thuyết.

Vì vậy mà hai chị em tôi cùng chia sẻ từng biến cố lớn nhỏ trong mỗi tình của chị Thuý và anh Long. Đầu mùa Hè, giọng thư chị ướt sũng nước mắt. Chị kể chuyện hôm anh Long về quê nghỉ hè trong khi chị còn phải ở lại trường thêm vài hôm để thi cho xong. Mặc dù anh đã dặn dò chị đừng ra bến xe đưa tiễn chỉ thêm buồn, chị đã lén lén lút lút đến, đứng nép người sau góc tường bên cạnh bến xe để nhìn anh đi mà không dám đưa tay

vẫy gọi. Tôi nghe lòng mình cũng quặn đau theo từng dòng chữ chị phơi trải tâm tình trên những trang giấy vô hồn. Tôi tưởng tượng ra vóc dáng nhỏ nhắn cô đơn của chị Thuyền đứng ủ rũ trong bầu trời xám lạnh với những giọt mưa phùn lác đác phát phơ bay. Buổi sáng Đà Lạt chắc phải "lạnh lùng sương rơi heo may". Còn anh Long chắc phải vai mang nặng hành lý và "chân bước phân vân lòng ngập ngừng". Rồi chị Thuyền lui thủ co ro một mình trở về nữ đại học xá sau khi chuyển xe đồ cũ kỷ từ từ lẫn bánh mang anh đi xa, chìm khuất trong màn sương trắng xóa mịt mờ. Tôi chỉ tưởng tượng bấy nhiêu đó thôi mà còn lòng đau thổn thức, mắt ứa lệ rung rung, thì trái tim hai người trong cuộc chắc phải... bầm dập tan nát đến dường nào. Qua đầu Thu, giọng thư chị Thuyền trở lại xôn xao riu rít sau những lá thư buồn thảm của mùa hè. Chị và anh Long đều đã trở lại trường để bắt đầu cho niên học mới. Đà Lạt dễ thương quá, tuyệt vời quá, Liên ơi, vì hôm nay chị đã gặp lại anh Long sau cả một mùa hè dài như trăm năm. Chị lao xao kể chuyện vui tái ngộ. Tôi nôn nao đọc thư, uống từng dòng chữ, lòng nhẹ hẫng lâng lâng.

Sau ngày anh chị cùng tốt nghiệp đại học, chị Thuyền trở về quê đi dạy. Tôi "ghen" với mấy cô học trò ngang tuổi tôi của chị, tự dưng cảm thấy như mình bắt đầu mất mát một cái gì. Ở Pleiku hay Đà Lạt gì thì chị cũng xa tôi ngút ngàn, và với tôi thật ra chị vẫn còn là "người tình không chân dung" vì chưa lần nào gặp gỡ, vậy mà tôi mơ hồ cảm thấy một Thuyền của Pleiku không còn là một Thuyền của Đà Lạt ngày nào. Thuyền với đôi tà áo dài thướt tha bay lượn trong bầu trời băng lăng khổi sương của Đà Lạt nhất định phải nên thơ hơn là Thuyền với áo dài lấm tẩm bùn lầy đất đỏ của Pleiku, và buồn nhất là "Thuyền của chị em tôi" đang sống giữa những người... xa lạ vì anh Long phải về Sài Gòn tiếp tục lên cao học.

Hơn nửa năm sau, ba má tôi khăn gói theo anh Long ra mãi tận Pleiku gặp gia đình chị Thuỳ để làm đám hỏi cho anh chị rồi... để đó, chờ anh Long học xong mới tính chuyện tiến hành đám cưới. Tôi và Trúc thì thấp thỏm trông ngóng chờ ngày anh Long cưới vợ để hai đứa được biết mùi đi máy bay coi ra thế nào. Trúc ăn cắp chữ nó mới đọc trong truyện Thằng Vũ của ông Duyên Anh đem ra áp dụng liền, ngày đêm hờn hờ bàn với tôi, "đi máy bay cao tít trên trời chắc phải sướng... rêm mé điu hiu, chị Liên hả?..."

Hai lần đám cưới trong gia đình tôi, của chị Hiền rồi đến anh Tùng, xe hơi còn chưa được xài đến thì đừng nói gì đến máy bay. Ngày chị Hiền lấy chồng, gia đình anh rể tôi ở ngay sau lưng nhà tôi, cách nhau cái hàng rào xi măng cao không qua đầu người. Bình thường con cái hai nhà có thể bắt ghế trèo qua trèo lại như không. Dĩ nhiên là chị Hiền chưa bao giờ thú nhận là chị có từng làm chuyện này giống như đám em út của chị hay không. Gần sát bên như vậy, nhưng không thể đón đưa dâu theo kiểu "trèo tường khoét vách" nên ngày cưới của chị Hiền hai gia đình phải đánh một vòng... gần tròn, đi ra tới đầu ngõ, quẹo phải, đi dọc theo đường hẻm bên hông để qua nhà bên kia. Khúc đuôi của đoàn rước dâu còn dồn cục bên nhà trai thì khúc đầu đã vô tới cổng rào bên nhà gái. Chị Hiền chỉ sắp xếp hành lý sơ sài lấy có vì lỡ quên thứ gì thì cứ chạy ra sân sau réo lũ em đưa đồ qua bờ tường. Năm đầu tiên còn ở bên nhà chồng, chị Hiền đi làm dâu mà chiều chiều cứ tuôn về nhà cha mẹ để tụ tập ăn hàng vặt và tán dóc, cãi cọ với em út.

Đến phiên anh Tùng đi lấy vợ thì nhà bà chị dâu ở bên cù lao nằm giữa sông, đối diện với chợ. Vậy là đoàn rước dâu đi bằng đò, áo xanh áo đỏ, dù hồng dù tím màu mè rực rỡ chói mắt cả một khúc sông. Chiếc xuồng chở đám con nít tụi tôi trông thành suýt lật úp khi đi vào những con lạch nhỏ vì cả đám cứ xô đẩy lao nhao để chọc hái những trái ổi, trái mận chín

hồng thơm tho hấp dẫn đọng đưa trên mấy nhánh cây de ra hai bên bờ kinh.

Nghĩ tới đám cưới của anh Long và chị Thuần, tôi cười thâm, chắc thời kỳ đám cưới "thuyền quân lục chiến" bao gồm từ đường bộ đến đường sông trong gia đình đã chấm dứt, không còn cảnh đi bộ tà tà như đi hóng mát hay ngồi dò lênh đênh trên sông nước.

Đôi khi, trong những lúc "trà dư tửu hậu", tôi và Trúc hay đem chuyện anh Long và chị Thuần ra mà mổ xẻ phân tích để chúng tỏ như mình cũng đã hiểu ít nhiều về chuyện yêu đương bồ bịch của người lớn. Trúc cho ý kiến:

- Dĩ nhiên là chị Thuần phải thương anh Long nhiều lắm, chị Liên há? Anh mình học giỏi, đẹp trai, tài hoa, hiền lành, chung thủy, dễ thương...

Con nhỏ mới bước qua tuổi mười bốn, miệng còn hôi sữa, tập tành nói chuyện tình yêu như dân sơn đông mãi võ rao bán thuốc dán, thuốc tiêu, thuốc tể, cao đơn, hoàn tán..., chỉ còn thiếu hai chữ "mại dzô, mại dzô..."Tôi bật cười. Trúc phân trần:

- Vậy chứ không phải chị Thuần là người "tấn công" anh Long trước hay sao?

Tôi suyt suyt:

- Anh Long mà nghe mày ăn nói kiêu đó thế nào cũng bị cú đầu vài cái.

Anh Long ghét tụi tôi dùng hai chữ "tấn công" này lắm, nói như vậy là ám chỉ chị Thuần đã "chạy" theo anh, nghe... đại hạ giá con gái người ta quá! Anh hay bệnh vực chị Thuần đủ điều, tụi tôi đồng ý với nhau, ngay cả cái chuyện ai đã theo ai trước nào có mất mát thiệt thòi gì đâu mà anh cũng cố lấp liếm bào chữa cho chị. Có lẽ tại đầu óc anh có phần hơi... cổ lỗ sĩ. Cô Út của tôi đã quả quyết:

- Tao dám chắc thằng Long nhà này là hậu thân của Khổng Tử. Người đầu mà xưa như trái đất!

Từ đó mà anh Long mới có thêm cái tên gọi ở nhà là cụ đồ Long.

Mùa hè năm đó, cuối cùng tôi và Trúc cũng được gặp mặt "thần-tượng-từ-miền-cao-nguyên -đất-đỏ" là chị Thuyền. Nhân dịp nghỉ hè, hai đứa được ba má cho phép lên nhà chị Hiền ở chơi hai tuần lễ, gặp đúng dịp chị Thuyền từ Pleiku bay về thăm anh Long. Mấy anh chị em rủ nhau lên Đường Sơn Quán ăn uống mừng ngày gặp gỡ. Chị Thuyền mặc áo dài màu vàng rực rỡ như nắng thu, quần satin trắng ống rộng mềm mại phát phơ. Dáng chị đẹp như tranh vẽ, đẹp hơn cả những tấm hình tôi đã được nhìn qua. Tóc chị buông, để dài quá vai, đường ngôi rẽ giữa thẳng tắp. Ngoài đời, nhan sắc chị cũng không thuộc vào hàng xuất sắc, nhưng chị có duyên và được trời phú cho đôi mắt sáng long lanh ướt mềm cộng thêm nụ cười e ấp dễ thương. Tôi có thể đoán được là chính đôi mắt như sao trời của chị đã làm ông anh tôi hụt chân, té nhào. Mắt em là nước hồ thu... Tôi đọc ở đâu đó câu ví von này. Nhìn vào mắt chị Thuyền buổi sáng hôm ấy, tôi hiểu ngay được sự so sánh thơ mộng này. Cả một bầu trời mây xanh nắng hồng rực rỡ như in bóng trong đôi mắt hồ thu của chị Thuyền ngày hôm đó.

Tôi ngồi cạnh chị và anh Long. Ghế ngồi là những gốc cây già cưa ra thành từng khoanh tròn, đặt quanh mấy cái bàn gỗ trong khoảng sân rộng với những tàn lá cao su xanh rì cao ngất ngưỡng lao xao nhảy múa trên không. Tiếng xe cộ vùn vụt qua ngang ngoài xa lộ mờ hồ vọng lại âm thanh rầm rì dễ chịu nghe như tiếng ru. Buổi trưa thanh vắng tĩnh yên với một chút gió thoảng qua rất nhẹ làm lung linh những giọt nắng chập chờn dọi trên nền đất phẳng phiu. Mà rồi cũng chẳng ai thèm để ý cảnh trí chung quanh vì mãi mê nghe chị Thuyền nói chuyện. Chị Thuyền ở ngoài đời có lối nói chuyện ngọt ngào không

khác mấy những lá thư chị viết, giọng chị nhẹ nhàng trầm bổng với bao nhiêu đề tài lý thú khác nhau. Chị quay sang hỏi Trúc về "danh lam thắng cảnh" của quê tôi. Trúc cười lúng túng:

- Quê em không có chỗ nào tên nghe hay như ở ngoài Huế của chị hết. Mấy cái tên ở ngoài đó nghe không cũng phát thèm. Trường Tiền, Hương Giang, Vỹ Dạ, Đông Ba...

Chị Thuần cười xòa:

- Chị đâu có biết Huế ra làm sao. Gia đình chị dọn vào Pleiku lâu lắm rồi.

Tôi dùng mớ kiến thức văn nghệ nghèo nàn của mình để "cứu bồ" Trúc:

- Thì Pleiku của chị cũng được ông Vũ Hữu Định với ông Phạm Duy làm thành... bắt tử với "phố núi cao phố núi đầy sương..." đến đổi anh khách lạ cũng phải đi lên đi xuống, đi tới đi lui... Còn Vĩnh Long, chị có nghe bản nhạc nào nói về Vĩnh Long thơ mộng chưa?

- Vậy quê em có gì thì cứ kể cho chị nghe...

Trúc nhú mày suy nghĩ:

- Quê em có nhiều cầu lắm. Cầu Cái Cá, cầu Cái Côn, cầu Cái Cam... Nghe "cái mà" thấy ghê luôn.

Chị Thuần bật cười, tiếng cười chị trong veo, ấm áp:

- Rồi gì nữa Trúc?

- Cầu Lộ, cầu Lầu, cầu Kinh Cụt, cầu Công Xi Heo, cầu Vòng, cầu Ông Me, cầu Bà Điều, cầu... đủ thứ giống!

Trúc kể lể một hơi dõng dài nghe gần muốn đứt hơi, gom góp hết tên những cây cầu trong thị xã mà nó nhớ được để trả bài với chị Thuần. Rồi nó nhìn lại nét mặt chị Thuần càng lúc càng tỏ ra... kinh hãi với những tên cầu nghe thật chẳng giống ai, con nhỏ bỗng sùng sục ngưng ngang, ngồi thộn mặt ra ngó quanh bàn. Mọi người cùng phì cười trong khi chị Thuần cố nói năng một cách đàng hoàng:

- Em nói đúng ghê. Quê em quả thật là nhiều sông nhiều cầu. Cứ y như là một Venice của Việt Nam!

Chị Thuỳn quả thật là người khéo ăn khéo nói, vừa nhanh trí lại vừa lịch sự hết chỗ chê. Dù không biết Venice là cái quái đản gì, tròn méo ra sao và nằm ở xó nào trên năm châu lục địa, tôi chỉ lụp chụp nghe được cái tên ngoại quốc là khoái tí tê trong lòng. Ừ, thì Vợ-nít nghe cũng từa tựa như... Vĩnh Long, cùng bắt đầu bằng một chữ V, như vậy chắc chắn là có... bà con xa gần rồi. Anh Long chăm chú lắng nghe tụi tôi nói chuyện, cười tùm tùm rồi lắc đầu làm bộ ra vẻ chán nản ê chề.

Hôm chị Hiền đột ngột về thăm nhà, tôi đoán chắc có chuyện gì không ổn, dựa theo cái vẻ đi đứng bồn chồn nóng nảy, mặt cau mày có của chị từ lúc bước chân vào nhà. Sau buổi cơm chiều, khi mấy chị em quây quần quanh bàn ăn chăm chú nhìn má dạy cách đồ rau câu sơn thủy, chị mới thì thầm kể lể với má:

- Vụ thằng Long với con Thuỳn chắc là không xong đâu má à!...

Má tôi ngược lên nhìn chị Hiền, không giấu được sự ngạc nhiên:

- Sao vậy? Bộ tụi nó hục hặc gì hả?..

Chị Hiền thở ra:

- Anh Quang con có người bạn cũ cùng dạy một trường với con Thuỳn, người ta biết Long là em con nên mới nói cho biết là con Thuỳn đang cặp bồ với một anh chàng giáo sư cùng trường. Thành phố nhỏ xiu nên chuyện trong nhà chưa hay thì ngoài ngõ đã biết. Hôm tháng trước thằng Long bay ra ngoài đó gặp con Thuỳn để hỏi rõ sự tình, con Thuỳn thề sống thề chết là nó vẫn thương, vẫn chờ thằng Long. Thấy cũng tạm êm rồi..., ai dè đầu tuần trước bạn thân thằng Long làm việc ở ngoài Nha Trang lại gọi cho nó, nói gặp con Thuỳn ở khách sạn với

người đàn ông nào coi thân mật tình tứ lắm. Con Thuyền trông thấy nó là mặt mày xanh lè, hết đường chối cãi...

Má tôi buồn người nặng nề xuống ghế, ngược mắt nhìn chị Hiền nhưng không nói được lời nào. Tôi bỗng thấy ghen thờ và không muốn nghe tiếp những lời chị Hiền kể lể. Chưa yêu ai ngày nào mà tôi cảm thấy đau đớn như chính mình là người bị phụ tình. Chị Hiền ôm vai má tôi, nhẹ giọng vỗ về:

- Con về đây để nói cho má biết là thằng Long mới đánh điện tín ra Pleiku cho ba mẹ con Thuyền hôm qua để xin từ hôn.

Đó là lý do chị Thuyền đã vội vã bay về Sài Gòn để xin gặp mặt anh Long. Tôi bản thân suy nghĩ tới lui, nhưng không đoán được tại sao chị còn năn nỉ van xin anh Long tha thứ để làm gì. Mọi chuyện hình như đã đi quá xa, như những vòng bánh xe lăn đã đưa đến sát bên bờ vực thẳm mà không còn cách nào đứng dừng hay quay đầu trở lại.

Buổi tối, tôi và Trúc rút vào phòng sớm hơn thường lệ, thì thảo bàn bạc về chuyện mới xảy ra. Hai đứa cùng ngẩn ngơ đau khổ như nhau. Tôi bỗng nhớ đến mẫu giấy tập học trò lấm tấm vài vệt nâu loang lổ mà tôi và Trúc tình cờ nhìn thấy trong cái bóp da nhỏ của anh Long. Anh Long giải thích, đó là tờ giấy chị Thuyền đã gói ô mai tặng anh để làm quen. Trúc nghe qua, nhẩn mặt kêu lên:

- Em đâu biết cụ đồ Long mà cũng biết ngâm ô mai cam thảo...

Tôi hả hợm cười:

- Vậy chứ mày không nghe má thường hay nói sao, khi người ta thương nhau thì biểu ăn "bùa mê thuốc lú" gì cũng ăn, nói gì tới ba cái ô mai, xí muội, cánh chỉ, trần bì...

Đó là chuyện vui trong quá khứ. Còn hiện tại thì mấy anh em tôi cay đắng cùng nhau ngâm... bồ hòn. Tôi và Trúc lục soạn moi móc ra hết những tờ thư cũ của chị Thuyền, ngồi lẩm nhẩm đọc lại từng dòng chữ như để tìm bất cứ dấu hiệu nào cho tui tôi có thể đoán biết là một ngày nào đó chị sẽ hững hờ quay

lưng. Dĩ nhiên là tôi không tìm thấy gì hết. Cho nên tôi tự an ủi là tình yêu một thời chị dành cho anh Long là điều có thật. Những giọt nước mắt chị nhỏ xuống với anh là những giọt nước mắt chân thành. Và có lẽ, ngay cả những lời cầu xin anh tha thứ cũng xuất phát từ trái tim, mặc dù tôi không đoán được chị sẽ xử sự ra sao nếu anh đồng ý chấp nhận cho chị quay về. Tôi không biết chị đã tìm được một tình yêu khác trưởng thành hơn tình yêu lãng mạn và mong manh của thời làm sinh viên mơ mộng, hay chị đang hốt hoảng cuống quýt chợt nhận ra giá trị của những gì sắp sửa vượt xa ngoài tầm tay với. Dù có là gì đi nữa, trong thâm tâm tôi biết chắc là chị không hề dự định chỉ yêu anh Long một thời cho... vui. Tôi thậm chí đoán, trên một đoạn đường đời đã cùng đi chung bước, như bao nhiêu đôi tình nhân khờ khạo ngu ngơ khác trên cõi đời này, hai người cùng trao nhau bao lời thề nguyện dài lâu bằng cả tấm lòng thành mà không nhìn thấy trước được những thử thách gian nan, những hố thẳm vực sâu đang chực chờ trước mặt.

Tôi lần thần nghĩ, cái câu "duyên số tại trời" của má suy ngẫm vậy mà... có lý. Có lẽ cuối cùng thì cũng không phải lỗi tại ai mà chỉ tại... ông trời. Nhưng rồi tôi thấy phân tích lung tung để chứng tỏ mình là người hiểu biết, bao dung và... quân tử là một chuyện, sự thật thì nỗi đau vẫn nằm nguyên đó, là cũng như anh Long, tôi đã mất chị Thuý. Mất dành đoạn xót xa. Mất bằng hoàng tức tưởi. Khi bị tình phụ thì chắc người quân tử chính hiệu con nai vàng hay người quân tử... tàu cũng đều đau khổ quá lòng, cũng đòi đoạn tâm can như nhau!..

Tôi ngồi co người ở mép giường với hai tay vòng ôm gối, đầu lắc lư nhịp nhàng theo tiếng mưa rơi gõ đều trên mái ngói, băng khuâng nghĩ đến chuyện sẽ chẳng bao giờ còn nhận được những lá thư mang nét chữ quen thuộc từ "phố núi cao, phố núi trời gần..." nữa, và tự dung nghe lòng buồn quá đỗi...

Phan Các Chiêu Hằng



NGUYỄN LƯƠNG VỸ
NGUYỆT THỰC
THÁNGTU

Trăng hồng tươi máu đêm qua
Lập xuân nguyệt thực tê nhòa chân
dung

Hồn ma bóng quế bập bùng

Âm phơi sắc gió nhạc bung nhịp đời
Bao nhiêu thế kỷ trông vời
Bấy nhiêu chớp mắt gọi mời sinh linh

Trăng hồng tươi máu rung rinh
Rụng rời nếp gấp lời kinh chiêu hồn
Thây khô xác mục đầu non
Cuối sông ác mộng vẫn còn lạnh vai
Đất sâu buồng tiếng thở dài
Trời cao ngất giọng nín hoài phút giây

Trăng hồng tươi máu còn đây
Cầm dương bén gót chân mây tỏ ngời
Là em đã khuất lâu rồi
Là ta đã tận trong lời biệt tăm
Ly hương sương đỏ đầm đầm
Ly tan sọ trắng đầm đầm bây giờ

Trăng hồng tươi máu câu thơ
Tặng nhau dấu lặng sững sờ dấu than
Nhớ nhau trăng cũng vừa tan
Hồng kia rồi cũng sắp tàn vậy thôi
Trông nhau khuya cũng vừa trôi
Ngồi lau viễn mộng bồi hồi tháng Tư...

Trầm Hương 55



MAI THANH TRUYẾT
GIẤC MƠ QUẬT CƯỜNG

Chớm đông lặng lẽ chiều tà
Rời thu vọng tưởng sơn hà cách chia
Trắng xưa còn nhớ lời kia
Hẹn thề cùng nước non lìa biệt ly
Bao nhiêu thân phận sầu bi
Một mình đối bóng chợt ghi phận đời
Non non nước nước ời hời!
Sông sâu nước mặn toi bời thấu chẳng?

Còn ai kia đứng chờ trăng?
Còn mê mãi ngủ thấu chẳng nước hờn?
Tình mau khóa lấp nguồn cơn
Quê Mẹ quẩn quại từng cơn đợi chờ...
Tình dậy đi, chẳng còn mơ
Việt Nam khao khát giấc mơ quật cường
Anh Em ơi! Hãy lên đường!



MAI THANH TRUYẾT

SEN NGƯỜI VÀ SEN TA

Tôi chọn hoa sen cho những suy nghĩ trong ngày Lễ Xá Tội Vong Nhân vì hoa sen không bị ô nhiễm bởi môi trường xấu, do đó, cho dù có can qua bao nhiêu phong ba bão táp hiện tại, hoa sen Việt Nam sẽ có ngày vượt thoát và nở rộ trên quê hương.

Hôm nay đúng ngày Rằm Tháng Bảy, tôi quyết định ngừng tất cả mọi sinh hoạt trong 7 tháng qua năm Quý Tỵ để tự chiêm nghiệm lại chính mình. Trước hết, xin cảm ơn Trời Đất, Tổ Tiên đã cho tôi còn sáng suốt, năng động, còn trí tuệ để chuyển tải những thông tin cần thiết qua bài viết, paltalk, internet, phòng vãn trên truyền thanh, truyền hình khắp nơi đến bà con bên nhà...

Xin Cảm Ơn tất cả.

Ngay từ giờ phút đầu tiên của Ngày Lễ Xóa Tội, tôi đã nghĩ gì? Xin thưa, *tôi đã nghĩ đến bông sen.*

Tại sao tôi dùng chữ “bông” mà không dùng chữ “hoa”. Vì một lẽ rất dễ hiểu, tiếng “bông” là tiếng nói má tôi dạy lúc đầu đời, và tôi cũng biết tiếng “hoa” dùng trong văn chương có vẻ “văn hoa” hơn(?).

Bây giờ tôi nói về Hoa Sen.

Lịch sử hoa sen

Năm 1952, tại một địa điểm gần thủ đô Tokyo (Nhật Bản), TS Ooga, nhà sinh vật học, đã thành công làm nảy mầm và nở hoa một trong 3 hạt sen 2000 năm tuổi đã được khám phá ra một năm trước đó. Và cái tên Ooga Hasu tức Ooga Lotus được dùng từ đó đến nay ở Nhật.

Tại Trung Hoa, hạt sen cũng đã được khám phá dưới đáy một hồ khô cạn ở vùng đông bắc nước này và có 1300 năm tuổi.

Theo dòng lịch sử, sen đã được nói đến qua huyền thoại thời Ai Cập và dự phần không nhỏ trong Ai cập giáo.

Chúng ta hãy nhìn hoa sen lúc đang rực nở với 15 cánh hoa trắng hay hường lợt và một túi hạt ở trung tâm. Đây là biểu

tượng của mặt trời, sự sáng tạo (creation) và sự tái sinh (rebirth). Biểu tượng trên rất giản dị vì vào ban đêm các cánh hoa khép lại và chìm xuống dưới mặt nước để rồi ngày hôm sau lại vương lên và mờ ra như mặt trời mọc. Theo huyền thoại sáng tạo Ai Cập, từ thuở tạo thiên lập địa, có một hoa sen thật lớn vươn ra ngoài một vùng nước mênh mông. Và từ đó, mặt trời lộ dạng....Đó là ngày đầu tiên của trái đất theo huyền thoại Ai Cập. Câu chuyện quá dài từ Heliopolis tới Nun rồi tới Atum (con người đầu tiên sinh ra từ một cánh hoa sen...)

Họ nhà sen

Hoa sen có 5 chủng loại trong đó 3 thuộc họ Nymphaea, và 2 thuộc Nelumbonacea. Nymphaea trắng được xem như là thủy tổ của loài sen đối với truyền thuyết Ai Cập. Tất cả đều nằm trong họ thủy sen (water-lily). Trong truyền thuyết còn có sen Nymphaea xanh (caerulea) ở Ai Cập tìm thấy trong các bức tranh cổ của xứ này.

Hiện tại, sen chúng ta thường thấy chính là họ

Nelumbonacea nucifera (thường gọi là sen Nhật Bản) có lá nổi trên mặt nước và hoa chỉ cao hơn mặt nước vài phân. Từ rễ sen đến hoa có thể dài từ 150 đến 200 phân và se có thể tỏa rộng đến 3 thước đường kính. Sen Việt Nam thuộc họ Nymphaea, lá mọc cao hơn mặt nước và hoa cũng cao trên 20 phân.

Một điểm kỳ thú của hoa sen là khả năng điều tiết nhiệt độ. TS S. Seymour thuộc Đại học Adelaide, Úc chứng minh rằng hoa sen luôn giữ nhiệt độ từ 30-35⁰C mặc dù nhiệt độ ngoài trời xuống dưới 10⁰C vì sen có đặc tính tạo nhiệt (heat-producing) có trong một vài loại cây đặc biệt mà thôi.

Khía cạnh văn hóa của sen

Từ ngàn xưa, văn hóa Á đông xem hoa sen là một tượng trưng của sự trong sạch (purity), tinh khiết (virtues) và buông xả (non-attachment).

Phật Bà Ấn Độ Lakshmi đứng trên hoa sen và Phật “Ông” Vishnu tọa trên đài sen hồng một tay cầm búp sen và một tay cầm cánh hoa. Cánh hoa tượng trưng cho sự lan tỏa của tâm

hồn (expansion of the soul), còn búp sen tượng trưng cho một kết ước trí tuệ (spiritual promise).

Kinh Bhagavad Gita 5.10 của Ấn Độ có nói rằng:” *Người nào trong khi thi hành nhiệm vụ mà không vương vấn (non-attachment), thì kết quả dù tốt hay xấu cũng được Đấng tối cao ghi nhận, không xem là một tội lỗi giống như hoa sen đã được miễn nhiễm trong nước dơ vậy*”.

Đối với Phật giáo, hoa sen tượng trưng cho sự trong sạch (purity) của cơ thể, lời nói và tâm hồn trong khi “boi lội” trong bùn đen của sự vương bận (attachment) và ham muốn (desire). Theo truyền thuyết, sau mỗi bước chân của Phật Buddha là một đóa sen nở rộ!

Chữ sen (lotus) trong ngôn ngữ Sanskrit là padma, tượng trưng cho sự đẹp đẽ (beauty), hài hòa (elegance), tuyệt kỹ (perfection), tinh khiết (purity), và quý phái (grace).

Công dụng của sen

Trong tất cả bộ phận của sen đều được con người sử dụng từ rễ (rhizomes-củ) đến thân, lá và hoa sen cùng hạt sen.

Lá sen được dùng để gói các loại bánh cốm đặc biệt theo truyền thống của một số các dân tộc Á châu như Trung Hoa, Nhật bản, Đại Hàn và Việt Nam. Người Đại Hàn dùng cánh hoa sấy khô (Yeonkkotcha) và lá sen khô (Yeonipcha) thay thế trà để đãi khách. Trong lúc đó, người Việt mình dùng cánh hoa tươi hoặc để trang trí, hoặc để làm salad. Củ sen khô cắt mỏng dùng để nấu chè và được xem là một loại dược thảo trong các bài thuốc.

Cánh hoa, lá sen non, cọng sen, củ sen có thể được ăn sống như rau ghém nhưng cần phải thận trọng và rửa cho thật kỹ vì ký sinh trùng Fasciolopsis buski thường hay ẩn náu trong đó.

Khi phân tích, củ sen cấu tạo và cho ra nhiều sợi (fiber), sinh tố C, nguyên tố potassium, thiamin, riboflavin, B₆, phosphor, đồng (copper), và mangan, cũng như rất ít chất béo (fat).

Nhụy sen đặc biệt được phơi khô và là một loại trà dược thảo ở Việt Nam và Trung hoa (lianhua cha).

Đôi lời chia sẻ

Đồng Tháp Mười!
Đồng Tháp Mười!
Bảy trăm ngàn mẫu
đất
Sốt chia bốn tỉnh
miền Nam
Kháng khít biên thù
chùa Tháp



Nằm bên cánh trái Cũ Long Giang

Hình ảnh mô tả của một bài thơ thời thơ ấu vào những năm 40 của thế kỷ trước nói lên tính bao la của Đất Mẹ, của Đồng Tháp Mười, nơi dung chứa hàng ngàn, hàng vạn hoa sen một thời. Không biết bây giờ, sau cuộc biển dâu, sau nỗi can qua của đất nước, Đồng Tháp Mười có còn những đầm sen bạt ngàn như ngày xưa, hay chỉ là những ao nuôi cá basa, nuôi tôm sú với biết bao hóa chất độc hại như chloramphenicol, nitrifurans, malachite green v.v... đã làm cho hoa sen của tôi biến mất? Nhưng tôi vẫn có một niềm tin bất diệt cho hoa sen là, hoa không bị tiêu diệt mà hoa chỉ ẩn tàng đâu đó để rồi một ngày đẹp nắng trong tương lai, sẽ nở rộ tràn Đồng Tháp Mười, tỏa ngát hương thơm khắp miền Nam yêu thương của tôi.

Tôi chọn hoa sen cho những suy nghĩ trong ngày Lễ Tạ Ơn vì hoa sen không bị ô nhiễm bởi môi trường xấu, do đó, *cho dù có can qua bao nhiêu oan nghiệt của chế độ hiện tại, hoa sen Việt Nam sẽ có ngày vượt thoát và nở rộ trên quê hương.*

HOA SEN, một đóa hoa mọc hoang dại trên một vùng đất sinh lầy, đầy rẫy những cây cỏ, súc vật thúï rữa, muc nát sau mỗi lần lụt lội của quê hương tôi, Đồng Bằng Sông Cũ Long. Nhưng hoa sen vẫn tươi sắc trắng, vẫn tỏa hương thơm, vẫn vươn mình ngát ngưỡng dưới bầu trời nắng chói chang rực rỡ.

Hoa Sen hôm nay được xưng tụng trong tôi, được có một chỗ đứng trọn vẹn nơi tôi và cũng là *một biểu tượng tôi muốn hướng đến trong bước đường dong ruổi đó đây.*

Trong đầm gì đẹp bằng sen / Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng / Nhụy vàng bông trắng lá xanh / Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn .

Mai Thanh Truyết

60 Trăm Hương



CÁI TRỌNG TÝ
ĐÊM SÀI GÒN

Đôi khi anh chợt nhớ
ngày đành đoạn ra đi
đứng giữa sân ga
trời có khi mưa mùa tháng chín
ngập lũ đường đi
đứng quần quanh kiếm tìm năm tháng cũ
hồn với mây lơ lửng một góc đời
hương quê cũ bỗng thơm mằm lúa mới
thủy triều lên xâm xấp vỗ tình tôi
tình lung lay sợi tơ chùng buột lững
cửa ngõ tình chiếc đình long gỗ mục
con tò vò xây tổ ẩm mùa trăng

tay vẫy chia ly nhỏ dòng lệ đắng
anh thấy lòng trống vắng bóng em yêu
nắng buổi chiều hoang vu trên nét cọ
em với rừng thu hiu hắt vàng thu

Hương dung Hà Nội cũ
có bao giờ gặp lại
anh vuốt mặt chảy dài tiếc thương
tiếng còi tàu ra trung về Bắc
có em trên toa vắng một mình
tay vẫy hoài
dài lê thê đường sắt
bóng tàu trôi chở bóng em tôi
Sài Gòn ngày tháng cũ
của trăm nghìn buồn bã phơi phai
anh đứng hiên mưa quần quai tiếng còi dài
bên dòng kinh nước đen
âm mục lều bều rác rưởi
thấu tình em bất tận nát tim tôi



NGÔ NGUYÊN NGHIÊM
CHIÊM BAO THÂY HÓA BUỒM
LUẬN TRÊN TÀNG KINH CÁC

Rừng tre bỗng chốc im phăng phắc
Hơi thở nào như hơi thở ma
Nhè nhẹ bốc quanh thành khí thấp
Động dài trên vạt đọt tre già

Một hôm bên ngọn cây hoang dại
Mấy sợi dây đu kéo hững hờ
Người thấy không ta ngồi vắt vẻo
Hia vàng rớt xuống tự bao giờ

Kiều bạt nên đời thành viễn xứ
Phong trần trể xuống gót oan gia
Nhiều khi lòng cũng là sân rộng
Chứa đựng luân phiên nhật nguyệt tà

Nên thủy triều hay tràn khắp nẻo
Quanh bờ phong thổ của trắng xưa
Người buông khí hậu bay vô định
Làm nắng mưa rơi chẳng đúng mùa

Cây trái ta trồng kỳ lạ quá
Thành hình theo địa lý tang thương
Có ai nghe được lời cây cỏ
Mới hiểu thiên nhiên khóc dị thường

Nơi đây không bóng nhân gian đến
Quán trọ nằm nghiêng cổng khép hờ
Con nhện người sa trên liếp cửa
Hồn tơ buồn bã vắt quanh co ...

Trong tim chứa đựng đường trăm ngã
Leo lách quanh sườn thung lũng thu
Đom đóm bỗng trôi lênh tứ hướng
Làm sao quang cảnh chẳng hoang vu !

Nên ta lạc nẻo mê hồn trận
Đến Các Tàng Kinh ngủ lạnh lòng
Thư sách ngổn ngang kê gối thấp
Ta thành cột đá giữa tre rừng

Người có qua đây xin đứng lại
Và treo dùm ngọn mộc đăng kia
Chiêm bao có biến ta thành bướm
Cũng lượn quanh rèm gió quanh hiu ...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Thư trang Quang Hạnh

(Thi phẩm Người Hành Giả Và Khúc Trường Ca Sinh Tử)



YÊN SƠN

VẬT NẮNG CUỐI NGÀY

*Thương ơi vật nắng chiều nghiêng
Đậu trên phiến đá giữa triền giốc xa*

Đi gần hết đoạn đường trần nghiệt ngã
Sống hòa mình với kẻ lạ người quen
Đã kinh qua những lừa lọc bon chen
Mà trái đắng còn rưng đầy quán trọ
Ôi sợ lắm những lời thương, lời nhớ
Sợ tóc mây quán chặt bước đi về
Sợ môi cười như thuốc lú, bùa mê
Sợ hờn dỗi, sợ cả đôi mắt ướt

Sợ vẫn sợ nhưng chẳng làm gì được
Biết quần quanh chầy chóng sẽ vương mang
Biết dang tay là đánh mất bình an
Dem giông tố đến trong chiều nắng nhạt

Dường như có một nỗi buồn man mác
Đến từ đâu rồi len nhẹ vào tim
Làm rối tung, vực dậy nỗi niềm riêng
Đã yên ngủ từ ngang trời gãy cánh
Chiều rơi chậm trên lối mòn quanh vắng
Cuối trời xa còn vật nắng lung linh
Cứ phân vân tình vốn dĩ vô tình
Khi bóng tối chạm trên đầu triền dốc.



LÊ DIỄM CHI HUỆ



từ em bỏ phố lên rừng
bỏ trăm năm mộng
hường chứng cuộc đời
từ em ngưng đếm sao rồi
mịt mù sinh tử
nghiệm đời sắc không



VÂN HÀ
TRẦN TÌNH

Mỗi nụ hôn bắt đầu bằng ánh mắt
Bằng dịu dàng và nồng cháy trong tim
Bằng hân hoan rồi ngây ngất đắm chìm
Bằng giọng nói pha tiếng cười quyến rũ

Đưa ta đến cõi tình trong ấp ủ
Để mơ màng lạc bước chốn thiên thai
Quên thời gian, yêu dấu cứ miệt mài
Môi vụng dại, ngọt ngào cho nhau mãi.

Vân Hà /Viết tặng lễ ty



DƯƠNG THƯỢNG TRÚC
BÊN LỀ CUỘC ĐỜI

*Kính tặng tác giả Trần hoa Việt.
Cảm tác từ tâm bút cùng tên của bà
đăng trong Phù Sa Sông Cửu - Xuân Ất Mùi.*

Mẹ vẫn đi bên lề cuộc đời
Âm thầm như chiếc bóng lẻ loi
Dang tay che chở đàn con dại
Những lúc cuồng phong mưa bão rơi

Mẹ vẫn miệt mài chăm sóc cha
Bàn tay vun xới mỗi thuận hòa
Chắt chiu tàn tảo đời viễn xứ
Gia đình rộn rã khúc hoan ca

Mẹ cũng là chị, là em ngoan
Tình thương thân tộc mãi ngập tràn
Mẹ là gương sáng trong cuộc sống
Trao người niềm hạnh phúc chứa chan

Dẫu vẫn đi bên lề cuộc đời
Tình mẹ vàng vạc ánh dương soi
Trong tim mẹ mãi là tia nắng
Sưởi ấm lòng con, mẹ yêu ơi!



VƯƠNG HỒNG NGỌC
GIỮ LẠI HƯƠNG THU

Chiều Thu vừa trải làn sương mỏng
Hàng cây nghe lạnh nổi trơ cành
Lá khô cong mình vàng nổi nhớ
Ngậm ngùi thương tiếc tháng ngày xanh

Xôn xao cơn gió mùa theo vội
Tả tơi vạt áo gấm Thu vàng
Tan tác lá bay đi muôn ngả
Rùng ngẩn ngơ buồn trên nát tan

Nhè nhẹ bước trên muôn xác lá
Mà nghe vời vợi những biệt ly
Em đi tìm dáng mùa Thu cũ
Nghe dòn tan vỡ mỗi bước đi

Vẫn cứ từng mùa ra bến hẹn
Chờ giọt Ngâu về kể nỗi chung
Trăm năm còn cách xa bao dặm
Bóng mơ hạnh phúc vẫn muôn trùng

Sầu em như lá làm sao đếm
Buồn trĩu mây trời gửi gió đi
Tiễn mùa chỉ tiễn đưa đôi dặm
Giữ lại hương thu nét xuân thì.

68 Trầm Hương



PHAN XUÂN SINH

GIỌT MỰC LOANG

Trong lớp tôi thuở ấy có hai người con gái vừa học giỏi mà cũng vừa đẹp. Những thằng học cùng lớp không có đứa nào dám hó hé lại gần, đừng nói chi cái chuyện “cua” họ. Hà người Bắc tính tình hiền lành dễ thương. Loan người Huế tính tình chanh chua, khó ưa nhưng rất giỏi Việt văn. Trong lớp học hai người con gái này như hai thái cực, có những hiềm khích. Nói cho ngay chúng tôi chỉ thấy thái độ của Loan tỏ vẻ ganh tị hiện lên hành động và trên nét mặt. Còn Hà tỏ vẻ nhu mì nhưng sẵn sàng đáp trả nếu Loan xâm phạm đến. Chính hai người này làm cho bọn con gái trong lớp chia làm hai phe. Phe nói tiếng Huế theo Loan, phe nói tiếng Bắc theo Hà. Mấy bà Quảng Nam đứng trung gian. Mỗi lần đến giờ ra chơi, hai phe tụ nhau hai góc, nói xấu nhau, chửi chiết nhau. Tụi con trai chúng tôi chọc đầu này, thọc đầu kia cho hai bên càng hiềm khích nhau hơn, lấy làm thích thú. Cho nên mấy thằng hay đi ngang qua nghe lóm, ít thì nói cho nhiều, vẽ rắn thêm chân, câu chuyện trở thành trầm trọng khi chúng nó học lại cho phe bên kia biết. Cứ vậy hai bên càng ngày càng trầm trọng. Lúc đầu còn nguýt hấy nhau trong

Trầm Hương 69

bóng tối, về sau công khai công kích nhau. Bài luận của Loan được thầy đọc cho cả lớp nghe là mấy bà Bắc Kỳ ghi lại những chỗ không đồng ý. Thế là tranh cãi nhau, mạ lỵ nhau một cách ranh mãnh. Lúc đầu Thầy dạy Việt Văn thích thú vì có sự tranh cãi rất sống động, làm cho giờ học sôi nổi. Sau thầy nhận thấy sự tranh cãi có phần gay gắt, mạ lỵ, Thầy ra dấu “stop” không được tiếp tục làm sút mẻ không khí học tập. Từ đó Thầy không đọc bài của Loan nữa.

Hà ở cùng một đường với tôi nên thỉnh thoảng đến nhà rủ tôi đi học. Hà hay hỏi tôi có biết phe Huế nói gì không? Có nghe động tịnh gì phe bên kia không? Tôi hỏi lại Hà: “Sao bạn quan tâm những thứ ấy làm gì? Để thời giờ lo học.” Hà vừa đi vừa suy nghĩ một lúc mới trả lời với tôi: “Nhiều khi Hà nghĩ thật vô lý,. Tại sao phải mất thì giờ nhiều như vậy? Thế nhưng phe Huế bên kia ép Hà quá, chịu không nổi.” Tôi nhìn Hà thấy tội nghiệp. Tôi nói với Hà đừng để ý, đừng nghe ngóng tự nhiên sẽ cảm thấy thanh thản. Nói cho Hà yên lòng chứ sự thật cũng khó, làm sao mà không nghe mấy cái giọng Huế chanh chua nhưc đầu, xoáy vào tai như mũi khoan, mấy bà Bắc Kỳ không chịu được nên hai bên không bên nào chịu thua. Cái hồi gay gắt nhất là lúc Hà có bồ là một ông thiếu úy người Bắc, thỉnh thoảng đứng đón Hà ở cổng trường. Ông thiếu úy này cũng bảnh trai, xứng đôi với Hà. Đây là cơ hội mấy bà Huế trẻ môi chế giễu, trù ẻo cho ông này ra trận chết phứt đi cho rảnh mắt. Lời trù ẻo của mấy bà Huế này linh thiêng thật, không thấy ông Thiếu Úy tới đón Hà như trước, nghe tin ông ấy tử trận. Tôi có hỏi khi Hà chờ tôi để cùng đi học, Hà không trả lời nhưng tự nhiên bật khóc. Trên đoạn đường tới trường, tôi hỏi hận đã khơi lại sự đau đớn của Hà. Từ đó không bao giờ tôi đụng chạm đến chuyện này. Chừng vài tháng sau tự nhiên Hà nói với tôi là người yêu của Hà chết thật, lời thú nhận này gây cho tôi xúc động, tôi cảm

thấy thương hại cho Hà. Tuổi mới lớn bắt đầu có người tình thì nửa chừng gãy đổ. Chuyện này tôi không hề hé môi cho ai trong lớp biết.

Sắp đến hè, đứa nào cũng bận rộn học thi. Tình trạng ganh ghét giữa hai phe con gái Bắc và Huế cũng có phần lắng dịu. Sau kỳ thi tú tài năm đó mỗi người mỗi ngã. Năm cuối cùng lớp có tổ chức một cuộc tất niên, chị trưởng lớp nhờ tôi đứng ra làm trung gian cho Loan và Hà bắt tay nhau trong buổi tiệc tất niên đó. Tôi đại diện cho lớp cảm ơn quý thầy đã dạy dỗ chúng tôi và lời bày tỏ cùng các bạn: “Thưa các bạn, như vậy sau bữa tiệc này chúng ta chia tay nhau vĩnh viễn, mỗi người mỗi ngã trên đường đời, thành công hay thất bại đó là số phận của mỗi người. Tuy nhiên chúng ta cũng nên nói với nhau lời cầu chúc tốt lành nhất, hoa mỹ nhất. Tôi mong rằng các bạn hãy bỏ lại sau lưng mình những tị hiềm, những ganh ghét, vì cơ hội gặp lại nhau rất hiếm. Tôi xin đề nghị chị Loan và chị Hà bước lên trên bục bắt tay nhau lần cuối. Tôi nghĩ hành động đẹp này của hai chị sẽ để lại dấu ấn vĩnh viễn trong lòng của những bạn cùng lớp trước khi chia tay...” Hà và Loan e thẹn bước lên bục giảng bắt tay nhau, tự nhiên hai người bỏ tay ra ôm nhau khóc, làm cho các chị trong lớp đều khóc sụt sùi. Các thầy rất ngạc nhiên không hiểu chuyện gì đã xảy ra cho hai người. Đó là niên học đáng nhớ nhất trong đời học sinh chúng tôi. Sau khi thi tú tài bạn bè ít có dịp gặp lại.

Chúng tôi những thằng bạn học cũ phân đông vào lính, mà lính thì biết khi nào mới gặp lại nhau. Nói vậy chứ thỉnh thoảng về phép đi uống cà phê cũng gặp được vài thằng bạn cũ, từ đó hỏi thăm biết được thằng này thằng khác, có đứa chết trận, có đứa bị thương. Đứa nào cũng có vẻ hiên ngang với bộ đồ lính trên người. Còn bạn gái ít khi gặp lại nhưng cũng biết tin, phần đông các chị có chồng là lính nên cũng đa

đoan với cuộc chiến mặc dù không trực tiếp ngoài chiến trường. Một lần tôi về phép thăm thằng bạn cũ làm thông dịch viên sở Mỹ tại Đà Nẵng. Thằng bạn hỏi tôi mấy còn nhớ con Loan không? Loan hiện làm ở đây. Tôi trả lời nhớ chứ, mấy gọi Loan qua đây chơi được không? Hấn chạy đi gọi Loan. Tôi ngồi trong phòng xem báo thì Loan vào. Tôi ngược lên nhìn, thú thật tôi không ngờ rằng Loan bệ rạc như vậy. Tôi đứng dậy bắt tay Loan, bàn tay của Loan không mềm mại, có vẻ cứng cáp. Tôi hỏi Loan có chồng con gì chưa? Loan lắc đầu, trong nét mặt có chút gì cay đắng. Loan nói với tôi nhờ bạn giới thiệu cho mình một ông lính, không cần quan tước gì cả. Tôi ngạc nhiên nghĩ trong bụng sĩ quan bà còn chê huống chi là lính. Tôi hỏi lại: “Loan có gì không vui phải không? Sao đắng cay quá vậy.” Loan lắc đầu không nói. Ngồi nói chuyện với tôi một hồi, Loan chào để trở về phòng làm việc. Thằng bạn nói với tôi về Loan: “Gia đình Loan có một căn nhà cho Đại Hàn thuê, không biết sao Loan có thai với thằng Đại Hàn thuê nhà. Ông bà già phải gởi Loan ra Huế sinh đẻ. Khi đưa con được ba tuổi mới đem về nuôi. Gia đình bảo rằng đứa nhỏ là con của bà chị bà con ở Huế, chồng chết Loan xin về làm con nuôi.” Tự nhiên tôi thấy thương hại cho Loan, hèn chi khi nói chuyện với tôi Loan có vẻ không vui.

Một lần tôi về phép, đi uống cà phê với mấy thằng bạn cũ. Một thằng nào trong bọn nói với chúng tôi là con Hà Bắc Kỳ lấy thằng Quang. Tất cả mọi người đều trở mắt nhìn vì một sự nghịch lý mà không ai có thể ngờ. Hà học rất giỏi thi đậu dễ dàng tú tài I và tú tài II, còn ông nội Quang của chúng tôi thi mãi không đậu. Hồi đó hấn nổi tiếng học dốt nhất trong lớp, thi tú tài I năm lần bảy lượt vẫn không qua, sau phải đi lính chuyên viên Không Quân. Không biết làm sao hấn của được con Hà nghĩ cũng lạ thật. Ngoài chuyện học giỏi, Hà

cũng là một trong những con gái đẹp trong lớp. Ít ra cũng lấy được một người tương xứng. Mấy đứa ngồi uống cà phê bữa đó cứ tiếc thắm mãi. Chuyện số mạng cay nghiệt như vậy dù không tin cũng phải công nhận đã xảy ra với Hà. Tôi nghĩ hay là Hà đã từng có người yêu là sĩ quan tác chiến, bị tử thương ngoài chiến trường nên sợ sẽ trở thành quả phụ, để yên thân Hà phải lấy một tấm chồng ngày đêm hú hí với vợ tới già, không sợ nửa đường gãy gánh. Thú thật chúng tôi chỉ đoán già đoán non chứ hoàn toàn không biết gì về cuộc sống của hai người. Tình yêu khó nói thật. Gia đình Hà đã dọn đi nơi khác từ lâu nên không còn gặp Hà như trước đây. Khi chia tay năm cuối cùng, đi về cùng đường Hà cho tôi biết nếu đầu kỳ này Hà sẽ đi Sài Gòn thi vào trường Phú Thọ để học kỹ sư điện. Tôi nghĩ ước mơ của Hà sẽ thành công dễ dàng vì Hà là học sinh giỏi. Tôi không biết khi lấy Quang, Hà đã đầu kỹ sư chưa?

Đó là cuộc đời của hai người bạn gái vừa đẹp mà cũng học giỏi, vậy mà có chút gì cản trở không suông sẻ trên đường đời. Còn bọn con trai chúng tôi, khi ra trường chừng hơn một năm sau bị chi phối bởi lệnh Tổng Động Viên. Một mẻ lưới oan nghiệt không ai thoát ra được, thỉnh thoảng được tin có thằng tử trận. Đứa nào về thành phố thì đến nhà thấp cho bạn mình một cây nhang hay tiễn bạn ra nghĩa trang. Khi ra về tìm một quán nhậu, hay quơ đại một chai rượu đế về nhà ngồi uống một mình. Cổ xưa đuổi nỗi buồn, cổ quên những bất hạnh mà những đứa bạn lần lượt nằm xuống. Tâm trạng của chúng tôi lúc nào cũng lo sợ, không biết đến bao giờ sẽ tới phiên mình. Giọt mực nhỏ xuống trang giấy không đọng lại một chỗ mà nó loang rộng làm mờ cuộc đời của chúng tôi. Tôi nghĩ những người bạn gái cũ, chắc các chị cũng không thua gì chúng tôi. Ai cũng phải lấy chồng, mà chồng của các chị cũng không thể thoát ra khỏi vòng cuộc chiến,

cho nên đôi khi ra phố trông thấy các chị chít khăn tang trên đầu là biết ngay các chị có tang chồng. Bạn trai hay bạn gái trong thời chinh chiến đều mang nỗi lòng lo sợ như nhau, đau khổ giống nhau.

Rồi tới 30 tháng 4 năm 1975. Tưởng rằng hòa bình mà mọi người chờ đợi sẽ tốt hơn, cuộc sống sẽ mang tới cho chúng ta niềm vui, không trông thấy cảnh chết chóc. Thế nhưng mọi chuyện không như vậy. Tất cả chúng tôi đều vào tù, những người vợ chắt chiu đi nuôi chồng mà đời sống của họ vô cùng thảm thiết. Những tiểu thư ngày xưa nuôi những ước mơ cao sang, chỉ vài năm sau trông thấy họ te tua tội nghiệp. Mấy thằng bạn học tập trở về, trông thấy họ bệ rạc như những ông cụ non, thân hình ốm o thiếu ăn. Toàn cảnh Miền Nam lúc ấy sống trong cơ cực. Không ai giúp được ai. Tôi về Đà Nẵng nhấn mấy thằng bạn cũ tới nhà uống với nhau ly rượu thì bị Công An đến gây khó dễ. Một người bạn từ Sài Gòn về thăm bạn bè, vào kể lại cho tôi nghe là anh ấy tập trung một số bạn cũ ngồi uống rượu. Anh đi ra nhà sau đi tiểu thì trông thấy mấy ông Công An rình rập bên ngoài nghe lén. Anh sợ quá nhảy rào chạy thoát thân. Ngày mai anh nghe người nhà báo cho biết là tất cả những người ngồi nhậu đều bị bắt. Từ đó ở Sài Gòn tôi ít về thăm quê nhà. Nhìn thấy gia đình nào cũng xác xơ, lòng người rệu rã, những cán bộ thì hống hách chèn ép dân chúng. Ai sống tại Đà Nẵng thời ấy cảm thấy ê chề ngao ngán, nhưng không dám hé răng.

Đến thập niên 90, có sự ban giao với Hoa Kỳ đất nước mở cửa người dân được nói lòng. Rồi chương trình HO cho những người tù cải tạo ra đi, đời sống dân chúng còn ở lại được thoải mái đôi chút. Đất nước xem như được khởi sắc cho đến bây giờ. Tôi ra đi năm 1990, nghĩa là tôi có 15 năm sống trong nước dưới chế độ Cộng Sản, tôi biết và hiểu tường tận dân tình lúc ấy. Qua bên này rồi nhìn lại, thật

khủng khiếp. Tôi không hiểu một chế độ như vậy mà tại sao cho đến bây giờ vẫn còn tồn tại? Những người có lương tri, có hiểu biết làm sao chấp nhận một cuộc sống bị nhà cầm quyền tước đoạt hết như vậy? Mới hay áp lực aka, tù đầy đã làm dân chúng khiếp sợ và rã rập vâng lời. Thôi chuyện đất nước dài quá, nói mãi không hết được. Tôi trở lại chuyện của chúng tôi. Giọt mực nhỏ xuống loang mãi trong đời của những thằng học sinh chúng tôi. Câu hát ngày xưa trong thời tiểu học mà ai ai cũng biết: “Học sinh là người tổ quốc mong cho mai sau...” Thế hệ chúng tôi, tổ quốc chối từ. Người ta cần những người không có kiến thức, nhưng biết trung thành, biết quy lụy. Vì vậy tất cả những người Miền Nam đều bị loại ra khỏi các cơ quan lớn nhỏ của chính quyền. Cũng may cái phao cứu chúng tôi đúng lúc là được định cư ở Hoa Kỳ.

Cách đây 10 năm, trong một lần ra mắt sách của một người bạn tại North Carolina, thì một người trong Ban Tổ Chức đến cho tôi biết là có một bà đứng bên ngoài cần gặp tôi. Tôi ra thì gặp Loan. Tôi rất ngạc nhiên không biết tại sao Loan biết tôi ở đây? Loan giới thiệu người chồng, anh đến bắt tay tôi. Nhìn Loan với khuôn mặt vui tươi rạng rỡ, tôi biết họ đang hạnh phúc. Vợ chồng Loan đến Mỹ năm 1991 cùng với các con. Tôi không dám hỏi Loan nhiều, nhất là đứa con Đại Hàn của Loan. Sau này khi liên lạc với nhau bằng điện thoại, Loan mới cho biết anh Nghĩa đồng ý cho Loan mang theo đứa con ngoại hôn dị chủng đó. Tôi rất mừng cho Loan. Trong một lần điện thoại nói chuyện, Loan hỏi tôi có ai trong lớp lúc đó biết chuyện Loan có bầu không? Tôi nói thẳng thừng ai cũng biết hết và ai cũng thương cho Loan lúc ấy kể cả Hà. Loan yên lặng một hồi rồi nói với tôi là mình ân hận chuyện trẻ con lúc ấy. Không biết lý do gì mà mình thù Hà đến như vậy, có lẽ mình ganh ghét vì Hà học giỏi hơn mình.

Đến ngày chia tay hai đứa ôm nhau khóc, mình mới biết mọi chuyện đều do lỗi ở mình gây ra, Hà hoàn toàn vô tội. Ước gì bây giờ gặp lại Hà mình sẽ xin lỗi và thú nhận hết chuyện này, mình nghĩ chắc Hà phải cười thôi. Tôi nói với Loan là hồi đó đi học về cùng đường, Hà cũng nói cho tôi biết là Hà muốn làm hòa với nhau, nhưng sợ Loan không đồng ý thì quê lắm, nên giữ thái độ im lặng. Mà thật ra nhiều lần tôi muốn nói với Loan về chuyện giải hòa, nhưng lần nào trông thấy bộ mặt hầm hầm của Loan tôi không nói ra được. Loan hét trong phôn, sao bạn không nói ra lúc đó? Mình cũng đang chờ chuyện giảng hòa từ lâu. Tôi cười như vậy hai bạn đều đáng thương hết. Thời đi học ai cũng vấp phải những sai lầm, bây giờ đứa nào cũng già nhìn lại thấy vừa ân hận mà cũng vừa dễ thương. Tôi hỏi Loan có biết Hà kết hôn với Quang không? Loan bảo biết, mình rất ngạc nhiên và thương Hà hết sức. Bây giờ bạn biết Hà ở đâu không? Từ khi lấy chồng không ai biết Hà đang ở đâu.

Trong lần ra mắt tập thơ của tôi năm ngoái tại Westminster. Tôi ngồi ký tặng sách nên không trông thấy mặt người đưa tập thơ cho tôi ký. Người đó nói với tôi nhờ anh đề tên Vũ Thị Băng Hà. Tôi giật mình ngược lên, vội vàng đứng dậy nắm chặt tay Hà. Sao bạn biết tăm không nghe tin tức gì về bạn, hơn 46 năm rồi phải không? Hà cúi đầu nhỏ nhẹ nói với tôi, chuyện của mình không vui, nên mình tránh hết bạn bè. Tôi hỏi Quang đâu? Hà lắc đầu. Khách ra vào đông đảo nên tôi không nói chuyện được, Hà hẹn sáng mai đến khách sạn đón tôi đi uống cà phê rồi nói chuyện nhiều hơn. Tôi nhìn Hà trở về chỗ ngồi, rồi tiếp tục ký sách cho người khác.

Đúng 9 giờ sáng hôm sau, Hà lái xe đến đón tôi tại khách sạn. Ngồi trong xe nhìn Hà, tôi nhận thấy Hà trông vẫn còn trẻ so với số tuổi. Chúng tôi bây giờ trên 60 hết rồi, tôi nhớ

tôi thuộc thành phần nhỏ tuổi trong lớp mà đã 64 thì Hà hoặc bằng tôi, hoặc hơn tôi. Đến tiệm cà phê Hà nói trước là bữa nay Hà xin trả tiền cà phê để khỏi phải dành nhau. Tôi nói với Hà là thỉnh thoảng tôi nói chuyện với Loan. Tôi hỏi khách Hà có còn nhớ Loan không? Hà cười, đó là nhân vật mình nhớ suốt đời, bây giờ Loan ra sao? Tôi cho Hà biết tình hình của Loan hiện thời và Loan rất hối hận về chuyện xích mích với Hà khi còn đi học. Ước gì bây giờ Loan gặp lại Hà. Tôi thấy Hà xoay tròn ly cà phê trên bàn nói với tôi, lúc đó một phần cũng tại mình, mình có thái độ khinh thường mọi người, không cần thân thiện với ai cả, vì ỷ lại mình học giỏi. Tội nghiệp Loan ra đời vấp ngã cũng như hoàn cảnh của mình thôi. Bây giờ đưa nào cũng tỉnh người. Vậy là hai bạn đều lãnh phần lỗi về mình một cách chân thật. Nếu có Loan ở đây chắc Loan cảm động lắm.

Ngồi suy nghĩ một hồi, Hà kể cho tôi nghe về gia đình. Ông Bà già của Hà dọn nhà đi Sài Gòn làm ăn sau khi Hà đậu tú tài. Nhà ở Quận Tư Sài Gòn. Một hôm Hà đi phố gặp Quang, lúc đó Quang đã đi lính Không Quân. Quang rủ Hà vào quán cà phê ngồi nói chuyện. Hà xem Quang như một người bạn nên uống cà phê xong Quang chờ giùm Hà về nhà bằng xe Honda. Từ lúc đó Quang thỉnh thoảng ghé nhà chơi. Một hôm Quang đến không có Hà ở nhà, Quang khóc lóc với ông bà già là Quang yêu Hà. Nếu không lấy được Hà thì Quang sẽ tự tử. Về nghe ông bà già kể lại, mình hết hồn, tưởng rằng chuyện như đùa, gặp Quang mình sẽ cự tuyệt. Quang thường đến nhà trong lúc mình đi học, nên tí tê với ông bà già mãi về chuyện muốn cưới Hà. Ông bà già xuôi lòng, chỉ có mình là không biết chuyện này. Một hôm ăn cơm tối xong, ông già đưa chuyện của Quang ra nói với mình, mình cự tuyệt thì ông già làm dữ. Ông bảo rằng mấy thằng sĩ quan mà mấy quen toàn là tác chiến, ông nhất định không gả. Quang dù

lính trơn nhưng an toàn sống với vợ con. Từ đó mình khóc hết nước mắt cũng không lay chuyển được ông bà già. Mình phải đánh lấy Quang là vì vậy. Sống với Quang mình mang nhiều mặc cảm quá, trong đầu lúc nào cũng khinh bỉ Quang. Đến khi mình sinh đứa con đầu lòng xong thì tức nước vỡ bờ, hai đứa càng đố kị nhau không thể hàn gắn được đành chia tay. Thú thật Quang không muốn nhưng mình nhứt định dứt khoát với nhau. Mình tiếp tục đi học đến khi ra trường và tự mình nuôi con. Từ chuyện lấy Quang, mình học được một bài học lớn trong đời. Vợ chồng khi đã khinh nhau thì không bao giờ sống chung với nhau được. Mình hối tiếc đã không quyết liệt từ lúc đầu để bây giờ phải phải bẽ bàng, nhưng tất cả đều do số mạng phải không? Tôi thành thật hỏi Hà :”Có lẽ Quang học dốt quá nên Hà mang ấn tượng này trong đầu?”. Hà cũng trả lời với tôi thẳng thắn: “Hà không quan tâm điều đó. Nhưng khi sống với nhau Quang hé lộ bản chất keo kiệt, ích kỷ và kiến thức thấp hèn của mình. Bao giờ cũng lớn lối với vợ con. Hà không chịu được nên phải đổ vỡ thôi”.

Mình nghe nói sau một năm ly dị, Quang lấy vợ khác và hiện giờ còn ở Việt Nam. Còn mình sau khi mất Sài Gòn vài năm thì mình gặp anh Hoàng học tập về, bị vợ bỏ. Hai đứa hiểu hoàn cảnh của nhau và tự nguyện đến với nhau. Mình và anh Hoàng có thêm hai đứa con nữa, như vậy một đứa con riêng của mình, cộng với hai đứa con chung với anh Hoàng và thêm hai đứa con của anh Hoàng với người vợ trước đều được qua Mỹ. Vài năm sau mình bảo lãnh Bố Mẹ mình qua, cũng nhờ vậy vợ chồng mình mới rảnh tay đi cày, các cháu do ông bà chăm sóc. Đời sống bây giờ của mình đã ổn định, các cháu đều ra trường. Tôi nói lời chúc mừng với Hà, bắt đầu bây giờ bạn không còn lo nghĩ, không còn vất vả. Như vậy bạn xem như đã thành công trong cuộc sống. Tôi với Hà kể cho nhau nghe mấy người bạn mà chúng tôi đã quen biết

nhau khi ngồi trên ghế nhà trường, khi nói chuyện chúng tôi mới kiểm chứng lại số người bị vấp ngã trong cuộc sống nhiều hơn số người có một cuộc sống trôi chảy. Tất cả không ít thì nhiều đều do chiến tranh gây nên. Tôi cho Hà số phen của Loan trước khi chúng tôi chia tay nhau. Hà cho biết đứa con trai lớn của Hà với Quang hỏi ý kiến là muốn bảo lãnh cho Quang qua định cư? Hà trả lời là tùy thuộc sự định đoạt của con, mẹ không ý kiến chuyện này. Trước khi bảo lãnh phải cân nhắc kỹ càng vì trách nhiệm rất nặng nề. Bây giờ thì con của Hà không đề cập đến chuyện này, mỗi tháng gửi cho Quang một ít tiền. Qua đây tuổi già cũng chẳng làm được gì lại phiền con cái.

Lần vừa rồi về Việt Nam, gặp lại các bạn cũ tôi đều kể lại chuyện có gặp Hà và Loan. Các bạn rất vui khi biết được bây giờ hai bạn ấy đã có cuộc sống ổn định. Chuyện cũ trên ghế nhà trường thuở xưa ai cũng đều hối tiếc, thế nhưng vẫn còn đọng lại một chút dễ thương, trẻ người non dạ, cứ nuôi trong lòng chút tự ái hão huyền không ai chịu dừng lại. Trong bạn bè của chúng tôi, bây giờ ai cũng có con cháu đầy đàn nên nhìn lại chuyện cũ ai cũng tự trách mình. Tại sao khi Hà và Loan xích mích mình không đứng ra ngăn cản mà cứ để sự việc lún sâu? Không phải Hà và Loan thẹn khi đề cập lại chuyện đó, mà chính tất cả bạn bè đều thẹn vì ích kỷ, vì tị hiềm nên nhìn sự việc dừng đọng, không ai lên tiếng ngăn cản để mở ra một lối thoát cho hai người. Gần năm mươi năm sau, hai người tìm lại nhau qua điện thoại. Dù sao họ cũng nói lên được sự ân hận của họ cứ ấp ủ trong lòng, bây giờ mới thoát được.

Phan Xuân Sinh



TRẦN VĂN SƠN
TÚ TUYỆT

1. Uống Rượu Một Mình

Nhà vắng. Bàn không. Chiếc lá phơi
Uống khan ly rượu nghẹn bờ môi
Gục đầu nhìn xuống bàn tay bần
Cát bụi vườn ai lấp chỗ ngồi

2. Chờ Xe Búyt Tại Trạm El Monte

Đường trăm vạn nẻo. Xe như nước
Một ngả đứng chờ xe búyt chơi
Đường đi. Đường đến. Đường xuôi ngược
Chỉ một đường thôi đủ rứt người

3. Về Thăm Mộ

Thuyền Nhân Tại Đảo Galang
(Gửi hương hồn em tôi Nguyễn Thị Thắng)

Biển. Đảo. Rừng sâu. Vạn năm mờ
em tôi còn một mảnh xương khô
Thương thay hồn trẻ thời quỷ loạn
Thuyền có chở về bến tự do

4. Khát Sĩ

Tâm động khó về nơi ẩn dật
Tìm vào hang núi bế thiên môn
Thử làm khát sĩ ôm bình bát
Lần thân đồng hoang nhịp trống đồn

80 Trầm Hương



HỒ THỤY MỸ HẠNH
ĐÔI BỜ MÊNH MÔNG...

Sông trôi về biển lớn
Còn biển trôi về đâu? . .
Hai bờ đại dương ấy
Làm mình xa cách nhau

Lòng biển giấu bao điều
Muôn đời không ai biết
Như tình yêu của em
Có bao nhiêu tha thiết

Anh như cánh chim trời
Em ngóng hoài, vô vọng
Đôi bờ quá xa vời
Lòng em đầy tiếng sóng!

Cứ như là giấc mộng
Trong đêm dài cô miên
Đôi khi bàng hoàng gọi
Tên một người ngỡ quên

Sông không về biển lớn
Vì nhỏ nhoi, cạn giòng
Tình yêu không về bến
Vì đôi bờ mệnh mông...



TRẦN PHÚ THẾ
SẦU ĐÂU PHƯƠNG NÀO

mười năm có lẽ mười năm
ta đi biệt gởi nằm lạnh tanh
ta về nhớ cọng rau răm
sầu đâu làm gỏi lá chanh rất buồn

nghĩ rằng có lúc đi luôn
nghĩ rằng có lúc cái buồn đã thiu
làng xưa xóm nhỏ bóng chiều
phát phơ lau sậy liêu xiêu tội tình

ta về cây cỏ làm thình
con chim sâu nhỏ một mình bơ vơ
hàng tre già cỗi bao giờ
lất lay trong gió bên bờ sông đau

sầu đâu em hái hôm nào
tay thơm trộn gỏi tình trao chưa mờ
mười năm có lẽ không ngờ
ta đi biệt dạng em chờ mòn hơi

chiếc xuồng ba lá nằm phơi
nắng mưa rất mặt dòng đời lãng quên
ta về ngắm bóng mình ên
rêu xanh cũng nhạt bên thềm nhà em

ta về tìm chút hương quen
nhưng hương đâu mất và em đâu rồi
mười năm và mười năm ơ
lẻ loi ta đứng trông trời quạnh hiu
82 Trần Hương



TRẦN VĂN LƯƠNG
QUYỀN LỊCH VOI

Đạo:

*Vừa dứt tiếng oa oa,
Nửa đời đã vụt qua.
Tuổi già hoa mắt đỏ,
Vò võ kiếp xa nhà.*

Tàn ngần ngắm quyền lịch voi,
Bâng khuâng sống lại một thời đã qua.
Rời vòng tay ấm mẹ cha,
Mon men dò nẻo bướm hoa dập dìu.

Lời tình vụng dại chất chiu,
Năm canh mất ngủ nâng niu bóng sầu.
Rong chơi nắng dãi mưa dầu,
Ngày say ánh mắt, đêm đau tiếng cười.

Sân trường én lả oanh lời,
Một mình lặng đứng nhơ nhời cộng buồn.
Nương nhờ chút nắng hoàng hôn,
Hoàng hôn lịm tắt, xác hồn chông chờ.

Giã từ sách vở tuổi thơ,
Đường xa định mệnh chực chờ đã lâu.
Lang thang núi thẳm rừng sâu,
Mịt mù khói lửa biết đâu ngày về.

Một cơn hồng thủy nào nề,
Đưa chân mấy bận, tái tê bấy lần.
Chăm chăm ngày tháng xoay vần,
Đành hanh con tạo khép dần cuộc chơi.

Bồi hồi gỡ quyền lịch voi,
Lại thêm nữa một phần đời ra đi.
Đóng khung dĩ vãng làm vì,
Cuối đường luân lạc còn gì trong tay.

Khật khùng nửa đại nửa ngây,
Cùng bày tóc trắng mượn say giết sầu.
Sống về đâu, chết về đâu,
Quê hương đã mất, bể dâu sá gì.

Sống còn chi, thác còn chi,
Còn chẳng nỗi nhớ thương ghi đậm lòng.
Thương về một dải non sông,
Từ lâu bất hạnh nằm trong tay người.

Canh khuya nếm hạt sương rời,
Nghẹn ngào nhớ đến phương trời đã xa.
Bao năm nước mắt mẹ già,
Đây hơn mưa lũ rót qua ruộng gầy.

Con nay đất khách dạn dày,
Đôi chân mỏi mệt, gót giày xót xa.
Đăm đăm dõi lối quê nhà,
Đón đau nhìn ánh sao sa cuối trời.

Bùi ngùi đốt quyền lịch voi,
Dường như có tiếng à ơi vọng về.



TRẦN VIỆT CƯỜNG **VẪN LÀ ĐÊM RẤT LẠNH**

đêm không lạnh mà lòng lạnh quá
Nỗi buồn riêng đau đáu trong tim
Con nước lớn nước ròng ai biết
Nhược thân bệnh yếu nhức từng đêm
Cơn co giật vẫn thường ập đến
Chẳng hẹn hò chẳng báo trước gì nhau.
Đau đau quá toàn thân tê nhức
Nhưng nỗi nhớ người
và thất vọng vụn vặt hơn
Xin cứ nói với tôi lời tuyệt vọng
Bệnh lâm sàng đã biết từ lâu
Cố bám víu chút tình đơn lẻ
Làm hành trang cho chuyến đi dài
Hỡi ơi! Nhân sinh bất cập
Lòng người khó đoán thường tình
Tôi không trách người quay lưng xa lạ
mà trách tôi sao quá ngu ngơ.
Mà trách tôi ơ hờ không nghĩ
Bệnh đau ái gánh được bao giờ.

Chỉ mong sao nghe được lời nói thật
Là đã có lần nghĩ rất thật về nhau
Xin cảm ơn
Người vắng lai mấy bận
Và nhớ dùm tình sau trước còn nguyên.



TRẦN YÊN THẢO
SỰC NHỚ MỘT THỜI
ĐÃ LỤI TÀN

Sóng giạt chiều nay bãi xơ xác
Tro tàn bếp lạnh hờn xuân thu
Đã ngủ thiếp bên lề cô tịch
Còn nghe bức rức nợ giang hồ

Từ độ lặn thân vào thế sự
Giữa rừng gươm phỉ chí reo hò
Đã dựng đời ta trên mộng lớn
Thì đừng ray rút mộng băng quơ

Ta quên hẳn chút tình nơi cổ quận
Ngày xanh mê mãi nghiệp cung đao
Chí lớn ngạo đời qua dâu bể
Chưa bao năm đã rách nát chiến bào

Cuộc cờ chưa tan gổ đã quy
Đan thanh vùi dưới bóng nguyệt tà
Khi sực nhớ tắc lòng tri kỷ
Tình xưa khăn gói đã đi xa

Ta khắp khiêng giữa hai bờ sinh tử
Quanh đây nhân ảnh hóa sương mù
Thế sự trôi dần xa cổ tích
Và ngàn đời son phấn cũng hoang



NGUYỄN AN BÌNH
HẠT BỤI NGHÌN TRÙNG

Chim đêm ngậm nhánh phù vân
Nương trên tay phật đợi trăng hạt rơi
Tôi chờ đón giọt nắng phai
Em qua ngõ trúc ngậm ngùi thêm rêu.

Trắng quỳnh hoa giữa tịch liêu
Hương thơm ngày cũ ít nhiều trong tôi
Đài sen vương ánh tơ trời
Sân thiền vọng mãi những lời vô ưu.

Tôi về từ cõi thiên thu
Buồn treo tháp cổ sa mù trở hoa
Bụi vàng ngõ ánh châu sa
Em theo cánh én la đà khói sương.

Áo hồng rớt cuối nguồn sông
Hài thù chưa kịp theo dòng nước xuôi.
Ngày xuân ai thả đèn trời
Trong trăng tiếng hạc ngọt lời ca dao.

Lời kinh khua động chiêm bao
Cánh chim lạc giữa ngàn sao mịt mù
Thì thôi trong cõi vô cùng
Tôi làm hạt bụi nghìn trùng bên em.



TRẦN DẠ LÝ
CẢM ƠN NGƯỜI
ĐÃ CHO TA NIỀM ĐAU

Như nhát dao cắm ngọt vào lòng
Em đến rồi đi bất ngờ quá đổi
Em nhá thiên đường anh chưa kịp tới
Đã nghe tình địa ngục đắng mênh mông...

Sao em gieo chi tội quá, nỗi buồn
Cứ dè tim anh mà ở lại?
Là hạt bụi giữa ba ngàn thế giới
Anh còn gì trong cõi yêu thương?

Như bão giông lấp liếm con đường
Anh hóa thành con tàu mất hướng
Giữa ngã 3 trông chừng, vất vưởng
Biết nơi đâu là chốn yên bình?

Sao em gieo chi nỗi nhớ vào anh
Để rồi đi biệt-mù-cà-cường?
Tháng rộng năm dài một mình anh hóa tượng
Dị tượng sâu em có biết không em?

Cảm ơn em. Rất cảm ơn em
Đã cho anh niềm đau suốt kiếp
Thơ theo người cũng ngỡ ngàng, anh biết
Vết thương này thành lệ đá triền miên...
88 Trần Hương



MINH XUÂN
CÔ LÁNG GIỀNG XƯA

Cô láng giềng xưa luống tuổi rồi
Thời gian hờ hững lạnh lùng trôi
Bao mùa Xuân thấm qua song cửa
Đông xám đang len lén...đón mời

Trời Tây Bắc đông về giá lạnh
Tờ lịch rơi...ngày cũ qua nhanh
Lòng ngậm ngùi ôm tình si dại
Đốt lửa lòng...hâm chút mong manh

Nhớ những chiều cuối tuần lỡ hẹn
Bước chân ai gõ nhịp hờn ghen
đường đông vui mình ta tiếc nuối
ký ức là... nhớ bước chân quen

Thôi hết rồi! Ngày xanh vụng dại!
Những hẹn hò rung động bờ vai
Tình yêu...Cô láng giềng xưa cũ
Nay chỉ là hình bóng tàn phai

MinhXuân538, Olympia tháng Tư 2015



KHẮC TĨNH VŨ
ĐOÀN KHÚC THU

1.

Ngón tay thon trắng nõn
Năm ngón nhỏ mở ra
Sao em không nắm lại
Giữ vài giọt sương sa
Để gió mùa tung tẩy
Tan trong bóng nguyệt tà

Tan trong hồn cây cỏ
Uớt bóng tàn tích xưa

2.

Có con chim sâu nhỏ
Sà xuống hút nhụy hoa
Mùi hương bay thoang thoảng
Thu đang vỡ chan hòa

Chim bay còn ngoảnh lại
Giỡn chơi giữa lu bù
Sao em không nắm lấy
Giữ lại làn hương thu

3.

Hai bàn tay trắng nõn
Em bụm lấy bụi hồng
Thổi bay mù bóng xế
Tung tẩy bàn tay không

Ta một thời lông bông
Nghe bồi hồi bồi hồi
Sài gòn nơi ta ở
Hương thu bay ngang trời

4.

Không hắt hờn của nắng
Chẳng phải màu hoa tươi
Sài gòn nhạc thu tương tác
Làm quẩn rũ lòng người

Bàn tay em trắng nõn
Vẫy giữa trời quê xa
Sài gòn mưa và nắng
Mùa thu đã phôi pha

Trong lòng người lữ thứ



ĐỖ BÌNH
KIỆP NGƯỜI

Chiều lên nắng ngả vàng khu phố,
Nghiêng xuống đời ta vạt lụa thơ.
Hầm vắng những bàn chân bước vội,
Métro buông khúc nhạc mơ hồ.
Hỡi nàng mắt xanh môi sâu mộng,
Tấu làm chi ca khúc não lòng?
Lời hát vút cao như tiếng khóc,
Chạnh buồn, ta tủi kiếp lưu vong
Em ly loạn xô vào gió bụi,
Sống quê người chắc cũng bơ vơ?
Nàng mắt xanh ôm đàn nức nở..
Ai qua đây xót cảm hồn thơ?
Khách qua lại hững hờ giai điệu
Tàu đã xa, ta vẫn thẫn thờ!



SONGTHY

MƯA NGÀY CHỦ NHẬT

Mưa rơi nhiều sáng ngày chủ nhật
Mây nhuộm màu xám xịt không gian
Gió lao xao thức giấc muộn màng
Cây oằn oại tiếng than non nỉ

Chiếc chăn đơn ấm tình cô lữ
Khắc khoải lòng lữ thứ xa nhà
Cà phê đầu ngày vị đắng riêng ta
Từng giọt rơi hiền hòa trong tách

Chủ nhật buồn gió mưa ray rút
Nhu tiếng lòng đáy vực sâu miên
Hạnh phúc, cô đơn cứ mãi trốn tìm
Miền ký ức muộn phiền trần trở

Ngụm cà phê có trôi niềm nhớ!
Giấu nỗi buồn tim vỡ qua đây
Đầu ngón tay nhảm tính từng ngày
Anh còn đó... hay say niềm vui mới

Mưa còn rơi em còn mãi đợi
Cà phê đầu ngày đượm giọt chơi vơi...

MỘT LẦN TẠ LỖI !

Tô Khuyên

Cho em một lần tạ lỗi
Đến ngàn sau vẫn tiếc hời cuộc tình
Những ngày đó lửa chiến chinh
Trên quê hương đầy đao binh khói súng
Anh đối trái không nao núng
Dâng rồi sống tuổi trẻ tung cánh bay
Tình riêng gác ngoài tầm tay
Sống núi mang nặng đôi vai đáp lỗi
Gặp em nghiệt ngã một thời
Đến thăm sau những đêm ngồi hoà châu
Dừng chân quán nhỏ bích câu
Ly cà phê quán đậm sâu đá văng
Bao lần anh dăng hiên ngang
Cũng đồng đội đến quán hàng thăm em
Tuổi thơ ngày mắt nai vàng
Nhưng trong tâm đã nhẹ nhàng đau yêu
Mời thăm đón vị một chiều
Mắt anh đã ngó vạn điều thiết tha
Mắt em tránh mắt "người ta"
Quay đi im lặng lánh xa cuộc tình
Anh buồn vì tiếng lặng thính
Mai ra trận tuyến chiến chinh xa với
Xong vào lửa khói tới bởi
Mang niềm nhung nhớ trùng khơi phương này
Ngày đó nếu anh có hay
Em vắng lệnh lúc học hành thành công
Cha mẹ đã nhận cầu hôn!
Nhớ anh từng phút tâm hồn xuyên xao
Van xin phụ mẫu ngàn bao
Cho em từ chối tình nào không duyên



Thả rồi biến biệt thiên miền
Thờ rồi lệ đổ trên trăn mắt sầu
Rời ra một cuộc tình sâu
Hai phương ngóng vọng một màu pensée
Phải chỉ ngày ấy anh về
Phải chỉ ngày ấy em chờ anh
Bây giờ chìm đã xa càn
Bây giờ tình đã tàn tạnh khói sương
Anh rằng ngày ấy mộng ước
Cùng em sơn thủy quỳnh hương nồng nàn
Bây giờ hồng võ trắng tàn
Chỉ còn lãng động tình tan u hoài...
Cho em tạ lỗi lần này
Đã không giữ nổi những ngày ước mơ!

Tô Khuyên - 2014

tiemtaotranh@yahoo.com

Tím Buồn



Tím buồn là mắt em sầu
Cho thơ tôi thả nỗi sầu vào thăm
Ru em tuổi mộng tròn trăng
Giọt mưa giọt nắng rơi dầm nhớ thương

Áo bay đôi vạt tím buồn
Thơ tôi gió tím nhẹ luôn bờ vai
Tình se mấy lọn tóc dài
Nhớ đừng rẽ lệch nắng phai giọt hồng

Tím trời chiều tím mệnh mông
Tím cơn mơ tím cả dòng thơ trôi
Thôi em đừng tím nụ cười
Cho con thuyền lạc ra khơi không về

Tình tôi rục rỏ cơn mê
Đỏ dành em cánh phượng hề nhẹ bay
Vấn thơ thương ngả vòng tay
Đón em về tiếng ve gầy rậm ran

Tím buồn đôi mắt mơ màng
Đầu chỉ nỗi nhớ dưới hàng mi cong
Thơ tôi thả gió bẽnh bông
Tình em biết có phải lòng câu thơ ?

Trầm Vân



PHAN TRANG HY

PHÓNG SINH CHỮ NGHĨA

- Được cái con la hán này tạp ăn lắm! – Thắng, em vợ tôi, giọng hồ hởi nói tiếp – Anh biết không, mỗi lần em cho nó ăn, nó lượn lên, lượn xuống ra chiều thích thú lắm. Ăn xong, nó gật gật cái đầu ra vẻ biết ơn. Lạ thật, cái giống này cũng khôn chi lạ!

Tôi nghe chỉ mà nghe. Quả thật, tôi chẳng có cái thú nuôi cá cảnh. Vả lại, thời gian đối với tôi, ngoài chuyện đi dạy ở trường, về nhà, tôi còn phải bươn chải, kiếm tiền lo cho con, cho vợ. Hết đi kèm ở Liên Chiêu, đến Ngũ Hành Sơn, hết Hải Châu tới Cẩm Lệ. Tôi tất bật, nên đâu còn thời gian thưởng thức thú vui cá cảnh. Mặt khác, tôi thú thật là tôi chẳng có tí kinh nghiệm gì về việc nuôi cá cảnh; không có kinh nghiệm thì dễ gì nuôi! Cá cảnh đắt giá lên tới 5, 7 triệu một con, chứ đâu có phải củ sắn luộc đâu. Bằng cả tháng lương của tôi, chứ chẳng chơi đâu. Chưa hết, ngoài chuyện lo cho cá ăn, làm vệ sinh hồ, gắn ống ôxy, lọc nước, còn biết bao công đoạn phức tạp. Mà những việc ấy đối với tôi như là cực hình vì thời gian đâu nhàn nhỡ.

Nhìn con la hán đang bơi, ra bộ biết ơn khi được ăn những miếng thịt bò, tôi nghĩ lời của cậu em vợ có cái đúng. Rồi cậu em tôi khoe với tôi là từ khi có con la hán này, gia đình cậu vui lắm. Trước đây, vợ của cậu không thích hát, dù cô ấy dạy nhạc ở một trường tiểu học. Phụ huynh than phiền, học sinh thấy chán môn nhạc, hiệu trưởng phê bình..., nhưng cô ấy chẳng tỏ vẻ đam mê âm nhạc. Thế nhưng, từ ngày có con la hán, vợ cậu ta bắt đầu hát hò. Lạ lắm, giọng cô ấy càng ngày càng hay ra. Khi nấu ăn, cô ấy cũng vui vẻ hát, có lúc vừa ăn vừa hát. Đặc biệt, khi làm vệ sinh, cô ấy cũng cất tiếng hát khe khẽ. Luôn miệng hát. Cô ấy hát vui theo mùa. Vui ra phết. Mùa nào có bài hát ấy, đúng đề tài. Dần dần, cô đi hát thêm trong các lễ cưới. Thu nhập cũng tăng dần lên. Đời sống ngày càng khấm khá. Rồi đúng một cái, cậu em tôi hí hửng khoe với tôi rằng cậu ta được lãnh đạo cất nhắc lên làm trưởng phòng.

Công việc cậu em tôi cũng chẳng khó gì. Là trưởng phòng, suốt ngày chỉ đi họp. Mọi việc có cấp dưới phụ trách từng bộ phận lo. Cậu ta chỉ có việc đọc lướt công văn, tài liệu, còn thì chỉ có kí các giấy tờ. Hàng tuần công văn cao hàng tấc. Lỡ hôm nào văn thư ồm, cậu cũng chẳng biết hết nội dung các công văn đi, đến được. Nhưng, cậu em tôi cho rằng chẳng có gì mệt óc cả. Nếu có mệt là chẳng biết mình phải làm gì trước, làm gì sau. Công việc lúc thì thấy trọng tâm, lúc thì then chốt, lúc thì cốt lõi, lúc thì cơ bản... Đủ thứ quan trọng! Lúc thì thi đua phong trào này, phong trào nọ. Công việc nói thế cũng có lúc làm cho con người mệt mỏi. Có khi, cậu em tôi than: “ Em cứ tưởng làm trưởng phòng là phải có kế hoạch đột phá để công việc tiến triển. Ai ngờ công việc cứ phải làm theo sự chỉ đạo của cấp trên. Nếu vậy, thì ai làm trưởng phòng cũng được. Không biết em có hồ đồ không?”.

Tôi cười trừ. Ngẫm lời nói của cậu ấy cũng có cái đúng. Không mợ chợ cũng đông kia mà. Kể cả tôi ở cõi đời này. Hồi còn trẻ, khi bước vào nghề dạy học, tôi nghĩ mình ghê gớm lắm. Chữ nghĩa như thấm vào da thịt, toát ra ngoài. Có thời, chữ nghĩa làm xơ xác mướt thân xác tôi. Nhìn là biết tôi đam mê nghề dạy học đến cỡ nào. Này nhé, chiếc xe đạp cà rịch cà tàng, lốp phải bó, may lại triền, như thế mới là người chuyên chở chữ nghĩa đầy tính giai cấp tiên tiến. Chưa hết, là nhà giáo phải thanh bần, nghĩa là sống khổ sở mà vẫn lạc quan, ra vẻ trí thức của thời đại. Không thanh bần cũng không được. Nhà giáo chúng tôi, một thời, cùng nhóm với nhà văn, nhà thơ, nhà báo và... nhà nghèo.

Cuộc đời mãi là chuỗi thời gian của công việc. Và tôi mãi là thầy giáo dạy Trung học cơ sở. Bạn tôi, có đứa phấn đấu làm hiệu trưởng, có đứa bỏ nghề, hoặc chuyển ngành nghề, kiếm việc làm có thu nhập khá hơn nghề dạy học. Mấy đứa rời khỏi nghề dạy khỏi phải nói. Chúng dóc tướng lắm. Những lần gặp mặt nhau, chúng thường chép miệng như thể thông cảm cho tôi phải chịu kiếp làm anh giáo “quèn”. Nhiều lúc tôi thấy rõ chúng thương hại tôi. Thôi, kệ chúng! Còn những thằng bạn làm hiệu trưởng, mỗi lần gặp nhau cũng có chút thông cảm cho nhau. Bởi cùng ngành nghề mà. Chúng tôi hiểu rõ nỗi khổ của nhau trong nghề. Trực tiếp giảng dạy có cái cực của giảng dạy. Làm hiệu trưởng có cái cực của hiệu trưởng. Chúng tôi đều cảm nhận được cuộc họp nào ở các trường cũng từng ấy thứ việc. Một mớ công văn phải phổ biến cho giáo viên. Không thể không phổ biến. Còn phải ghi vào biên bản để làm chứng cứ khi có sự cố, hoặc ở trên về kiểm tra, đánh giá, xếp loại... Nào là phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, thi học sinh giỏi, hội khỏe Phù Đổng, phòng chống thuốc lá, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống tệ nạn xã hội, giữ vệ sinh môi trường, thực hiện việc tiết kiệm điện,

tiết kiệm nước, thi vẽ tranh về thành phố thân yêu, thi viết thư UPU, thi giải toán trên mạng, thi soạn bài giảng E-learning... luôn thúc giục chúng tôi. Rất nhiều thứ. Có những thứ không đầu vào đầu. Biết không liên quan đến chất lượng dạy và học mà vẫn phải làm, phải thực hiện. Không làm thì bị cấp trên phê bình dù cấp trên biết việc đó là không cần thiết.

Tiếng cậu em làm tôi thức tỉnh:

- Nè! Anh xem chữ trên mình con la hán đẹp không? - Vừa nói cậu ta vừa chỉ con cá đang lượn nhẹ trong hồ. Không đợi tôi trả lời, cậu ta hỏi tiếp – Theo anh, đây là những chữ gì?

Tôi nhìn kĩ con cá. Đèn điện chiếu sáng, nước đang được lọc. Con cá ung dung đớp những lát thịt bò. Trên thân nó hiện lên dòng chữ. Mỗi bên có bốn chữ thì phải. Chữ ẩn hiện như thư pháp. Lúc tôi thấy như chữ Quốc ngữ, lúc như chữ Hán, lúc thì như chữ Ả-rập. Tôi vẫn không thể hiểu đó là những chữ gì. Gọi là chữ Hán cũng không phải vì không lẽ mình là người Việt lại sính chữ Hán nên cho nó là chữ Hán. Không lẽ cái tư tưởng lệ thuộc văn hóa Tàu vẫn còn trong đầu óc của tôi. Nhiều lần tôi thầm nghĩ cứ sao một số người chẳng biết một tí gì về chữ Hán, lại treo trong nhà một số chữ Hán như ra vẻ quân tử? Cứ sao một số đền, chùa, đình, miếu mới xây dựng, hoặc tu sửa lại vẫn để câu đối viết bằng chữ Hán? Sao không là chữ Quốc ngữ để ai cũng có thể đọc được, ai cũng có thể biết được?

Bỗng có tiếng điện thoại reo. Cậu em tôi xin lỗi tôi. Cậu nghe máy. Tôi nghe tiếng cậu nó. “Được!... Nếu được giá thì tôi để cho anh. Hẹn mai gặp lại”. Khi tắt điện xong, cậu ta khoe với tôi: “Có một đại gia muốn mua con la hán này để lấy hên. Mai họ đến xem”...

Bằng đi một thời gian, một buổi sáng chủ nhật, tôi vừa ngủ dậy, có tin nhắn. Tôi vội mở. Cậu em nhắn tin mời tôi uống

cà phê. Vệ sinh, mặc áo quần xong, tôi đến chỗ hẹn. Đến nơi, tôi thấy cậu em tôi ngồi cùng bốn người khác. Sau khi bắt tay các vị khách, tôi được cậu em giới thiệu họ là những người có máu đam mê cá cảnh, đang săn lùng cá lạ. Cái một chơi cá cảnh hiện nay thật là lạ. Cá cảnh cũng có thời. Mỗi thời, mỗi khác. Lúc thì cá rồng, lúc thì cá đĩa, lúc thì cá mập... Tôi ngồi nghe họ bàn chuyện cá cảnh. Ngẫm lại mình sao “lạc hậu” thế không biết. Không có cái thú nuôi cá cảnh thì quả là chẳng sành điệu, chẳng sang trọng trong thời buổi hiện nay. Nhà cửa cao ráo rồi, đẹp sang rồi thì phải có hồ cá trong nhà cho hợp phong thủy. Có thể mới đúng điệu của kẻ có của. Mà có của, giàu có, ai không kính nể. Khỏi kẻ gặp thời, tiền vào tiền ra, trở nên giàu có, người ngoài nhìn vào muốn lé cả mắt. Tôi như lạc lõng giữa những người cùng bàn.

Chuyện qua chuyện lại cũng là chuyện cá. Rồi chia tay. Cậu em tôi rủ tôi về nhà cậu. Cũng lâu hơn cả tháng thì phải, tôi chưa ghé nhà cậu, nên nhận lời. Tôi điện về nhà cho vợ biết là tôi ghé nhà cậu, tiện thể thăm ba mẹ vợ, chẳng là nhà em vợ tôi sát bên nhà ba mẹ vợ.

Đến nhà cậu em vợ, tôi vừa dựng xe vừa nói: “Chắc cậu mi khoe cá với anh?”.

Cậu em tôi cười hề hề: “Anh biết cả rồi mà còn hỏi”. Rồi cậu ta dẫn tôi đến hồ cá. Cậu khoe: “Anh thấy con la hán đẹp không?”

Tôi hỏi lại: “Mới mua con khác hả?”.

Cậu em vợ tôi chép miệng: “Đâu có mua bán gì. Vẫn con cũ. Lần trước, tưởng bán được, ai dè họ trả bèo quá. Với lại, khi họ đến xem cá, xem đi xem lại, cuối cùng lại nói thích nuôi cá mập chứ không phải là la hán. Thôi, đành chịu vậy”.

Tôi an ủi: “Cậu mi chịu thế là được đấy. Nuôi con chi cũng có duyên với mình thì mới nuôi được. Nó không muốn xa mình thì bán sao cho đành”.

Nghe tôi nói thế, cậu em tôi tiếp lời: “Mà con này cũng lạ lắm anh à. Nghe nói bán, nó không chịu ăn. Hai, ba ngày sau nó mới chịu ăn lại. Nghĩ cũng tội”.

Vừa nghe cậu em phân trần, tôi vừa nhìn con la hán. Nhìn kĩ nó, tôi thấy hiện lên những dòng chữ thật đẹp. Cả hai bên mình cá đều có chữ. Tôi loáng thoáng thấy những chữ. Lúc là chữ này, lúc là chữ nọ. Tôi không dám khẳng định đó là những chữ gì. Cậu em tôi chỉ vào mình cá, nói:

- Anh có thấy chữ trên mình nó không?

- Ừ, có thấy.

- Hồi mới nhìn những chữ ấy, em hoa cả mắt. Em thấy như những chữ trong công văn, giấy tờ ở cơ quan. Nhưng rồi dần dần cũng quen. Và từ đó, đối với em con la hán mang trên mình nó những chữ thật là ý nghĩa. Anh thấy bên này có bốn chữ “phúc lộc thọ toàn” không? Tuyệt quá phải không anh?

Tôi nhìn theo tay cậu em chỉ thấy loáng thoáng. Lúc con cá bơi ngược lại thì cậu em tôi nói đó là “tấn tài tấn lộc”. Tôi nhìn thấy loáng thoáng, có lẽ là “tấn tài tấn lộc”. Tôi nói:

- Cá có những chữ như thế chắc là cá quý, Xin chúc mừng!

Nói xong, tôi loáng thoáng thấy đâu đó những chữ, những chữ như làm nát đầu tôi. Những chữ la liệt trong giáo án của tôi. Rồi tôi thấy lúc thì “tù, bi, hi, xá”, lúc thì “công bằng, bác ái”, lúc thì “anh hùng, liệt sĩ”, lúc thì “vì nước, vì dân”...

Tôi chưa kịp định hình đó là những chữ gì, thì cậu em tôi tiếp lời:

- Từ ngày phát tín hiệu chữ nghĩa, con la hán chẳng ăn thứ gì cả. Lạ lắm anh à! Một buổi sáng, như lệ thường, em bỏ thịt bò vào cho nó ăn, nó bơi bơi lên đớp. Nhưng không hiểu sao, nó lại nhả ra. Em tưởng nó ón thịt bò, nên vớt ra và kiểm cá

con, tôm con cho nó. Nhưng nó chẳng thèm đụng đến tôm, cá. Em nghĩ nó có bệnh, lo muốn chết. Nhưng nó vẫn khỏe. Em tìm thức ăn cao cấp dành cho cá cảnh nhập từ Singapore, Nhật bản, nhưng nó cũng chẳng thèm để ý đến. Kể từ đó, nó không thèm ăn gì cả. Dù không ăn, nó vẫn cứ lớn. Đặc biệt, trên mình nó càng ngày càng đổi màu sắc. Mà thật là kì lạ. Mỗi người nhìn cá đều thấy chữ mỗi khác. Không ai giống ai cả.

Nghe cậu em kể vậy, tôi chỉ làm im. Biết nói gì cho phải...

Tin con cá la hán có những chữ đẹp trên thân mình lan truyền. Ai cũng đến xem. Từ ngày con cá trở mã, phát tín hiệu chữ nghĩa, cậu em tôi bận thêm. Ngoài công việc ở cơ quan, khi về nhà, cậu em tôi phải tiếp những vị khách hiếu kì. Cậu ta phấn khởi lắm vì ai ai cũng trầm trồ khen cậu có con cá có một không hai. Con cá quả là kì lạ. Ai cũng thấy niềm ao ước của mình hiện trên thân con cá. Nếu bạn là người buôn bán, dù buôn bán lớn hay nhỏ, nếu nhìn vào thân cá thì sẽ đọc được dòng chữ “buôn may, bán đắt” ở bên này, còn bên kia chắc là dòng chữ “phi thương bất phú”. Nếu bạn là cán bộ tốt thì chắc hiện lên những chữ “cần, kiệm, liêm, chính”, “chí công vô tư” trên thân cá. Nếu bạn là cán bộ xấu, những chữ “cướp đêm là giặc...”, “miệng quan tròn trể” sẽ hiện lên lấp lánh, nhưng người khác chẳng đọc được những chữ ấy vì bị khúc xạ ánh sáng. Nếu bạn là người có quan tâm đến thời cuộc, chắc các bạn sẽ đọc được những chữ “độc lập, tự do”, “dân chủ, cộng hòa”... Rất nhiều chữ để bạn tưởng tượng cho thỏa lòng ao ước của bạn...

Một hôm, gần sáng, nằm bên vợ, tôi chợt thức giấc bởi tiếng gọi của vợ: “Ba điện em hồi hôm, nói hôm nay là giỗ Nội. Trưa đi dạy về qua luôn nghe”. Tôi ôm vợ, nói yêu: “Biết rồi! Em về trước lo nấu nướng nghe”. Tôi trở mình, hôn trán vợ, rồi dậy.

Hôm ấy, tôi trông tiết 3. Tôi xuống thư viện đọc báo mạng. Tôi mở máy. Tìm trang tin đọc. Vẫn vụ Tiên Lãng. Đã có kết luận của Thủ tướng. Ai đúng, ai sai thì đã rõ. Trong tôi lóe lên dòng chữ trên mình cá la hán: “Hoa cải Tiên Lãng”, “Dân cày có ruộng”. Tôi chuyển qua tin khác. Lại tin Bộ ngoại giao lên án hành động Trung quốc xâm phạm chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Tôi như thấy dòng chữ “Hoàng Sa, Trường Sa”, “Tổ quốc Việt Nam”, rồi đến các chữ “Bản Giốc, Cà Mau”, “Con Lạch, Cháu Hồng”...

Hết giờ dạy, tôi bần thần. Về nhà ba mẹ vợ cũng kịp giờ. Ăn giỗ xong, tôi xin phép về sớm để chiều đi kèm thêm. Tôi chẳng trò chuyện gì được với cậu em.

Tối về, trong bữa ăn, thằng con tôi nói:

- Ba ơi, cậu phóng sinh con la hán rồi.

Tôi hỏi:

- Sao lại phóng sinh?

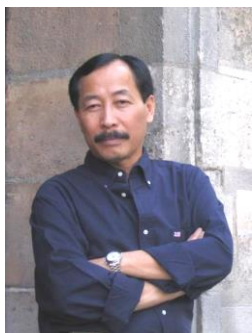
Thằng con tôi nói tiếp:

- Dạ, con nghe cậu nói con cá khôn quá, ai nghĩ gì thì trên mình nó hiện ra chữ ấy. Cậu sợ liên lụy chữ nghĩa, nên cậu phóng sinh để cầu an.

Nghe con tôi nói vậy, tôi giật mình. Chữ nghĩa ời! Có sống được không? Sao khổ thế không biết?

Phan Trang Hy

@ Thả một lời nói không tốt, không cần trọng: trong phút chốc bay đi. Nhưng để lại vô vàn gợn sóng lẫn lẫn xoay tròn, lan tỏa...Và không có cách nào lấy lại một khi bạn đã nói ra



PHẠM NGỌC
VẾT TÍCH

Paul Klee chia tay người tôi sẽ về đâu
không còn nhau con phố dài đến thế
phố vẫn đông bỗng thấy mình đơn lẻ
đầy những nụ cười mà ray rứt con đau

Chia tay người tôi biết sẽ mưa mau
mưa che khuất những ngày xưa đầy nắng
khi tất cả đắm chìm trong im lặng
quanh quẩn một mình cùng nỗi nhớ khôn nguôi

Chia tay người tôi đứng gọi tên tôi
giữa khoảng trống có tiếng buồn vọng lại
giữa đất trời bỗng thấy mình thừa thãi
một nửa đời còn mắc nợ với cô đơn

Chia tay người tất cả sẽ khói sương
sẽ tan biến trên giòng sông kỷ niệm
dấu vào đâu những yêu thương thê hện
khi nỗi buồn là vết tích buổi chia tay...



MINH TÂM ĐỖ
MONG CHA

Mòn mỗi phương này con vẫn trông
Phương xa Cha có nhớ con không?
Có từng mong ước ngày tao ngộ
Nnhư Mẹ cùng con vẫn ước mong

Ngày tháng đợi chờ nối tiếp nhau
Bao nhiêu năm đó đã qua sao!
Tóc Mẹ bạc màu theo năm tháng
Ngàn ấy năm trường...con lớn khôn

Mơ ước một lần trông thấy Cha
Phải đâu mơ ước quá cao xa
Đại dương cách biệt tình phụ tử
Cha vẫn trông con... có đâu xa

Cha hỏi Cha ơi Cha biết không?
Sông thương bến nhớ đã ngập lòng
Biết nói thế nào cho Cha hiểu
Tắc lòng con trẻ...ví như sông!



VỊNH THANH

VƯƠNG THÚY KIỀU NÀNG LÀ AI?

TRÂM ANH HƯ ẢO HAY KIỀU NỮ ĐA TÀI?

Thường thức âm giai thi thơ hình như tùy thuộc hoàn toàn vào cảm xúc (phản ứng tâm sinh lý và tình cảm) cá nhân. Nhiều độc giả có thể thường lăm bặt bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, bất cứ trong tình cảnh nào. Tôi thì chỉ thích đọc thơ khi cảm thấy hoàn toàn thanh thản để có thể tận hưởng được trọn vị ngọt ngào hay chất cay đắng quán luyến giữa các vần thơ.

“Đêm khuya gió lọt song đào.

Một vành trăng khuyết, ba sao giữa trời”

Đoạn Trường Tân Thanh (ĐTTT)

Nếu không thanh thản để ngẫm nghĩ về ẩn ý thì câu thơ này có thể chỉ được hiểu là cảnh tả trăng sao thanh tú thơ mộng về đêm hay hơn nữa là sự tương tư của nàng Kiều. Nhưng chỉ như vậy thôi thì thật là uổng công hạ bút kết từ đan chữ bằng thơ một cách kỳ diệu của cụ Nguyễn Du để minh họa tài tình chữ Tâm 心 trong câu “Một vành trăng khuyết, ba sao giữa trời.”

Phải chăng Vương Thúy Kiều nhớ về chàng nho sinh tên Thúc Thủ tự là Kỳ Tâm (thường được viết là Thúc Sinh)? Lý luận này có phần đúng vì nếu đi ngược dòng thơ về lúc chia tay, Thúc Kỳ Tâm và Vương Thúy Kiều mỗi người giữ một nửa vành trăng thương nhớ.

“Người về chiếc bóng năm canh,

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.” (ĐTTT)

Nhưng có thật nàng Kiều nhớ thương mối tình với Thúc Thủ hay không? Theo cảm tưởng của tôi, Thúc Thủ chỉ “một tỉnh mười mê .. miệt mài trong cuộc truy hoan” chứ không thật sự yêu thương Thúy Kiều. Thúc Thủ chỉ đắm đuối với tấm thân ngọc của Kiều, và trong Đoạn Trường Tân Thanh hình

Trâm Hương 105

như chỉ có Thúc Thủ mới bày tỏ cách nhìn đầy vẽ phong lưu về Thúy Kiều “Rõ màu trong ngọc trắng ngà! Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.”

Nhưng đam mê nhục dục không là phải tình yêu chân thật và vì không thật sự yêu cho nên Thúc Kỳ Tâm không đủ can đảm làm đàn ông đúng nghĩa để che chở cho Thúy Kiều trong cái xã hội chồng chúa vợ tôi. Do đó theo thiên ý của tôi, cụ Nguyễn Du vốn nghĩ “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài” đã minh triết là Vương Thúy Kiều nhớ đến cái tâm lạ thường (Kỳ Tâm) của Thúc Thủ đã cứu nàng ra khỏi chốn lầu xanh chứ không phải cái tình của một gã phong lưu.

“Đoạn trường Tân Thanh” của cụ Nguyễn Du (1765-1820) được một số học giả tán thưởng là tác phẩm độc nhất vô nhị trong nền văn học Việt Nam “.. trước truyện Kiều không có sách gì hay bằng truyện Kiều, mà sau truyện Kiều cũng không có sách gì hay hơn truyện Kiều nữa..” (mặc dầu Kim Vân Kiều truyện không có giá trị văn chương quan trọng tại quê quán Trung quốc). Rất nhiều học giả thâm thúy cũng như bình luận gia tài tử đã phân tích chuyện Kiều từ quan điểm văn hóa, xã hội đến tôn giáo, tâm lý và cả môi trường thiên nhiên như bài Các Hệ Sinh Thái trong Truyện Kiều của Thái Công Tụng đăng trong Tạp Chí Ngọn-Đuốc số Xuân Ất Mùi 2015 do ông bạn tri âm lâu đời của tôi, Giáo sư Thiên Phúc Vũ Tiến Phúc ở Montreal gởi tặng. Ngay cả trên bình diện chính trị cũng thấy Đoạn Trường Tân Thanh bị trù ỷ cải tạo, Vũ Quốc Thúc đặt vấn đề về chiến lược trí thức vận trong bài “Vương Thúy Kiều: một lợi khí dân vận của Triều Nguyễn?” trong khi Xuân Diệu đem chủ nghĩa Mác-Lênin bắt nàng Kiều phải viết “bản cáo trạng xã hội.”

Truyện Kiều có tên là Đoạn trường Tân Thanh

(斷腸新聲). Chỉ riêng cái tên của truyện Kiều riêng thôi cũng có nhiều tranh cãi. Có tác giả lý luận là hai chữ “tân thanh” liên hệ đến nhạc phủ xưa của Trung quốc để ghép nghĩa thơ, nhạc (Tạp chí Văn Học số tháng 3/1999); có

người dịch là Tiếng kêu đứt ruột mới lại có vị diễn là Tiếng kêu mới đứt ruột cho đúng ngữ pháp tiếng Hán. Cũng có nhà biên hóa theo nghĩa âm nhạc thành Khúc nhạc mới nào lòng nghe cũng thật hay.

Đoạn Trường Tân Thanh dần dần trở thành tác phẩm thu hút nhiều sự chú ý trong dòng sông văn chương Việt Nam. Các học giả uyên thâm như Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh đã nâng Đoạn Trường Tân Thanh thành một tuyệt phẩm “.. trước truyện Kiều không có sách gì hay bằng truyện Kiều, mà sau truyện Kiều cũng không có sách gì hay hơn truyện Kiều nữa..” (Phạm Quỳnh, Nam Phong tạp chí) hay “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn” (Phạm Quỳnh, 8-12-1924).

Có người khen Đoạn Trường Tân Thanh thì cũng có người phê phán. Cụ Nguyễn Công Trứ gay gắt lên án Kiều: “Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa, Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm!” Cùng lúc Phạm Quỳnh ca ngợi Đoạn Trường Tân Thanh thì cụ nghệ Ngô Đức Kế nghĩ việc tân bốc này nguy hiểm cho vận nước bởi vì có hại cho thuần phong mỹ tục: “Vả dù sự tích ấy mà có thiệt đi nữa, thì một đời thiếu niên nam nữ, đêm thanh người vắng, trèo tường trở ngõ, ước hội chuyện trò với nhau, đối với phong hóa đạo đức đã là việc bất chính; mở đầu quyền sách như thế, dù sau có tô vẽ hiếu nghĩa gì đâu nữa cũng không đủ làm gương tốt cho đời” (9-1924).

Cụ Huỳnh Thúc Kháng trong hai bài báo về Chánh học và tà thuyết (Tiếng dân, 9,10/1930) cũng phản đối phong trào sùng bái Đoạn Trường Tân Thanh vì có người cho Truyện Kiều là “quốc hồn, quốc túy, là Thánh kinh, hiền truyện..” “Tôi bác Kiều là bác những kẻ tán dương điều tà, điều bất chính kia, chứ bản thân nó thế nào mặc kệ nó.. Tôi bác Truyện Kiều là bác sự tán dương những điều bất chính.” Theo cụ Phan Khôi, ảnh hưởng của hai bài báo này đối với dư luận thời đó là “Nhất ngôn cư yếu” vô cùng sâu rộng khiến cụ Phạm Quỳnh “Đã có ý tự hỏi mà không còn có

cái giọng hăng hái như trước, đủ rõ mãnh lực bài Chánh học có ảnh hưởng đến mức nào.”

Đoạn Trường Tân Thanh dẫu sao cũng đã len lỏi vào các sinh hoạt văn hóa và phát triển sâu rộng từ ngâm Kiều qua vịnh Kiều, đồ Kiều, lấy Kiều, bói Kiều, tập Kiều, v.v. Không chỉ thường dân mà một số sĩ phu cũng như vua Minh Mạng, Tự Đức rất say mê truyện Kiều. Trong lúc Pháp đoạt xong 6 tỉnh Nam phần qua hòa ước 1863 và dự tính xâm lăng Bắc Việt để tìm thương đạo vào Trung quốc, vua Tự Đức “thích kim đài các thừa nhàn hạ” (nay nhân rồi việc triều đường) chính tay biên soạn “Ly ba chích thảo phân đề vịnh” (sửa sang chép lại) truyện Kiều và còn viết tới 20 bài thơ chữ Hán ca tụng Kiều. Nước mất là chuyện khó tránh!

Hay dở tốt xấu thế nào từ thể loại, ý tứ, cách cấu tạo câu, v.v., thì Đoạn Trường Tân Thanh vẫn là một thi phẩm văn hóa đặc sắc của Việt Nam không thể chối bỏ. Hãy để các đại thi hào, các nhà bình phẩm văn chương, các vị thâm cứu thi sử tiếp tục thẩm định giá trị của Đoạn Trường Tân Thanh. Tôi chỉ xin mời bạn cùng tôi lạc lối đi tìm hình bóng của nàng Vương Thúy Kiều, một mỹ nhân nổi tiếng trong câu chuyện đa tình đa cảm của cụ Nguyễn Du, để biết Vương Thúy Kiều có phải là nhân vật thật trong lịch sử hay chỉ là một trăm anh hư ảo được thế giới văn chương dàn dựng.

Qua các bài viết về Kiều, độc giả nhận thấy lập luận là cụ Nguyễn Du tác họa Đoạn trường Tân Thanh dựa trên tiểu thuyết Kim Vân Kiều Truyện (金云翹传) là câu chuyện của 3 nhân vật chính Kim (Kim Trọng) Vân (Thúy Vân) Kiều (Thúy Kiều) do Thanh Tâm Tài Nhân sáng tác ở Trung quốc. Học giả Phạm Quỳnh quả quyết: “Nguyên bộ tiểu thuyết Tàu mà cụ phỏng theo để đặt ra truyện Kiều đề là “Thanh Tâm tài nhân lục,” không biết rõ tác giả là ai, soạn vào đời nào, nhưng truyện với lời văn cũng tầm thường, ngoài mấy bài từ điệu có vẻ thanh tao lưu loát, không có đặc sắc gì..”

Kim Vân Kiều truyện bên Trung quốc chỉ là một tiểu thuyết truyền kỳ còn được biết đến với các tác danh như Song kì mộng (双奇梦), Song hợp hoan (双合欢) và đâu phải chỉ có một mình Thanh Tâm Tài Nhân viết về nàng Vương Thúy Kiều. Đi ngược dòng thời gian lịch sử thì thấy Chu Tiệp đã tả Vương Thúy Kiều trong tác phẩm Hồ Thiếu Bảo bình Oa chiến công. Hồ Khoáng cũng sáng tác văn phẩm Vương Thúy Kiều truyện. Đời Sĩ Lâm thì đổi thành Lý Thúy Kiều truyện. Mỗi tác giả kế tiếp viết Truyện Kiều càng thêm dè và đưa thêm vào nhiều nhân vật hư cấu với diễn biến tình khúc đa dạng hơn.

Khi Dư Hoài viết Vương Thúy Kiều truyện và Mộng Giác Đạo Nhân với Sinh báo Hoa Ngạc ân, tử tạ Từ Hải nghĩa, nàng Kiều lột xác từ kiếp cầm ca kĩ viện tầm thường để trở thành một kiều nữ với nhiều phẩm hạnh đôi khi còn cao hơn cả bậc trượng phu. Theo thiển ý của tôi, điểm này chính là một ý tưởng cách mạng đặc sắc trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ mà hình như không có nhà nghiên cứu Kiều nào lưu ý đến (ngay cả Xuân Diệu vẫn mù tịt về khía cạnh này mặc dù đã hung hãn dùng ý thức hệ cộng sản để bắt nàng Kiều viết “bản cáo trạng xã hội .. đổ lên đầu tất cả những xã hội bóc lột áp bức, và tuyên bố: chúng ta là kẻ tử thù của những xã hội ấy” [1965]).

Nhân vật Vương Thúy Kiều của thế giới tiểu thuyết từ một cô gái tầm thường trong xã hội phong kiến xa xưa được thần tượng hóa dần dần thành một kiều nữ có nhiều nghĩa khí, trung tiết xứng đáng làm gương cho thiên hạ. Theo các truyện kể trên thì Vương Thúy Kiều thuở nhỏ bị bán vào kĩ viện. Cô được chuộc ra và sau được La Long Văn tặng cho tướng cướp Từ Hải. Triều đình đem vàng bạc đút lót cho Kiều để nàng khuyên Từ Hải ra hàng. Nhưng các câu chuyện kể trên kết thúc lúc Kiều trầm mình tự tử sau khi Từ Hải bị mưu hại. Phải đợi tới nhiều năm sau này Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân mới có đoạn đoàn tụ

theo thuyết định mệnh tương tự như trong Đoạn trường Tân Thanh của cụ Nguyễn Du.

Giang Nam có một kỳ thoại khác mô tả Vương Thúy Kiều là kỹ nữ ở Hoa Nam bị hải tặc Nhật Oa khấu bắt. Oa khấu liên kết với tướng cướp biển người Hán tên Từ Hải và Kiều trở thành phu nhân của tên này. Từ Hải cùng Oa khấu đem quân tấn công Chiết Giang. Triều đình dụ hàng rồi giết Từ Hải. Kiều trầm mình tự tử. Kỳ thoại này lan rộng đến cả Nhật Bản và Đại Hàn biến thành giai thoại “tiểu kỹ phục Oa khấu.”

Vài tác giả đã dựa vào tiểu tiết truyền kỳ và tiểu thuyết hư cấu để mô tả “Vương Thúy Kiều (tiếng Trung: 王翠翹, ?-1556), người Lâm Truy, Sơn Đông (nay là Lâm Truy, Truy Bắc, Sơn Đông). Do phải trả nợ cho cha mẹ nên Kiều phải vào kỹ viện tại Lâm Truy, là danh kỹ Tần Hoài, sau gặp Từ Hải, khi đó là một tướng cướp trên biển, và trở thành vợ của ông này. Sau này nghe lời Hồ Tông Hiến khuyên Từ Hải quy hàng nhà Minh vào năm 1556. Sau khi quy hàng, Từ Hải bị Trần Đông bức bách, phải nhảy xuống nước tự tử. Vương Thúy Kiều bị quan binh nhà Minh giải về, đến sông Tiền Đường đã nhảy xuống nước tự tử.” Rất tiếc là những tài liệu này không đặt căn bản trên sử liệu mà chỉ dựa trên tình tiết tiểu thuyết do đó thân thể Vương Thúy Kiều được trình bày mang tính giả tưởng hơn là sử ký.

Tình tiết truyền kỳ hay hư cấu không phải là sử liệu cho nên không thể tạo nền tảng cho sử luận. Tuy vậy giai thoại đa dạng hay truyền thuyết phổ cập có thể chứa đựng một số sự kiện mà nhờ vào đó chúng ta dần dần lần mò ra manh mối. Truyện Kiều ngoài tình tiết đa dạng ly kỳ còn có bàn đến một sự kiện chính trị tầm vóc đó là cuộc nổi loạn của Từ Hải vốn đã khiến triều đình Trung quốc lao đao tìm cách mua chuộc tiêu diệt. Đi tìm hình bóng của nàng Vương Thúy Kiều thì phải nghiên cứu chính sử để biết vụ nổi loạn của Từ Hải là sự kiện trong quá khứ hay chỉ là tình tiết tưởng tượng trong tiểu thuyết.

Từ Hải không phải là nhân vật hư cấu. Sách sử của nhà Minh có ghi chép về một thủ lĩnh hải tặc tên Từ Hải với hơn 10000 lâu la có sào nguyệt ở Sạ Phố. Quân Từ Hải thế lực lớn đã tấn công cướp bóc các vùng Tô Châu, Hồ Châu. Theo sử kiện thuật lại trong Trù Hải Đồ, thế quân của Từ Hải hùng mạnh đe dọa cả Kim Lăng khiến quân triều đình phải giả hòa để mua chuộc dụ hàng. Sau đó lợi dụng lúc Từ Hải thiếu phòng bị, Tổng Đốc Hồ Tôn Hiến đã dùng hỏa công thôn tính hải tặc. Từ Hải không ra đầu hàng và đã tự kết liễu bằng cách nhảy xuống sông trầm mình.

Như vậy Từ Hải nếu không phải là một anh hùng theo định nghĩa của chính sử thì cũng là một trang hảo hán lưu danh trong Minh sử mặc dầu rất là khiêm tốn. Từ Hải hiện diện trong lịch sử với tư thế lãnh tụ thư hùng ngang ngửa với quân triều đình Trung quốc trên một dải đất rộng lớn thì có lẽ cạnh bên thế nào cũng có bóng dáng mỹ nữ. Mỹ nữ đó có phải là Vương Thúy Kiều hay không và nếu đúng thì nàng ằm hiện ở đâu trong quá khứ?

Vương Thúy Kiều là kiều nữ thông minh với sắc đẹp hoàn mỹ hoa ghen liễu hờn.

“Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Một, hai nghiêng nước nghiêng thành,

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

Thông minh vốn sẵn tư trời,

Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.”

Người đẹp nghiêng nước nghiêng thành Vương Thúy Kiều chắc hẳn là phải ở gần cạnh đáng anh hùng bởi vì “anh hùng nan quá mỹ nhân quan” (anh hùng khó qua ải mỹ nhân).

Nhưng Vương Thúy Kiều ở đâu và gần gũi anh hùng hảo hán nào? Trong Kỷ tiểu Từ Hải bản mạt (纪 剿徐海本末), khi tường thuật về cuộc chinh phạt quân Từ Hải, Phó sứ Mao Khôn ghi chép về chiến thắng của quân triều đình Trung quốc và may thay có đoạn viết sơ lược về nàng Vương Thúy

Kiều (Hồ Tôn Hiến - Trù Hải Đồ Biên, Cảnh Ấn Văn Uyên Các, Tứ Khố Toàn Thư, sách thứ 343. Đài Bắc, Đài Loan. Thương Vụ ấn thư quán, 1983).

Vào năm Bính Thìn (1556), hải tặc dưới trướng Từ Hải uy hiếp Kim Lăng nhưng được quân triều đình giả chiêu dụ hàng rồi tiêu diệt bằng hỏa lực. Quân Hồ Tôn Hiến bắt được hai ca kỹ tên Vương Thúy Kiều và Lục Châu. Hai nàng khóc lóc và khi được dò hỏi về Từ Hải thì chỉ chỗ tướng cướp đã trảm mình tự tử. Từ thi của Từ Hải được vớt lên và trảm thủ.

Bóng dáng Vương Thúy Kiều hiện rõ trong lịch sử và được Phó sứ Mao Khôn tả lại trong Kỷ tiểu Từ Hải. Nàng là ca kỹ “quốc sắc thiên hương, một cười này hảnh nghìn vàng chẳng ngoa” (ĐTTT) và đã trọn tình gắn gũi bên cạnh Từ Hải đến giờ phút chót cận kề tử thần. Ca kỹ ở Trung quốc cũng như kiều nữ Geisha ở Nhật không những có tài đàn hát, thi vũ mà còn là những mỹ nữ hầu hạ trò chuyện tuyệt vời cho nên thu hút sự đam mê mãnh liệt của hảo hán hào kiệt bởi vì anh hùng dễ sa lưới mỹ nhân.

Dựa trên sử liệu khả tín hiện nay, tôi không tin Vương Thúy Kiều là phu nhân của Từ Hải dựa trên hai lý do: (1) Sử thư chỉ ghi Vương Thúy Kiều cũng như nàng Lục Châu là hai kỹ nữ bị bắt sau khi quân hải tặc bại trận mà không tường thuật Kiều là phu nhân của Từ Hải vốn là một chi tiết quan trọng khó có thể bỏ qua, và (2) Phó sứ Mao Khôn ghi rõ trong Kỷ tiểu Từ Hải bản mật là Vương Thúy Kiều đã không trảm mình tự tử cùng Từ Hải theo tình nghĩa phu thê thủ tiết xa xưa.

Từ Hải vương vấn kiều nữ Geisha Thúy Kiều là chuyện thường tình nhưng Từ Hải có lẽ không bị bại quân vì nghe lời khuyên của Thúy Kiều hay kỹ nữ Lục Châu mà chỉ do sơ sót trong quân cơ, tính sai nước cờ để rơi vào trận chiêu hàn của địch mà không phòng thủ cẩn thận. Thất trận thì phải tìm lý do để ngụy biện và không có lý do nào dễ hơn cái tính ôm tửu mê sắc.

Đam mê tửu sắc là căn bệnh trầm kha của kẻ hữu đồng vô mưu. Là hảo hán nhưng không trí lược do đó Từ Hải đã đưa cả vạn quân từ thế thượng phong vào vòng bại vong chỉ vì một kế sách nhỏ nhặt của Hồ Tôn Hiến. Có lẽ cũng tương tự như nhân vật hư cấu Thúc Kỳ Tâm trong Đoạn Trường Tân Thanh, hảo hán Từ Hải của quá khứ chỉ biết đắm đuối với tấm thân ngà ngọc của Kiều “ Rõ màu trong ngọc trắng ngà! Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên” chứ không thương yêu gì Vương Thúy Kiều lẫn cô kỹ nữ Lục Châu.

Vương Thúy Kiều, kiều nữ đa tài trong lịch sử, có lẽ cũng nhận ra sự thật là đam mê nhục dục không là phải tình yêu chân thật và vì không phải là phu nhân của Từ Hải cho nên nàng đâu có dại gì mà tự tử theo Từ Hải. Trong bối cảnh không được trân trọng yêu quý thật sự mà chỉ được xem là ca kỹ mua vui thì tội gì mà Vương Thúy Kiều lẫn Lục Châu phải hủy mình vì kẻ hữu đồng vô mưu. Lão tử chẳng đã từng dạy: “Danh với thân mình, cái nào thân hơn? Thân mình với của cải, cái nào nhiều hơn? Được với mất cái nào hại hơn?” (“Danh dữ thân thực thân? Thân dữ hóa thực đa? Đắc dữ vong thực bệnh?” Đạo Đức Kinh, C.XLIV). Chỉ tội nghiệp cho thân phận kỹ nữ Vương Thúy Kiều đa tài nhưng bạc phước ở xứ Tàu và hương sắc phải lưu lạc xa xôi tận miền Nam đến xứ Việt mới được phục hồi giá trị nhân cách.

Cảm ơn kỹ nữ đa tài bạc phận Vương Thúy Kiều đã góp tạo cảm xúc sáng tác đặc sắc và cảm ơn cụ Nguyễn Du, danh nhân văn hóa, với Đoạn Trường Tân Thanh đã đưa độc giả về với thế giới thi ca vang vọng âm giai của một tình khúc đa sầu, đa cảm chứa đựng nhiều diễn biến ly kỳ khiến độc giả suy tư đắn đo về cõi đời bụi bặm trần ai:

*“Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.”*

Vịnh Thanh

Mùa Hoa Anh Đào 2015/ Tokyo Nhật Bản

Trầm Hương 113



NGUYỄN ĐỨC NHÂN

Thao thức

Trên đất khách tôi vẫn ngồi uống rượu
Vẫn thì thầm theo gió thổi hiu hiu
Vẫn lắng nghe từng cơn thôn thức
Nhớ thương thầm người con gái tôi yêu

Tình đã chết từ khi còn đi học
Lặng nhìn theo tà áo gió tung bay
Tà áo trắng ngày xưa không trở lại
Tôi ghen ngào trên nỗi nhớ khôn nguôi

Đời phẳng lặng như hồ thu vắng gió
Sao lòng tôi lại nổi phong ba
Mỗi tình đầu người nào cũng có
Chỉ mình tôi buồn khóc buổi chia xa

Em hơi em, giờ em ở đâu
Để mình tôi ngồi đếm lá thu sầu
Em có biết nơi nghìn trùng xa cách
Có một người thao thức suốt canh châu.



Trên đất khách tôi vẫn ngồi uống rượu
Vẫn thì thầm theo gió thổi hiu hiu
Vẫn lắng nghe từng cơn thôn thức
Nhớ thương thăm người con gái tôi yêu

Tình đã chết từ khi còn đi học
Lặng nhìn theo tà áo gió tung bay
Tà áo trắng ngày xưa không trở lại
Tôi ghen ngào trên nỗi nhớ khôn nguôi

Đời phẳng lặng như hồ thu vắng gió
Sao lòng tôi lại nổi phong ba
Mỗi tình đầu người nào cũng có
Chỉ mình tôi buồn khóc buổi chia xa

Em hỡi em, giờ em ở đâu
Để mình tôi ngồi đếm lá thu sầu
Em có biết nơi nghìn trùng xa cách
Có một người thao thức suốt canh thâu.

thao thức

nguyễn đức nhơn

Nỗi lòng em

Anh hỡi! bao giờ anh trở lại
Cùng em nói lại mối tình xưa
Anh có biết đã bao lần em khóc
Khóc âm thầm sau cánh rèm thưa

Anh bỏ đi như một áng mây
Trời ơi! Em sợ lỡ rồi đây
Em chôn nỗi nhớ trong lòng đất
Vĩnh viễn xa rời chuyện đấng cay

Em ở nơi nào anh biết không?
Trời ơi! Em lạnh quá mùa đông
Vòng tay ấm áp anh đâu nhỉ?
Ôm chặt dùm em một tấm lòng

Anh hỡi! Chắc anh không trở lại
Thôi đành khép kín cõi lòng em
Đêm nay nghe gió reo ngoài cửa
Đau quá trong lòng lúc nửa đêm



MẠC PHƯƠNG ĐÌNH
CỘC RƯỢU KHUYA

Quán khuya chợt mắt nhận nhau
bỗng dung kỷ niệm ngẩng đầu nổi vui
hai mươi năm, khoảng ngậm ngùi
bao nhiêu dốc khó đau đời lãng quên
chia từng bóng nhớ không tên
bước chân lấm lũi dẫm trên đỉnh sâu
tuổi xuân theo nước chân cầu
trôi qua mờ mịt giữa mầu nhân gian
tắc lòng đau với quan san
hận dòng nước đục ngõ ngang biển khơi
mộng xưa lấp biển vá trời
bọc thây da ngựa thác lời mẹ cha
mười năm trong cõi ta bà
nổi hờn nổi giận, xót xa nổi mình
bàn tay cầm giữ lênh đênh
nâng ly nốc cả gập ghềnh vào tâm
đáng cay chén rượu thẳng trầm
âm ba từng đợt sóng ngầm gọi nhau .



CAO THOẠI CHÂU

EM LÀ NGƯỜI

PHIÊN DỊCH CỦA ĐỜI TÔI

Chiều lên xanh những nốt dương cầm
Sóng sánh trong mắt người yêu dấu
Vời vợi xa hồn tôi không bến đậu
Chỉ thấy nặng lòng vời vợi nhớ thương em

Tôi đang nghe giữa cuộc đời buồn
Tiếng em thấm vào hồn tôi thơm thảo
Giai điệu ấy làm sao tôi hiểu
Khi không lời phiên dịch của riêng em

Đêm nằm nghe chớp bể mưa nguồn
Ánh chớp giạt mưa rừng bão biển
Lòng tôi đầy khi không nổi sóng
Giữa bốn bề đá dựng chênh vênh

Tôi đi chưa hết tháng năm buồn
Mưa và nắng ở hai đầu tí tắp
Tình em cho nồng nàn như nước mắt
Và ngậm ngùi day dứt nợ đời nhau

Đêm nằm nghe cơn gió qua cầu
Tôi mơ thấy mênh mông những nước
Tiếng róc rách không sao ngủ được
Khi thiếu lời phiên dịch của riêng em.



HOÀNG ĐỊNH NAM
NÓI VỚI EM SAU CON BÃO

Khi em về, cơn bão đã qua lâu
Cây đã lặng và mây trời đã tĩnh
Nước đã trở lại dòng sông cố định
Mà người nay đã tan tác nơi đâu

Em trở về hiểu được nghĩa biển dâu
Thì tâm hồn đã hằn sâu vết xước
Gió từ đâu mang dòng sông chảy ngược
Ngập hồn em, xám ngắt cả màu trời

Em đến đây từ đổ nát xa xôi
Từ chiến tranh, từ hận thù đen tối
Trưởng chìm sâu dưới tháng ngày qua vội
Em đâu ngờ thêm lần nữa tang thương

Đất nước này, em trải mộng mười phương
Giờ lại “đứng dưới một trời đổ nát”*
Dẫu cuộc đời có muôn ngàn bi đát
Có cần không, em nếm quá nhiều lần ?

Khi em về, đâu nữa những người thân
Nhà đổ sập, bên lòng em gò đống
Em ơi! biển vẫn xanh, sông vẫn rộng
Đường thênh thang cho lần nữa em đi

Triệu bàn tay dịu em thoát hiểm nguy
Cũng từ đó triệu làn hơi sưởi ấm
Truyền qua em từ những lòng rất đậm
Dù chẳng cùng ngôn ngữ, khác màu da

Có thể làm em chua chát, xót xa
Khi nhớ lại những gót chân cuồn bạo
Từ những kẻ cùng chung giòng máu
Đã bao lần vui đập tuổi thơ em

Tuổi thơ em cơn ác mộng từng đêm
Ngày nắng cháy trên đồng khô mót ,lượm
Khoai, cháo thay cơm còn chưa đầy bụng
Cá thịt bây giờ là cổ tích xa xưa

Cha tù đày, mẹ đội nắng dầm mưa
Nuôi con lớn theo ngược triền gian khổ
Chưa vào đời đã trùng trùng giông tố
Thối điên cuồng trên dốc ngược tương lai

Rồi... mười mấy năm vàng những nắng mai
Em ấm áp giữa muôn tình xa lạ
Dẫu hôm nay Katrina ,nỗi buồn nghiệt ngã
Cũng còn đây-Em-triệu tấm lòng son .

Hoàng Định Nam



PHẠM NGŨ YÊN

NHÌN LUI MỘT ĐỊNH MỆNH

1.

Mười tám năm tôi xa quê và ba mươi ba năm Vũng Tàu của tôi đã phai nhạt màu xanh. Muối của biển có còn mặn mà hay phai pha vì mỗi mùa giông bão? Ngọn hải đăng mỗi đêm có còn soi rọi những hướng đi về tương lai cho những chiếc tàu đã không còn tay lái? Nghe nói con đường chạy quanh Núi Lớn, Núi Nhỏ đã khang trang hơn vì nhu cầu du lịch, nhưng tấm lòng của người dân đang cạn hẹp và ngổn ngang những gai góc tình người.

Mẹ tôi không còn cách đây nhiều năm. Khi bà mất tôi không thể về. Có những lầm lỗi mà chúng ta có thể quên được, nhưng có những lầm lỗi không bao giờ san sẻ hay bị đồng hóa dù chúng ta biện minh bằng những lý do nào đi nữa. Suốt đời tôi sẽ hối hận vì điều này. Và mọi thành công sau này nếu tôi vươn tay tới được, sẽ nặng trĩu lòng thống hối. Nó sẽ làm lem luốt mọi mùi thơm và mọi vinh quang trên những vòng nguyệt quế.

Có biết bao nhiêu người Từ Mẫu đã hụt hơi đi bên cạnh bước chân thơ dại của con mình? Có biết bao nhiêu người Mẹ còn giữ cho đời một chút màu xanh hi vọng? Mẹ tôi là một trong những người Mẹ đó. Bà đã ươm trong hồn tôi, từ ngày thơ ấu những hơi thở tươi mát như gió biển. Bà không

đủ giàu để mua tặng tôi chiếc vé xe mộng ước để chạy đuổi theo những thành phố hào nhoáng vật chất. Nhưng bà đã đặt tôi trang trọng trên chỗ ngồi của lòng can đảm - để từ đó đi xuống đời bằng bước đi chân cứng đá mềm.

Trên đất nước tạm dung nơi đây có ngày lễ Mẹ. Người Mỹ thích cho thế giới thấy sự hiếu thảo của họ, dù chung quanh vùng Down Town có những căn nhà Nursing Home. Có bao nhiêu chiếc ghế xích đu đong đưa nôi cô đơn của những ông bà già, như đong đưa niềm hi vọng? Ở đó cũng còn có người trợ tá đút cơm cho những người không còn trí nhớ suốt ngày cười nói như một đứa trẻ, trong khi màn ảnh truyền hình chiếu đi chiếu lại những bộ phim tình yêu. Những quảng cáo thuốc tăng cường sinh lực. Mọi điều có vẻ như một mặt khác của đời sống. Nó trùng lặp, hỗn độn và đầy gai góc. Và chúng ta nhìn vào bức tranh đó, chúng ta sẽ thấy rõ tương lai của chúng ta ra sao.

Những đứa con của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ thích vinh danh những người Mẹ. Hãy để cho chúng có việc để làm và có một sự bận rộn để thương bên cạnh những căng thẳng nhà xe, cơm áo.

*“Có phải nơi kia là phố tôi sinh
Có sương sớm đọng trên đèn muôn
Đâu? Đâu có ngum đèn xanh
Rèm che nhòe cửa sổ*

Nín đi thôi. Nín đi thôi các đại lộ nhiều cây...” (Trần Dần)

Đêm mờ mang những cánh gió rượt theo vòng lẩn của bánh xe và con đom đóm bay dập dờ trong đám cỏ. Không lâu nữa con gái tôi sẽ trưởng thành. Nhưng chắc còn lâu nó mới hiểu tường tận về bà nội của nó nơi một góc phố mà ba nó sinh ra. Trong khi nền văn hóa tại đây không dạy cho nó cái cảm giác về sự ràng buộc mật thiết của tình mẫu tử. Nên nó sẽ đi vào đời với một đóa hồng rất hời hợt ngày

Mother's Day. Một lần tôi chỉ cho nó tấm hình chụp chung với bà Nội, lúc nó mới vừa bốn tuổi. Khi chúng tôi về thăm lại Đà Lạt. Bà Nội nó đội khăn mỏ quạ và trông có vẻ “quê mùa” dưới mắt nó. Nhưng với tôi, cuộc đời sẽ không lớn lao và văn minh được nếu không có những chiếc khăn mỏ quạ. Từ những vuông khăn đó, mồ hôi và nước mắt khổ đau đã được lau khô. Hạnh phúc và niềm vui cũng gói ghém trong đó. Chúng tôi, cùng khôn lớn theo màu thời gian phai mờ trên từng sợi vải và tương lai phồng căng trên đó như một cánh bướm.

Những chiếc khăn mỏ quạ che kín những vai đời, trong khi nắng gió làm già hóp mộng ước thời niên thiếu. Tôi lớn lên theo những mùi thơm ngào ngạt toát ra từ nỗi buồn, như hóa thân của thời gian. Chiếc khăn cũng vậy. Nó bạc màu theo tuổi già của Mẹ tôi. Nhưng sao tôi vẫn thấy nó chứa đựng bao điều mới mẻ.

2.

Gần tới mùa tựu trường. Gió thu hiu hắt những hồi tưởng. Khi tôi còn là học sinh trọ học bất đắc dĩ trên thành phố Sài Gòn. Vũng Tàu của tôi là một tỉnh nhỏ, khi học xong Trung Học đệ nhị cấp phải về thành phố để thi Tú Tài. Một người bạn cùng lớp đã rủ tôi lên nhà bà cô của anh để chuẩn bị ngày thi. Căn gác trọ nằm trên đường Nguyễn Cư Trinh. Căn nhà số 105 ngày đó là một nhà gỗ hai tầng. Phía dưới dùng làm kho chứa đồ. Tầng trên dùng làm sinh hoạt cho cả gia đình.

Đó là những năm của thập niên 60. Lúc đó bên xe đò lục tỉnh nằm hai bên đường Nguyễn Cư Trinh, chưa dời ra ngoài ô. Mỗi tháng thay đổi vị trí chỗ đậu xe một lần. Tháng trước xe về đậu bên này đường. Tháng sau về đậu phía bên kia. Sự huyền ảo, ồn ào chia đều cho hai bên và người dân hai khu phố quen thuộc với những hoạt cảnh mỗi ngày. Từ một buổi

sáng nào đó, trên căn gác trọ số 105, tôi nhìn xuống con đường và những đời xe tấp tễ, xuôi ngược, tôi thấy hết nhịp sống của Sài Gòn. Mọi loại xe đều hiện diện trong ngần ấy không gian chật chội, giữa những tiếng động nhức nhối. Tiếng kèn xe, tiếng máy nổ chờ lẩn bánh, tiếng rao hàng, tiếng cái cọ, tiếng đồ vật rơi đổ, tiếng một con chó gầm gừ do bị đánh bởi một bà bán hàng nóng tính, tiếng chọc ghẹo, tỏ tình sỗ sàng từ những người lơ xe bạt mạng giang hồ với các cô gái bán hàng. Xen lẫn giữa mùi thơm của cà phê, của hủ tiếu và hơi thuốc lá là mùi cống rãnh nghẹt ứ, mùi rác rến tùy tiện.

Cái nhịp đời đó không bao giờ nằm im trong trí nhớ tôi. Nó vẫn sừng sững dù nhiều năm bề dẫu biến động. Vì nó đánh dấu một mối tình mới lớn. Người con gái của hơn bốn chục năm về trước mà tôi từng yêu khi về sống tại Sài Gòn. Căn gác ván cũ kỹ, (sau này được xây ba tầng gạch, nhưng vẫn chật chội bề ngang) mỗi đêm tôi về nghe lại tiếng cười và tiếng nói chuyện của những cô gái con bà chủ nhà người Bắc. Nhà không có đàn ông. Những bữa cơm tối muộn màng vì mọi người bận bán hàng ở chợ Thái Bình, tôi đói bụng lên xuống đường kiếm món gì ăn đỡ dạ. Tôi biết buồn và biết đau khổ từ những ngày đó. Và cũng biết thêm những thôi thúc giang hồ theo tiếng kèn xe. Nơi căn gác còn có thêm một bà cô mù suốt ngày ngồi một mình, nghe tiếng bước chân chúng tôi lên gác mà mừng rỡ. Tôi biết bà thương tôi và kỳ vọng ở tôi một chàng cháu rể không cứng đầu. Những con mèo tam thể eo lá nằm quán quít cạnh bà trong khi tôi lắng nghe bà kể lể chuyện đời. Đôi lúc câu chuyện của bà bị ngắt quãng vì tiếng cãi lộn bên dưới. Những tiếng chửi thề và nhiếc móc đay nghiến nhau của những đôi vợ chồng vọng lên căn gác, như những vết cắt đau điếng làm cho đời sống

thêm sân sượng, gai góc. Cái góc phòng chật hẹp và bề bộn những tiếng động đó nhưng đại diện cho một Sài Gòn lớn lao.

Bây giờ, một vài người nơi căn nhà 105 đó vẫn còn. Những người lớn thì đã mất vì thời gian -trong đó có bà cô chủ nhà và bà cô mù. Một trong ba người con gái nơi căn gác đó vẫn không chịu có chồng và sống thui thủi một mình bên những ngày tháng rời rạc khổ đau nhưng thiếu vắng hơi thở hạnh phúc. Tôi chắc như vậy vì sau một cuộc đời mọi đời sống đều như vậy. Tôi không biết trong tâm hồn người con gái lớn thì đó có bao nhiêu hình ảnh của tôi, có bao nhiêu khoảng trống cho một kẻ giang hồ như tôi cư ngụ? Nhưng với tôi, tình yêu tự nó thu xếp những chỗ trú trong tim. Nó giống như những chuyến xe đò mỗi chiều về tìm bến đậu. Có một lúc nào, tự chính nó, vì bận rong chơi trên đường dài, lúc tàn cuộc quay về, sẽ mất hẳn một chỗ nằm khiêm tốn qua đêm. Chỉ tội nghiệp cho những quang gánh chất đầy mộng ước, bị bỏ quên dưới gầm xe vì không có người thu nhặt, phải chờ đến bình minh...

Một buổi chiều chủ nhật, trước ngày thi một ngày trời đổ mưa. Mưa dai dẳng từ buổi trưa, kéo dài đến chiều tối. Tiếng mưa gõ buồn bã trên các mái tôn cũ nghèo. Trên những mâm cơm tức tưởi nổi cơ hàn. Tôi đứng trú mưa giữa hành lang nối liền hai dãy nhà, lòng trống trải một quạnh hiu. Vẳng đâu đây từ một chiếc radio, tiếng hát Phương Dung vọng xuống. Bài “Nỗi Buồn Gác Trọ”.

Tiếng hát rạo hoảnh giữa những dòng mưa. Tiếng hát chạy thăng thang trên những lòng đường bên dưới. Con nhạn trắng Gò Công giữa những thập niên 60, vừa vượn cánh bay xa khỏi ruộng lúa và những bờ sông phèn lợ phù sa để bay về thành phố. Tiếng hát chơn chất miền nam đôi lúc bay cao như cánh diều, đôi lúc la đà như sương mỏng.

*Bâng khuâng gác vắng khêu tim đèn đêm
Nhớ nhung đi vào quên
Sông sâu cố nhân ơi đi về đâu
Gởi hồn chìm vào đôi mắt
Ái ân chưa trọn để ngàn đời nhớ nhau...
Phố nhỏ đường mưa trơn lối về
Trăng sầu nhân thế động hoen mi
Có ai ngồi đếm mùa nhưng nhớ
Nỗi niềm đầy lại vơi
Mỗi mùa tiễn đưa một người..."*

Nàng hát cho ai nghe giữa một lòng mưa hắt hiu như vậy? Không phải cho tôi nhưng sao tôi cảm giác được nỗi chông chênh gập ghềnh, một mai khi bước xuống cuộc đời. "Mỗi mùa tiễn đưa một người..."

Tôi không biết sáng mai tôi có thể hoàn tất những bài thi hay không, nhưng chưa gì tôi đã hình dung ra ngày niêm yết danh sách không có tôi đứng lẫn lộn giữa đám đông để rà soát tên mình. Lũ lượt những đứa học trò vượt qua biển dâu. Cũng như có những đứa học trò cam tâm chấp nhận ngày đi lính. Tôi là một trong những số đó. Ngày thi tôi nạp bài thật sớm và không buồn ký tên vào phiếu hồ sơ. Những quỹ tích, hàm số biến mất không để lại dấu vết trong đầu. Những bào tử, những bộ phận tim gan phèo phổi con người cũng vậy. Chỉ còn lại tiếng hát trong vút mượt mà nhưng đậm một một tình yêu tan vỡ. Người con gái đó chắc không biết tiếng hát của mình từ một buổi chiều mùa hạ đã làm cháy bỏng một đời trai. Nàng cũng không biết giọng ca ướm sưng lời mưa của mình đã níu chân một đứa con trai đứng lại bên ngoài cổng thiên đường. Sáng mai, sẽ có một người thu vén một chỗ ngồi trên chuyến xe đò để xuôi giạt về quê. Chắc nỗi buồn sẽ lớn lao và làm cay mắt. Nhưng bù lại, đời sống cũng vừa thu nhập một vốn liếng khác, là sự lãng mạn ngọt ngào.

Nhiều chục năm sau, tôi vẫn luôn ngưỡng mộ về một giọng hát chơn chất đó như ngày nào chưa trưởng thành. Nếu một tiếng hát hay một bài ca đều phảng phất một định mệnh, thì tại sao chúng ta lại từ chối nắm bắt trong tay một định mệnh và ủ nó trong lòng?

Chúng ta không thể làm khác hơn với một hạnh phúc hay một tan vỡ- vì tất cả đều biểu lộ một tính chất mạnh mẽ của đời sống. Chúng tượng trưng cho một đời sống không thể chọn lựa khác hơn.

Khoảng trời xưa của tôi. Tiếng hát hạnh phúc cũ của tôi. Mọi thứ hình như đã xa rồi. Bây giờ chỉ còn lại tiếng gió đang rượt đuổi theo sau vòng quay của bánh xe, mệt lã như vòng đời. Gió không biết buồn nhưng gió luôn vùi lấp những khao khát. Gió cũng ít khi bùng lên những hi vọng buồn bã.

Tiếng hát dội vào lòng tôi như điềm dự báo một số phận. Lần đầu tiên trong buổi chiều xa nhà, tôi cảm biết rằng tình yêu sẽ làm cho con người ta lớn lao hơn hay bé nhỏ hơn. Lần đầu tiên tôi cảm biết rằng đời sống có những giá trị khác, tuyệt vời hơn. Không phải đơn điệu chỉ màu sắc của cơm áo, của công danh hay những thành đạt. Mà còn có sự lãng mạn của nắng mưa, của thời tiết. Của hạnh phúc và những đau khổ trộn lẫn. Của tình yêu tôi tả, bầm vấp vì không tìm ra lối thoát.

“Mỗi mùa vắng đi một người”. Như mỗi đứa học trò sẽ trụ lại hay sẽ rời bỏ trường lớp sau một mùa thi. Để trôi lăn trên những vòng đời chóng mặt?

Năm đó tôi thi rớt Tú Tài 1. Tôi nộp bài thi trước hết và ra khỏi phòng. Lòng tôi trống trải như bến xe đêm về sáng. Không còn tồn đọng một phương trình hay một định lý nào trong trí tôi. Tôi lang thang gần nửa ngày, qua rất nhiều ngã tư ồn ào xe cộ. Qua những quán cà phê và những cô chủ

quán yêu kiều. Tôi tập làm người lớn và tập hút điều thuốc đầu tiên trong đời. Khói thuốc sẽ làm khô môi nhưng ướt sưng hạnh phúc được pha chế bằng mùi vị đau khổ. Những vòng khói níu chân tôi bước xuống cuộc đời và tôi nghe trong đó hương thơm của sầu mộng. Những vòng khói quán quít, như những vòng tay ôm.

3.

Mỗi người có một định mệnh từ một cuốn phim hay một bài hát. Tôi không ra ngoài ngoại lệ. Bài hát Nỗi Buồn Gác Trọ đã cắt hòn tôi thành hai mảnh đời. Và tôi sẽ không bao giờ ghép hai nửa mảnh đời đó nhập lại cùng nhau. Nhiều năm trôi qua, tôi vẫn không thể quên được giọng hát làm trái tim tôi trầy trụa. Tiếng hát cắm vào hồn tôi những chiếc gai nhưc nhối có khả năng làm rơi máu lệ. Tiếng hát như một định mệnh đẩy tôi trôi trên những nhánh sông buồn.

Con nhạn trắng Gò Công chắc không thể hình dung được rằng cách đây đúng 40 năm, tiếng hát của nàng đã gây cho tâm hồn đứa con trai mười tám tuổi con địa chấn. Không phải cấp 4 hay cấp 5. Mà là cơn địa chấn ngọt ngào hơi thở của môi miệng và ràn rụa của nước mắt.

Nhiều năm trôi qua, hồn tôi vẫn còn rung động như ngày nào, khi nghe lại Nỗi Buồn Gác Trọ. Vẫn in như ngày mới lớn, vẫn mới mẻ ngăn ấy những rung động.

Nhiều năm trôi qua. Từng có biết bao nhiêu gác trọ hiện ra bên cạnh cuộc đời. Một lần ở khu Bàn Cờ. Một lần ở Bảo Lộc. Một lần ở Chi Lăng, ở đường Hai Bà Trưng, Đà Lạt. Vài gác trọ trên đất nước người có danh xưng khô khốc là Motel, bên những chặng nghỉ đường dài. Nhưng sự rung động bớt đi những sôi nổi, bồi hồi.

Hình như chúng chỉ tiếp nối những định mệnh, chứ không phải bắt đầu một định mệnh.



THIÊN LÝ
MÂY

Đêm nằm nghe tiếng thời gian
Một đời mơ mắt lệ tràn dầu son
Căn nhà nhỏ mảnh vườn con
Ngày ngày đọc sách dưới vòm thông xanh
Chiều ra đan áo bên mành
Nhìn bao lá rụng từ cành thu sang
Thảnh thơi ngắm mặt trời vàng
Từ từ khuất bóng bên hàng núi tây
Ráng chiều nhuộm đỏ chân mây
Đàn chim vỗ cánh theo bầy bay xa
Gió reo trên ngọn thông già
Vẳng đưa tiếng trẻ hát ca bên đồi
Mặt hồ thoáng bóng ai ngồi
Thuyền câu dăm chiếc thả trôi theo giòng
Chiều đi giữa khoảng trời không
Màu chiều yên tĩnh lắng trong tâm hồn
Chuông chiều buông mấy tiếng buồn
Từ nơi xa vắng cõi hồn chơ vơ
Căn nhà nhỏ, mảnh vườn thơ
Trở mình thức dậy... giấc mơ tan rồi.



MÂY NGÀN
TƯỜNG CHỪNG

Tường chừng chấp cánh bay bay cao
Thử xem sóng nước xanh xao nào
Lắc lư khối sắt con tàu nổi
Tự do tìm mãi lòng khát khao

Tường chừng sống lại thuở vàng son
Thanh xuân ngày ấy nay đâu còn
Mất mờ chân mỗi lom khom bước
Ngả bóng hoàng hôn dạ héo hon

Vài năm đếm lại thử còn ai
Đêm nay gập gờ vui ca hát
Rực rỡ xiêm y luân vũ điệu
Hào hoa phong độ vẫn còn tài.



SUY GẤM SỰ DỜI **SƯ HUYNH VÔ ĐỊNH**

Chuyện kể rằng: một hôm, một đệ tử đem đến cho vị thiền sư già, người đã sáng lập viện và dạy dỗ cho nhiều thế hệ thiền sinh một tin buồn như sau: Thưa Sư Phụ, Sư huynh Vô Định người môn sinh xuất sắc sẽ kể tục ngài, đã lạng lẽ bỏ đi vào đêm qua”.

Nghे xong Vị thiền sư già bình thản trở lại với công việc đang làm. Ông chẳng để lộ mảy may xúc động hay buồn phiền. Người đệ tử lòng chưa hết bàng hoàng bèn hỏi: Thưa Sư Phụ, Sư huynh vô định là người đệ tử đầu tiên của ngài. Sư huynh lại đức độ hơn người, có thể gánh vác trọng trách mai này. Nay sư huynh bất thần bỏ đi, Sư Phụ không thấy mất mát sao?!

Vị Thiền Sư già ôn tồn giải thích: Sư huynh của con chỉ dời chỗ ở chứ không bị tiêu diệt, sao gọi là mất mát?”

Người đệ tử vẫn thắc mắc: “Nhưng thưa Sư Phụ, sư huynh ra đi mà không có lý do chính đáng, nếu mọi người biết được, đệ tử e rằng thiên hạ sẽ thị phi đàm tiếu nhiều điều gây tổn hại đến thanh danh của sư phụ, Sư Phụ nghĩ sao?

“Thanh danh thì cũng là hư danh. Người ta sanh ra thanh danh rồi thì người ta cũng có thể đổi nó thành xú danh. Sao con lại quan tâm.

Người đệ tử vẫn chưa hết lo âu: “Vậy thì sư phụ không lo cho sư huynh sao? Liệu sư huynh có an lạc khi rời bỏ nơi này chăng?”

Vị thiền sư ung dung trả lời: Sư huynh của con phải thấy rằng tâm không còn an lạc khi ở đây thì mới ra đi. Ta chẳng hề lo lắng, nơi nào an lạc ắt đó là nhà con ạ!”

Người đệ tử vẫn chưa hết ám ức: “Thưa sư phụ xin cho con một câu hỏi cuối: “Sư phụ không thấy khó chịu một chút nào hết khi sư huynh của con làm một quyết định quan trọng như thế mà không hề bàn bạc với sư phụ sao?”

Vị thiền sư già cười một cách hiền hòa: “ Con ơi trên đời này chẳng có gì quan trọng hơn sự an lạc của mỗi chúng sanh. Con nên nhớ rằng, con phải tự đi tìm an lạc cho chính mình. Ta hiểu và thông cảm với sự huynh của con. Con nên nhớ rằng, trong cuộc đời của mỗi con người, có những quyết định mà ta không thể bàn bạc với ai khác ngoại trừ với chính cái TÂM của mình.

Bạn thân mến,

Những lời khuyên nhủ minh triết và sâu sắc của vị thiền sư đối với người đồ đệ như một nhắc nhở cho chúng ta rằng, chúng ta không nên vội lên án hay kết tội một ai khi thấy đời sống của họ không tuân theo những lề luật thông thường của Đạo hay của Đời. Dù là một tạo vật nhưng Trời Đất vẫn ban cho con người một đặc ân rất cao quý đó là quyền tự do và ngài thực sự rất tôn trọng quyền tự do đó. Không một quyền lực nào có thể phủ nhận được sự tự do đó, kể cả quyền lực của satan.

Nguồn/Mai Thanh Truyết

**" Tự do là Ung dung trong Ràng buộc
Hạnh phúc là Tự tại trong ...Đau thương" - Tuệ Hải**

**"Every Generation needs a New Revolution". -
Thomas Jefferson-**



VÕ THANH VĂN
DỌN SÓNG LAO XAO

Ru em. Ru biển. Ru đời
Ru mây chùng thấp. Ru trời dăng cao
Vì em là biển dạt dào
Nên ta yêu sóng lao xao dậm vời

Ru em cùng biển chung nô
Chung chắn, chung chiếu (chung vôi, chung trầu)
Vì em là biển sóng nhà
Hẹn nhau (Bãi Trước, Bãi Sau) tỏ tình

Vì em là biển trung trinh
Và ta vách đá gập ghềnh phận riêng
Ru em một mối hai giềng
Cho ngoan Bãi Trước. Cho hiền Bãi Sau

Ru em rong dợn ngân đau
Triều dăng (Bãi Trước, Bãi Sau) nguyên dòng
Mai ngày tình chắc long đong
Ru em (nước lớn, nước ròng) như nhau



LÂM CHUONG

CON SUỐI VÀ CHIỀC CẦU TREO

Ở đây, cuối tuần là thời gian rỗi việc. Tôi thường cùng một số bạn ngồi lại uống lai rai vài chai bia, nhắc chuyện cũ. Chuyện mới thì ừ ê. Không lấy gì làm phấn khởi. Chuyện chưa đến thì mờ mờ, biết gì mà nói? Chuyện cũ với những người cùng hoàn cảnh, xem chừng dễ thông cảm nhau hơn. Có người bạn trẻ hỏi, sao chúng tôi nói mãi đề tài lính và tù không nhàm chán? Làm sao giải thích cho bạn hiểu đây? Sang tới xứ này, bạn còn có tương lai đi tới. Chúng tôi còn gì đâu? Tuổi lớn rồi, học không vô. Tiến thân bằng cái đầu không được. Thôi thì đi làm cu li, cơm áo qua ngày. Sống mà không nhìn về phía tương lai, không chờ đợi điều gì cả là một bi thảm. Ngoái trông về quá khứ cũng thấy đầy những gai góc tai ương, nhưng đó là một phần đời gắn liền với chúng tôi. Đó là da thịt, là vốn liếng một đời người. Mang cái vốn liếng u buồn này đi vào tương lai, cũng giống như vác cái quá khứ bốn ngàn năm lạc hậu lên phi thuyền bay vào vũ trụ. Lâu lâu, gỡ lại quá khứ sẫm soi, như người ta nâng niu gìn giữ một món đồ cổ. Cổ vật càng xưa càng quý. Tâm trạng chúng tôi bây giờ là thế.

Một lần, nhà thơ Tô Thùy Yên đến Boston. Chúng tôi ngồi nhắc chuyện cũ. Anh nói, hồi đi cải tạo đã từng ở cái trại tù sát chân núi. Bên kia núi là nương rẫy của trại. Muốn qua nương phải vượt đèo. Đèo cao dốc ngược, đường lên khúc khuỷu. Mùa mưa trơn trượt khó đi. Lên tới đỉnh đèo, phải ngồi lại nghỉ một trước khi tuột dốc. Anh em trong trại đặt tên là "đèo bá thỏ". Tôi cũng đã từng lên xuống cái đèo này nhiều lần, trong thời gian còn ở trại. Tổng số tù nhân vào khoảng 300 người. Thế mà tôi không hề biết có Tô Thùy Yên ở đây. Sống trong hoàn cảnh khắc nghiệt, ai cũng muốn thu nhỏ thân phận của mình. Chờn vờn trước mặt cán bộ, để bị chú ý. Sứ giả của ma vương mà chú ý, thật chẳng hay ho gì.

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp có bài Đốt Lửa Nghe Sư Đàn. Đọc lên cứ nghe rờn rợn. Nó gọi lại trong tôi một nơi chốn quen thuộc. Không gian, thời gian của những mùa đông rét mướt, áo quần không đủ che thân. Đêm đông trong lán trại lợp bằng nứa, lạnh quá không ngủ được, tù ngồi hơ tay bên đống lửa. Tiếng nói chuyện thầm thì như hơi gió. Tâm sự tràn trong đêm khuya. Thỉnh thoảng nghe tiếng mang mền "béc" ngoài đồi tranh cô quạnh, tiếng kêu buồn héo cả ruột gan.

*đốt lửa. chừng như người qua khe
mùa đông tím những nương mưa
đốt lửa bên trong lán suối
mưa. mưa trên con đường núi
có ai tìm vàng trắng mọc khuya
rét. sâu miên. đất. đá. gỗ
đầm sấu hoang. lau thấp. bến chờ*

lửa đã cháy. cháy trên củi ướt

tù ngồi hơ tay nghe cổ tích
chuyện Đường Huyền Trang đi thỉnh kinh
bỗng trong đêm rộ tiếng ai đàn
lửa củi soi nhà sư mặt ốm
kể từ sư rũ áo đi đây
cái tâm mây nổi. trăng thiền đạo
cuộn cuộn trường giang sóng lục đầu
đầm cỏ nước in thân cò vạc
bắt cua. vồ nhái. ngày qua ngày
đêm đêm ôm đàn trong xó tối

năm ngón tay gầy. tiếng thỏ cầm
sư ngồi đàn như cây trăm năm
lửa cháy xèo xèo mùi nhựa ngái
khói tỏa mù khe. Mèo cỏ rối
dạo đàn. mưa thu rơi trong trăng
tiếng mau. chim bay qua mùa đông
đàn ánh thép xanh. guơng phật trúc
gỗ nổi. đá lặn. trâu bút gốc
hồn u. mả tối. đây là đây
rạng tiếng Ngự Dương thơ quý đọc
lấn sâu. bếp ảo. lửa đào lay

cây đàn gỗ xưa như mặt trăng
năm ngón tay gầy như chim ưng
bật dây. rỏ máu hoàng hôn rùng
gọi những mùa đi không trở lại
đàn qua. tiếng buồn trong lau sậy
gió thu đưa vông. ai chờ ai
đêm cảm khô. đàn trong u độc

người nghe đàn khơi đỏ lửa khuya

tóc râu tiền kiếp đầm hơi mưa
bỗng thấy sân nhà cây sứ gãy
năm cửa ô quan ngán lệ mờ
những nẻo chiều sương người rách rưới
những mái nhà mưa xoi nắng rọi
lọ rơi. sành vỡ. lục cục âm
khuya rồi. ai đẽo gỗ huỳnh đàn
từng sắc hoa gầy trên áo quan

sur bỗng ngừng đàn. nhìn đông lửa
gốc cây cháy như đầu thiên cổ
huyền huyền củi tàn màu kinh xưa
mặt đất chùng qua cơn mộng dữ
nên ngón tay gầy như ngó sen
hơi đàn trôi trong hương lá xanh
đàn ngân. cánh chim soi trên đầm
mùa hoa mơ nở trắng non ngàn
từ trong động ấy giờ trắng mọc
ánh trắng chảy vàng trăm cửa sông

bếp rụi. lửa riu. âm đàn dứt
trắng lên rồi. hổ xuống cảm khô

Nguyễn Xuân Thiệp thai ghén và làm bài thơ này từ năm 1977 đến năm 1988. Mười một năm ròng rã, dốc hết tâm huyết cho một bài thơ đầy nội lực. Hèn nào đọc lên, tôi thấy như mình đang sống trong căn lán ẩm thấp vào một mùa đông lạnh ướt xưa kia. Anh Thiệp cho biết, đã từng ở trong cái trại có con suối chảy sát ngoài hàng rào. Trước cổng trại, chéch về phía bên trái, sát chân núi có một ngôi nhà sàn. Nhà núp trong cây. Những buổi sáng lành lạnh trời còn mù sương, đến thật gần mới thấy ngôi nhà hiện ra trong làn

sương đục. Cảnh đẹp như tranh, mơ hồ như ngôi nhà trong cổ tích. Hóa ra, cái trại Nguyễn Xuân Thiệp mô tả, chính là trại Tô Thùy Yên và tôi từng ở đó. Vậy mà không ai biết ai. Trên cõi nhân gian có lúc người ta đi thật gần nhau, cùng sinh hoạt như nhau, nhưng người nào cũng giấu mình bằng chiếc mặt nạ. Một lúc nào đó, vứt chiếc mặt nạ đi, nhìn nhau cười xòa.

Trong Đốt Lửa Nghe Sư Đàn, Nguyễn Xuân Thiệp có nhắc đến con suối, đốt lửa bên trong lán suối. Cuối bài, kết thúc bằng trăng lên rồi, hồ xuống cảm khô. Cảm Khô là một địa danh thuộc xã Cẩm Nhân. Xã ở miền cao, có nhiều suối mùa. Nhưng con suối thiết thân gần gũi với chúng tôi ngày ấy là con suối Nguyễn Xuân Thiệp nói trong thơ. Bây giờ, đọc thơ anh, tôi cảm giác như cái lạnh còn thấm tới xương, và còn muông tượng được cái không khí u uất trùm lên lán trại vào những đêm khuya nghe cú rúc. Tiếng cú như tiếng ma kêu sầu thảm, báo điềm có kẻ tử vong.

Tôi rời xa nơi ấy lâu rồi. Nhưng đi đâu cũng mang theo trong lòng về một nơi chốn mà tôi đã sống những ngày bầm giập xác thân. Mang theo không phải để nhìn ngắm lại một quá khứ u buồn. Nhớ mãi những tai ương buồn khổ, ích gì? Tất cả như chiêm bao bào ảnh, như sương móc chớp chạng. Kinh nhà Phật dạy thế. Nơi chốn tôi mang theo là những khu rừng ẩm mùi lá mục, đầy những muỗi mòng sên vắt. Rừng nổi rừng bạt ngàn đi không hết. Những dãy núi bốn mùa sương giăng bàng bạc. Núi tiếp núi liền nhau bất tận. Nơi ấy có một trại tù. Có con suối nhỏ nép mình ngoài hàng rào trại, lượn vòng theo chân núi. Giữa hoàng sơn trùng điệp, suối bắt nguồn từ đâu, và xuôi về tận đâu không biết. Có người đoán, nó đổ ra hồ Thác Bà. Cũng chỉ đoán mà thôi.

Mùa mưa, hồ Thác Bà đầy nước xanh trong vắt. Giữa hồ lơ lên một cây thập giá lơ trên mặt nước. Mùa nắng, nước rút phơi đáy hồ bùn khô nứt nẻ. Dưới lòng hồ hiện ra một ngôi giáo đường, trên nóc cao có cây thập giá. Nhiều năm trước, nơi có ngôi giáo đường là thung lũng chạy dài mấy chục cây số về phía Nam. Người ta ngăn nước làm đập thủy điện Thác Bà. Vì thế, mới có hiện tượng ngôi giáo đường chìm trong lòng nước làm thành cảnh đời dâu bể, thế sự tang thương.

Theo con suối về phía thượng nguồn, cách trại chừng nửa cây số, suối uốn vòng cung nước xoáy thành hồ nhỏ. Quanh hồ là thảm cỏ xanh rờn mọc chen với tàu bay, kim thất. Hoa tàu bay, kim thất khi nở bung giống như chùm lông tơ trắng. Gió cuốn hoa bay khắp núi rừng. Mỗi sợi lông mang một hạt mầm. Sau trận mưa đầu mùa, mầm hạt ngoi lên những cây con, thân mỏng mỏng, lá xanh non mượt. Cây cỏ gì ăn được đều gọi là rau. Rau kim thất nhân nhẩn, người ta nói có vị thuốc. Còn rau tàu bay có mùi hăng hắc, người ta nói ăn nhiều bị mất máu. Có vị thuốc hay mất máu, không đáng quan tâm. Một thời khốn khó không cơm, chúng tôi dùng nó đun thêm trong phần sắn khoai làm đầy bao tử. Sát mé nước, trên bờ hồ có những loài hoa dại không tên. Nhiều nhất là hoa vàng và tím, màu sắc chen nhau. Hoa chỉ bằng con bướm nhỏ. Những khi vác nứa về ngang qua đó, những đóa hoa rập rờn như đàn bướm đồng loạt chớp cánh, đẹp vô cùng.

Cũng nơi cái hồ nước nhỏ này, con suối chia làm hai dòng. Một dòng chảy sát bên hàng rào trại, như đã nói. Còn dòng kia chảy qua một cánh đồng. Trại nằm lọt vào trong cái cháng ba con suối. Dòng suối chảy băng qua cánh đồng, chia cắt trại với con đường dẫn về Tuyên Quang. Trên bờ suối có bụi tre rừng. Lâu ngày nước xoáy dưới gốc tre thành hốc

nước. Nghe đồn, trong hốc nước có con rùa vàng to bằng chiếc nón lá. Những buổi trưa hè, thường có người trong trại ngồi cầm cần thả dây câu rùa. Câu rùa để ăn, chứ không phải nuôi chơi làm cảnh. Trong khốn cùng đói khát, không ai nghĩ đến chuyện giải trí tinh thần bằng cách nuôi một con rùa để ngắm. Chẳng biết xưa ông Lã Vọng ngồi câu sông Vị ra sao? Ngày nay, người tù ngồi câu rùa, trông cái dáng vô cùng bi thảm. Anh ngồi bất động, đôi mắt đăm đăm xa xôi ở một cõi nào đâu ấy. Mấy năm ở trại, tôi thấy hết người này ngồi câu, rồi đến người khác ngồi câu. Người nào cũng thể hiện nét mặt buồn như nhau. Không ai bắt được con rùa, cũng chưa ai thấy nó nổi lên bao giờ. Con rùa vàng trở thành niềm tuyệt vọng của những ông câu.

Ngang qua suối, trại có bắc một cây cầu để đi ra con đường về phía Tuyên Quang. Mùa nắng làm cầu. Mùa mưa nước lũ trên ngàn tuôn xuống mạnh như thác, mang theo những cây khô gỗ mục vướng vào chân cầu. Chỉ vài trận mưa đầu mùa, cây cầu bị cuốn phăng đi mất. Và trại bị cô lập hoàn toàn với những bản làng người sơn cước, bên kia con suối. Năm nào trại cũng phải làm cầu mới, nhưng rồi cũng không chịu nổi sức tàn phá của thiên nhiên. Các cán bộ trên trại đề ra kế hoạch làm cầu treo.

Nghĩ ra kế hoạch là cái đầu của những kẻ coi tù. Thực hiện kế hoạch ấy là bàn tay, sức lực của những người tù. Chúng tôi chia thành từng nhóm kéo nhau lên rừng núi đốn cây. Phải chọn cây to, và thẳng đứng theo quy định chiều cao của chân cầu treo. Dao thành đốn cây cổ thụ, giống như người thợ điêu khắc kiên nhẫn đẽo từng mảnh nhỏ của tảng đá lớn. Nước sông công tu, chuyện gì mà không làm được? Cây ngã xuống, chặt cành chặt ngọn. Ai mà khiêng nổi cây to trên thế núi dốc? Chúng tôi vạt nhọn một đầu, lao cây xuống núi. Cây vướng lại chỗ nào, phát quang chỗ đó. Đem

được cái cây bề tròn cỡ vòng tay ôm về tận bên con suối nơi chỉ định làm cầu, công trình nhọc nhằn này tương đương với những người vận chuyển những phiến đá lên cao xây Kim Tự Tháp bên Ai Cập thời xưa.

Đồng thời với công tác chặt cây, đào lỗ hai bên bờ suối dựng chân cầu, cán bộ trại về tận Hà Nội xin được cấp bốn sợi cáp. Giữa miền rừng núi không xe cộ đi lại, chuyển được bốn sợi cáp bằng thép bề trại với sức người, mồ hôi đổ dài theo những dặm sơn khê.

Cáp mắc vào trụ cầu giăng ngang con suối. Bốn sợi cáp chia làm hai tầng. Hai sợi trên làm tay vịn. Hai sợi dưới lót ván để đi. Cây cầu treo này được xem là công trình xây dựng hiện đại nhất của miền thượng du. Nó là một kỳ quan đối với người sơn cước.

Ngày khánh thành cây cầu, tất cả tù nhân tập hợp ra đứng bên bờ suối, nghe ông trại trưởng nói chuyện. Ông đứng trên cầu, mặc áo đại cán, đội nón cối có gắn ngôi sao, nói những lời tự hào về sức mạnh xã hội chủ nghĩa. Con người của xã hội chủ nghĩa quyết tâm khắc phục thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ con người. Ông mạnh dạn tuyên bố dứt khoát rằng, cây cầu treo này sẽ tồn tại không những một mùa mưa, mà còn tồn tại sau nhiều mùa mưa nữa. Cuối cùng ông ngỏ lời ngợi khen anh em tù nhân đã cố gắng lao động tốt trong thời gian qua. Tuy nhiên vẫn còn vài con nhạn la đà vi phạm nội quy, moi móc khoai củ ngoài rừng, cải thiện linh tinh. Dù thế, ông cũng hứa sẽ thưởng cho mỗi người một xuất sản vào sáng Chủ Nhật. Thông thường, sáng Chủ Nhật không có phần ăn. Đang trong thời kỳ đói khổ, lời hứa của ông trại trưởng làm anh em nức lòng phấn khởi. Trên khung, cán bộ làm chó ăn mừng khánh thành cầu treo. Dưới trại, tù nhân được thêm phần sản.

Miền núi rừng thượng du không có trò gì vui chơi giải trí. Mùa hè. Chiều chiều, các cán bộ rủ nhau lên cầu đứng hút thuốc tán gẫu, và hóng gió rừng. Nếu chỉ thế thì sự đời êm đềm bình thản biết bao. Cảnh cán bộ nhón nhor hóng gió trên cầu là niềm mơ ước của những kẻ muốn rũ hết sự đời theo thú tu tiên. Nhưng đối nghịch hình ảnh lý tưởng ấy, trong lán trại những người tù tiêu tụy đang nằm thở dài sau một ngày lao động vất vả thiếu ăn.

Rồi mùa mưa lại đến. Con mưa đầu mùa thật dữ dội. Âm ầm vang động núi rừng. Mưa suốt ngày đêm không ngớt. Nước lũ trên ngàn tuôn xuống. Suối chảy mạnh như thác, gầm thét cuốn phăng những gì vướng víu trên đường nó đi. Bốn chân cột cầu treo được dựng trên thế đất cao bên bờ suối, hàng năm nước không lên tới. Nhưng năm nay, nước lũ tràn bờ. Cành cây và rác rến mắc vào chân cầu làm sức cản nước. Sau ba ngày đêm chịu lũ, một sáng ra xem, cây cầu treo biến mất dưới con mưa tầm tã, giữa dòng cuồng lưu nước xiết.

Thiên nhiên nuôi dưỡng con người. Khí thiêng sông núi hun đúc hồn người lớn dậy. Người xưa biết dựa vào thiên nhiên mà sống, thuận theo lẽ trời mà tồn tại. Mùa đông áo ấm. Mùa hè quạt mo. Sao thời nay có kẻ dám ngông nghênh lớn lối rằng đã khắc phục được thiên nhiên? Những ai thách thức thiên nhiên, chống lại quỷ thần, trước sau gì cũng bị trời tru đất diệt. Chuyện cây cầu treo năm ấy là bài học quý giá dạy cho con người đức tính khiêm cung, biết được thân phận nhỏ nhoi của mình có nghĩa lý gì đâu, so cái lớn lao vô cùng trời đất.

Lâm Chương



**THIỆU KHANH
PHÂN VÂN**

Thì cũng mang theo tiếng khóc đầu
Ra đời xương máu cũng như nhau
Trăm nghìn năm trước người đi trước
Cũng giống nghìn sau kẻ đến sau

Nhưng bỗng hoang mang đến sống sờ
Một lần nào đó ngỡ băng quơ
Trong đêm thăm thẳm nghe chồn dậy
Nỗi nhớ vô cùng nhớ ngăn ngơ

Như một loài chim một loại rong
Mang trên thân phận dẫu phiêu bồng
Từ sơ sinh đã đi tìm kiếm
Nhớ một phương trời một núi sông

Chưa thỏa bao giờ những cuộc vui
Lẩn trong từng rãnh máu trong người
Vẫn nhen nhúm một quê hương cũ
Một điệu tình ca rất ngậm ngùi

Ôi rất lạ lòng ta biết đâu
Miền quê hương đó ở nơi nào
Dấu chân bấn bật thiên thu trước
Giờ đã nhạt nhòa trong bể dâu

Ta vẫn miệt mài cơn sóng xô
Niềm phân vân chợt đến không ngờ
Nghĩ thương bằng hữu đi ngơ ngác
Có mặt trong đời như cỏ khô.

142 Trần Hương



Ở đời có ba cái thú mà nhiều người thường theo đuổi, nhất là giới văn nghệ. Đó là : *Hoa, Giai nhân và Thơ*. Được một cũng đã là thú, nếu được cả ba là tiên trên đời ! Nhưng nếu có tài, có duyên, có thời vận thì gặp cũng dễ. Ví như trường hợp của thi sĩ Thôi Hộ đời Đường.

Thôi Hộ tự là Ân Công, người quận Bác Lăng (nay là huyện Định, tỉnh Trục Lệ, Trung quốc) không rõ năm sinh, nhưng ông thuộc thế hệ sau Đỗ Phủ (712-770) và trước Bạch Cư Dị (772-846).

Thôi Hộ là một thi sĩ đời Đường đẹp trai nhưng quả giao, ít bạn bè. Một hôm nhân tiết Thanh Minh ra ngoài thành xem hoa, thưởng xuân, đến phía Nam Kinh thành, Thôi lạc vào một vườn đào đẹp đang nở hoa. Trời trưa khát nước, Thôi mạnh dạn ghé vào gõ cửa một ngôi nhà bên cạnh xin nước uống. Ngôi nhà trông khang trang, sang trọng nhưng yên tĩnh, trước cửa có mấy khóm đào đang rực hoa khoe sắc. Một người con gái đẹp, tuổi chừng mười tám, đôi mươi, duyên thắm màu xuân ra mở cửa hỏi tên họ khách rồi vào nhà bưng nước ra mời. Nàng thần thơ đứng bên cạnh khóm đào, nhìn trời mây mông lung, vẫn vợ... Thôi uống nước xong cảm tạ rồi đi.

Tiết Thanh minh năm sau cũng vào giờ này, Thôi đến nơi căn nhà cũ mong tìm gặp lại người ngọc, nhưng chỉ thấy hoa đào vẫn nở thắm mà người xưa thì vắng bóng, cổng vườn khép hờ. Thấy quang cảnh tĩnh mịch, không tiện hỏi. Thôi bèn làm bài thơ dán lên cánh cổng bên trái nhà rồi đi. Cách mấy tháng sau, Thôi lại đến căn nhà cô gái ấy thêm một lần nữa, thì thoáng nghe trong nhà có tiếng khóc. Thôi ngạc nhiên, liền đó một ông lão mở cửa ra hỏi : “ *Cậu có phải là Thôi Hộ không ? Con gái tôi đọc bài thơ của cậu rồi tương tư, bỏ ăn, sinh bệnh, vừa mới mất !* ”

Nghe đến đây, Thôi Hộ điếng người thưa “ Dạ đúng” và xin phép lão ông được vào thăm, nhìn mặt nàng lần chót. Ông cụ dẫn Thôi Hộ vào nhà. Gương mặt người con gái vẫn còn tươi như hoa. Thôi khẩn rồi ôm xác giai nhân mà khóc thảm thiết, nước mắt chàng thấm cả vào lớp áo trong của nàng. Nàng từ từ hồi tỉnh, sống lại. Cha mẹ nàng mừng rỡ bèn gả nàng cho Thôi Hộ. Từ đó, họ sống với nhau trọn đời hạnh phúc. Thôi Hộ thi đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Lãnh Nam Tiết Đô Sứ.

Đây là một câu chuyện tình đẹp đẽ nhất trong văn học Trung quốc. Nhưng bài thơ “duyên kiếp” của chàng thi sĩ đời Đường ấy như thế nào mà nó có một hấp lực mạnh đến như vậy ? Đi xem hoa, gặp người ngọc, làm thơ rồi được vợ. Thôi Hộ đã được cả ba cái thú trên đời. Thật tuyệt thú ! Bài thơ viết theo thể “ thất ngôn tuyệt cú “, bốn câu bảy chữ, ba vần. Chữ ít lời nhiều, cô đọng, súc tích. Nguyên văn như sau :

Đề Tích Sở Kiến Xứ

*Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu Đông phong.*

Thôi Hộ

Vì là một bài thơ hay, một chuyện tình đẹp hiếm thấy trong lịch sử nên có nhiều người dịch ra thơ quốc âm. Xin đơn cử một vài :

Đề Chỗ Đã Trông Thấy Năm Trước

*Hôm nay, năm ngoái cửa cài
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi
Mặt người chẳng biết đâu rồi
Hoa đào còn đó vẫn cười gió Đông.*
Trần Trọng Kim dịch

*Cửa này, năm ngoái hôm nay
Hoa đào mặt ngọc hồng lây ánh hồng
Giờ đây mặt ngọc muôn trùng
Hoa đào còn với gió Đông riêng cười.
Quách Tấn dịch*

*Năm ngoái ngày này trước cửa trông
Hoa đào, mặt ngọc ánh mây hồng
Bây giờ mặt ngọc về đâu nhỉ ?
Như cũ hoa đào cợt gió Đông.
Lê Nguyễn Lưu dịch.*

Thi hào Nguyễn Du đã lấy ý từ bài thơ này, viết trong Truyện Kiều đoạn nói về Kim Trọng khi từ Liễu Dương trở lại tìm nàng Kiều mà không thấy vì nàng đã bán mình chuộc cha, và gia đình đã dời đi nơi khác :

*“Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió Đông”.*

Làm thơ mà gặp may mắn như Thôi Hộ thì hiếm mà hệ lụy vì thơ thì nhiều.

Ví như Thi tiên Lý Bạch (701-762) mà còn bị họa vì làm thơ rồi bị đuổi ra khỏi cung vua.

Số là, Đường Minh Hoàng là một ông vua rất mực phong lưu, vì sủng ái quý phi Dương Thái Chân, nhà vua cho xây một đình bằng trầm hương và mang hoa mẫu đơn từ Giang Nam về trồng làm nơi ngự lãm. Năm Thiên Bảo thứ ba (744), nhân dịp xuân về vườn hoa nơi đình Trầm Hương nở rộ, ngào ngạt hương thơm. Bên cạnh vua có Dương Quý Phi sắc nước hương trời, vua truyền mở hội để cùng Quý Phi đối cảnh, ngắm hoa, thưởng xuân.

Đối danh hoa, cận phi tử mà thiếu thơ, nhạc là mất đi một phần lý thú, lịch lãm của cuộc vui ! Vua bèn cho Lý Quý Niên là quan Trưởng nhạc phủ cầm bài lệnh đi tìm mời Lý

Trầm Hương 145

Bạch. Vực được Lý Bạch về nhưng Lý hãy còn say mềm. Chờ tỉnh rượu, vua truyền Lý Bạch làm thơ để phổ nhạc. Lý Bạch vậy bèn viết liền một hơi ba thiên tuyệt cú gọi là “*Thanh Bình Điệu, Tam Chương*” dâng lên vua. Vua và Quý Phi vô cùng thán phục rồi trao cho Lý Quý Niên lựa nhịp mà hát, chung quanh có ca công, vũ nữ hầu hạ.

Nguyên văn ba bài thơ ấy như sau:

Thanh Bình Điệu

Kỳ nhất (Bài 1)

*Vân tường y thường, hoa tường dung,
Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng.
Nhược phi Quân Ngọc sơn đầu kiến
Hội hướng Dao Đài nguyệt hạ phùng.*

Kỳ nhì (Bài 2)

*Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương,
Vân vũ Vu sơn uống đoạn trường
Tá vấn Hán cung thùy đắc tự ?
Khả liên Phi Yến ý tân trang.*

Kỳ tam (Bài 3)

*Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan
Thường đắc quân vương đối tiếu khan
Giải thích xuân phong vô hạn hận
Trầm Hương đình bắc ý lan can.*

Lý Bạch

1- Bài thứ nhất, tả nhan sắc Dương Quý Phi. Đại ý nói rằng :

Xiêm áo (nàng) ngỡ là mây, dung nhan ngỡ là hoa; nhẹ nhàng như gió xuân hây hây thổi bên hiên, đậm đà như hạt sương đọng giữa lòng hoa. Nếu không phải là tiên trên núi Quân Ngọc , thì là người của Tây Vương Mẫu ở chốn Dao Đài nương bóng trăng mà xuống trần.

2- Bài thứ hai, tả tình yêu của vua đối với Quý Phi. Đại ý nói rằng: Một cánh hồng tươi thắm, thơm hương lại được mưa móc (sủng ái của vua) làm cho thêm đậm đà, sắc sảo, khiến cho Thần nữ sáng làm mưa, chiều làm gió ở núi Vu sơn phải ghen đến đứt ruột. Thử hỏi trong cung Hán ngày xưa có ai được như thế ? Chỉ có Triệu Phi Yến được vua

Thành Đế yêu thương. Nhưng khá thương cho Phi Yến còn cần phải nhờ đến sự trang điểm.

3- Bài thứ ba, tả niềm vui thú của vua cùng Quý Phi ngồi thưởng mẫu đơn. Đại ý nói rằng : Mẫu đơn là danh hoa cùng người quốc sắc nghiêng nước (Quý Phi) đôi bên cùng vui vẻ và luôn được nhà vua thưởng thức, đặc ý tươi cười làm tan hết nỗi hờn vô hạn của gió xuân. Vua thảnh thơi ngồi tựa vào lan can phía Bắc đình Trầm Hương mà thưởng thức ba tuyệt phẩm của nhân gian.

Dịch thơ : ĐIỀU HÁT THANH BÌNH

I. Dáng phảng phất hoa, áo quện mây.

Ngoài hiên gió thoảng nước ao đầy

Đầu non Quần Ngọc như chưa thấy,

Dưới nguyệt Dao Đài hắt gập đây .

II. Cành hồng tươi thắm mọc nhuần hương,

Vu Giáp mây mưa luống đoạn trường !

Uớm hỏi Hán cung ai sánh được ?

Điểm trang Phi Yến nghĩ mà thương !

III. Sắc nước màn hoa cũng đắm say

Quân vương cười ngấm biết bao ngày.

Gió xuân tan hết niềm trường hận,

Hiên bắc Trầm Hương tựa chốn này.

Trong ba bài thơ, Lý Bạch đều có nhắc đến hoa.

Thơ hay đến như thế, giúp cuộc vui thêm phần lý thú. Thế tại sao, Lý Bạch lại bị đuổi ra khỏi cung ?

Bởi vì, sau khi tên gian thần, xiểm nịnh Cao Lục Sĩ vốn giận Lý về chuyện thay giày lúc trước mà ganh ghét, gièm pha họ Lý. Y đem ba bài thơ ra mà phân tích, vạch lá tìm sâu, rồi bảo rằng Lý Bạch đã dùng thơ để tán tỉnh Dương Quý Phi, lại còn đem so sánh Dương Quý Phi với Triệu Phi Yến là một con hát cung nhân đời Hán, xuất thân hạ tiện. Quý Phi nghe thế giận lắm, xúi vua đuổi Lý. Vua đọc đi đọc lại nhiều lần thấy họ Lý dám cả gan tán tỉnh vợ mình và, vì yêu mà mờ mắt, lú lờng, vua nghe theo.

Sang năm sau thì việc ấy xảy ra. Lý Bạch bắt bình và cầm phần cho cảnh ngộ! “ *Cát lăm hòn ngọc sáng, cỏ lán chồi hoa thơm* ”... *ngọc trắng nào có tội, ruồi xanh lại vu oan* ”. Từ đó ông rời Kinh đô đi vào cuộc đời giang hồ, lãnh tử, thoát khỏi “giảm danh, khóa lợi” để cho thơ tự do tung bay giữa đất trời bao la.

Nếu đem so sánh thì Thôi Hộ duyên phước hơn cả. Đường Minh Hoàng, vị vua phong lưu luôn được đổi danh hoa, yêu người đẹp, thưởng thơ hay, ba tuyệt phẩm nhân gian vua đều có đủ. Còn Lý Bạch, ông cũng có ba cái thú, đó là : “*Cầu Tiên phỏng đạo, ẩm tửu hàm ca và giao du sơn thủy*” tất cả thể hiện phần lớn trong thi ca của ông. Còn việc mê hoa, yêu người đẹp, đối với ông có cũng được, không cũng được, chẳng sao !

Cuối đời tương truyền rằng một hôm, ông uống rượu say đang đi thuyền thấy trăng đẹp bỗng cúi xuống bắt bóng trăng dưới nước nên ngã chết.. Người đời mền ông bèn xây bên sông Thái Thạch ở huyện Tang Đồ, một ngôi đình đặt tên là “*Tróc Nguyệt Đình*” (tức đình bắt trăng).

Rốt lại, hoa tàn, người chết chỉ còn lại có thơ là bất tử.

Hoa và người đẹp là nguồn cảm hứng, là chất xúc tác làm cho thi nhân có thơ hay. Thơ hay làm cho hoa và người đẹp muôn nghìn thu còn mãi với thời gian .

*Cảnh có hoa thơm, cảnh nổi danh,
Thêm giai nhân nữa, cảnh thêm tình
Có thơ khắc họa thêm hương sắc
Người đẹp cùng hoa thơ mãi xinh.*

Thái Tửu

Houston, Thái Sinh Tiểu Trang

Tham khảo :

Thi Nại Thị - *Giai phẩm Bình Định* 1973.

Đường Thi Tuyển Dịch của Lê Nguyễn Lưu. NXB Thuận Hóa - 2006.



LÊ KINH & VĂN MẪU
HOÀNG HÔN QUÊ TÔI

Cứ mỗi hoàng hôn lại nhớ nhà,
Trời chiều bảng lảng khói sương pha
Xứ người chạnh nhớ trời quê cũ,
Nung nấu trong lòng những xót xa.

Ai nhuộm hoàng- hôn tím sẫm mờ
Cảnh chiều mù- mịt tựa như mơ
Hương đồng cỏ nội loang bay tỏa,
Chiều vắng trông ai đáng thần thờ!

Lặng lặng thuyền nan một mái chèo,
Lao xao sóng vỗ nước vui reo
Vô tình lòng khách thêm xao xuyến
Sóng nước hoàng hôn lắm bọt bèo.

Đây đó nông phu lác đác về,
Trên đường trở lại xóm làng quê,
Sao hôm mờ tỏ giăng đây đó
Thấp thoáng ngoài xa đóm lập lòe.

Từng cánh chim trời lặn lẽ bay,
Về nơi tổ ấm sống bao ngày,
Hàng cau lặng đứng hương ngào ngạt,
Chờ đón trăng về thêm ngất ngây!

Mờ tối đường quê những tốp Trâu,
Về chuồng thơ thới nổi đuôi nhau,
Đường quê từng bước đi thong thả
Mặc bóng thời gian nhẹ lướt mau!

Những khói lam chiều đã bốc lên,
Làng quê trong cuộc sống êm đềm,
Gia đình đoàn tụ chờ cơm tối,
Thấp thoáng nhà ai thấp sáng đèn!

Từng mái nhà tranh lặng đứng im,
Làng quê chìm đắm bước vào đêm,
Bữa cơm đạm bạc cà, dưa muối,
Cuộc sống thanh bình mãi âm êm.



HẢI PHƯƠNG
CHÂN DUNG
MÙA XUÂN VÀ BIỂN

tóc xao vừa độ nắng hanh
gió hiu hiu đủ phiêu bông mái hiên
liềm trắng lục bát nghe thềm
trầm hương cỏ mượt môi em dậy thì
nét mày vẽ một đường thi
tuyệt chiêu em nước cờ đi qua thành
mềm môi cắn một lần ranh
nụ hôn vỡ vụn tan nhanh miếng sầu
thấp lòng tĩnh lặng trước sau
đường cong biển dội trộn màu chân dung
bổng dung lại bổng không dung
bổng dung bổng nữa lưng chừng nhớ em
mở trang vô tự ra xem
thấy trong lá biếc biển đêm dịu dàng



TRẦN BANG THẠCH

ĐEM THEO, NGÀY XA XỨ

Có một sự kiện hầu như bất di bất dịch từ nhiều năm nay: hai cây mai trước nhà nở đầy bông vào hạ tuần tháng Tư Tây mỗi năm. Dù bà Thuận có bón phân, tỉa cành, lật lá... có sẵn sóc thể nào đi nữa hai cây mai vẫn không nở rộ đúng vào dịp Tết Âm lịch mỗi năm như cây mai mẹ ở sân nhà thờ trước. Cũng là mấy cái hột từ cây mai ở quê nhà vậy mà nó cứ một mực nở trái mùa. Chắc mai cũng mang thân phận của người xa xứ, gởi thân nơi xứ người cho nên phải ít nhiều uốn nắn cách sống của mình cho phù hợp với hoàn cảnh xung quanh. Hay mai nở muộn để nhắc một ngày ngang trái nào đó đáng nhớ trong đời của ông bà chủ của mình? Mỗi lần nhìn hoa nở như hai trái cầu vàng bên ngoài khung cửa sổ trước nhà, các đóa hoa sáu cánh hai tầng vàng nghệ nhắc ông bà Thuận là ngày 30 tháng Tư lại sắp trở về. Không phải ông bà Thuận quên cái ngày này; ông bà nhớ lắm chứ, nhiều khi nhớ bất chợt, nhớ bất cứ vào ngày nào, tháng nào khi có một sự kiện nào đó liên quan tới ngày đau buồn này. Chẳng hạn như khi nhớ chuyện thằng con lớn ra

biển rồi biệt tích hay như chuyện giỗ quây mấy người bạn tù... là cái ngày 30 tháng Tư bất chợt hiện ra . Nhiều khi nghĩ tới cha mẹ, anh em... ông bà Thuận cũng lại nhớ tới ngày 30 tháng Tư. Thật là trở trêu khi cái hận của một ngày đen tối luồn lách vào nỗi nhớ và nỗi buồn của người ta. Như hạt cát chui vào chiếc giày, thật là khó chịu. Không có ngày oan nghiệt 30 tháng Tư thì đâu có các thảm cảnh này. Màu vàng của các hoa mai như hồi chuông gióng lên mỗi năm một lần trong trí nhớ ông bà Thuận.

Không phải chỉ hai cây mai nhắc ông bà Thuận ngày này. Từ cả tuần nay, các đài phát thanh và truyền hình Việt ngữ không ngớt nói về ngày 30 tháng Tư. Gặp các nhân vật thường hay sinh hoạt cộng đồng cũng nghe nói về các buổi hội họp, hội thảo, meet-tinh...nhân ngày kỷ niệm sắp đến. Những năm cuối thập niên bảy mươi và kéo dài cho tới đầu thập niên tám mươi, cái điệp khúc nghe hoài: “Hôm nay mình tụ họp ở đây, hẹn năm sau chúng ta cùng gặp nhau ở Sài Gòn, gặp nhau ở Sài Gòn, Sài Gòn, Sài Gòn!” phát ra từ cái micro trên tay các ông cộng đồng trên khán đài các buổi meet-tinh, lúc đầu thì cả một rừng người hưởng ứng, miệng hô to, tay đưa cao nắm đấm; dần dần những năm sau khí thế hình như hơi nguội. Điệp khúc này từ hơn chục năm nay có chiều hướng thay đổi, có lẽ vì “đường đi sao quá xa”. Người ta vẫn có những buổi hội họp mỗi năm. Hội họp lớn thì cả ngàn người với cờ xí, biểu ngữ trống kèn, ca hát; các bài diễn văn mỗi năm hình như có ít hơn, ngắn hơn và vắng bớt những kêu gào của thập niên đầu, thay vào là những đòi hỏi tự do nhân quyền, tự do tôn giáo... Và hình như những buổi tổ chức nếu muốn có thật đông người tham dự thì có lẽ phải có đông ca sĩ nổi tiếng từ thủ đô tị nạn Cali. Ca nhạc, xô số...nhiều năm có cả múa lân rình rang. Trước kia đâu có truyền thanh hay truyền hình Việt ngữ để đọc thông báo, thơ

mời, nhưng qua truyền miệng hay qua vài tờ báo Việt ngữ địa phương, dù cho không có lấy một ca sĩ nổi danh, người ta nô nức chờ và tham dự rất đông. Bây giờ các thông báo, thơ mời, hội thoại liên quan tới ngày 30 tháng Tư nghe hoài hằng bữa trên các đài. Có lẽ người ta nghĩ càng có nhiều người tham dự thì buổi tổ chức ngày quốc hận càng thành công và càng thêm ý nghĩa chăng? Hay cái hận này trong một số người đã mỗi một, cần thêm những liều thuốc để lên giây cót? Nếu vậy thì quả là không thể được. Niềm đau thấu trời xanh thì trăm năm vẫn còn; còn trong trí nhớ thì cũng vẫn còn đau.

Dầu gì thì cũng nên gặp nhau để nhắc nhớ một ngày đau buồn. Những buổi gặp gỡ nhỏ thì năm bảy chục, hay trăm ngoài. Người ta ngồi lại để cùng nhau kể chuyện, như chuyện giờ thứ 25 của Sài Gòn, hay chuyện vượt biên, rồi chuyện thành đạt của thể hệ thứ nhất, thứ một rưỡi, thứ hai... của cộng đồng mình nơi xứ này. Nếu có chen đôi chút chánh trị thì nói chuyện càng ngày càng có thêm các chánh quyền địa phương chấp nhận cờ vàng là lá cờ của cộng đồng tị nạn Việt Nam, hay chuyện các nhà tranh đấu cho quyền làm người ở Việt Nam đang sinh sống trong nước hay tại hải ngoại. Những chuyện nho nhỏ như vậy cũng đủ cho người ta sống những giờ phút buồn, vui trong ngày đáng nhớ của mỗi người tị nạn.

Sống nhiều năm tại hải ngoại, sau những năm tháng vất vả tạo dựng một nếp sống ổn định trên đất mới cho cả gia đình, ngày 30 tháng Tư vẫn còn đó nhưng có lẽ người ta càng ngày càng muốn biết những bí ẩn đằng sau cái chết tức tưởi của một chánh quyền đang lần lần được hé mở từ những hồ sơ đang được giải mật, từ những bài nghiên cứu, những trang hồi ký hay từ những nhân vật có thẩm quyền thời đó. Người ta cũng nhìn ngày 30 tháng Tư qua những bước đi càng ngày càng vững vàng của lớp con cháu trong dòng sống

của đất nước tạm dung này. Nhớ hồi năm ngoái, tại một trung tâm sinh hoạt người cao niên một cựu tướng lĩnh vùng 4 đã làm cho nhiều người rơi lệ khi nhắc tới ngày giờ cuối cùng của một quân đoàn thiện chiến Miền Tây. Súng đạn, lính tráng còn đủ, kế hoạch hành quân sẵn sàng nhưng cuối cùng thì cấp chỉ huy người tự sát, người vào tù, dân, quân tứ tán, nhà tan, cửa nát.

Hôm qua một bạn văn ở Melbourne, gửi qua email một bài thơ nhân ngày mà anh gọi là ngày nước mắt, nhà tan. Anh còn mở ngoặt, đóng ngoặt nói thêm: “mắt chó hồng phải mất, đất nước này còn giành lại sao mà mất được”. Điều này chắc có nhiều người cho là chí lý! Từ hồi nào tới giờ ông Thuận và một số bạn đâu có dễ dàng chấp nhận cái từ “mất nước” này. Dù có đúng đi nữa thì cũng không lòng dạ nào mà chấp nhận. Bị Tàu cai trị cả ngàn năm, xài cả chữ viết của họ, rồi bị đô hộ hết Nhật đến Tây cả trăm năm, nước mình cũng đâu có mất. Nước mình còn rành rành ra đó mà. Hồn thiêng sông núi vẫn chập chờn trên Hồng Lĩnh, Thất Sơn. Anh linh tiền nhân, khí phách anh hùng, liệt nữ vẫn trải dài trên sông Hồng, sông Cửu. Vẫn một dãy giang san gấm vóc hình chữ S bên bờ biển Đông. Mất là mất cái chánh quyền tự do dân chủ miền nam, khiến cho người dân miền nam cũng mất luôn tất cả những quyền căn bản của con người. Người ta chỉ tạm thời chiếm đoạt được cái ghế ngồi trong căn nhà quyền lực mà thôi. Họ ngồi đó mà thấy cửa nhà dần dần mục nát, người bỏ nhà đi tứ tán, người còn lại thì lòng bất an, tâm bất phục, sống với hy vọng đổi đời. Kẻ chiếm quyền chủ nhà ngồi trên cái ghế một chân thì làm sao mà bền cho được.

Gia đình ông bà Thuận cũng là người từ căn nhà bị chiếm đoạt ấy mà ra đi. Không đi quá sớm như nhiều người lên máy bay hay lên mẩu hạm, cũng không quá trễ như hàng

trăm hàng ngàn cựu tù nhân chánh trị, nhưng thời gian gần ba mươi năm đủ để ông bà Thuận nhận biết những mất, những được và những còn trong gia đình ông bà.

Nhớ ngày chuẩn bị ra đi, ông Thuận tìm những khai sanh, hôn thú, bằng cấp đủ cỡ đủ hạng, và đào bới từ cháy nhà, góc bếp chứng chỉ tại ngũ, chứng minh thư, giấy khen, huân chương, quân hàm. Tất cả bỏ vào một túi ny-lông rồi ép kín miệng lại. Ông hy vọng những thứ này sẽ rất hữu ích nếu ông có may mắn vào một đất nước tự do, nhất là vào được nước Mỹ, một đồng minh cũ của nước ông. Vô hình chung ông gởi niềm hy vọng lớn vào một cái túi nhỏ chỉ bằng bàn tay. Vậy mà từ khi trải qua nhiều cuộc phỏng vấn ở trại tị nạn cho đến khi đặt chân lên nước Mỹ và khi làm thủ tục thi quốc tịch, ông bà Thuận chưa khi nào buộc phải xuất trình những thứ giấy tờ cá nhân này. Nhiều khi ông Thuận tự hỏi không biết người ta nghe nhưng có tin lời mình hay không: ông muốn xòe tờ giấy trước mặt họ để chứng tỏ mình khai thật. Ông điền đơn thể nào thì người ta biết lý lịch mình như vậy. Kể cả cái Chứng chỉ tại ngũ hay hai cái bằng cấp đại học ông cũng không cần trưng ra, làm như CIA đã nắm hết lý lịch và hồ sơ cá nhân của ông không bằng! Lâu dần ông mới biết người ta mướn ông và giữ chân ông lâu hay mau là do khả năng thật sự của ông. Bây giờ sắp hưu trí, nghĩ lại gần 30 năm làm việc cho một công ty duy nhất quả là một thời gian dài, nghĩ tới mà giựt mình. Các đồng nghiệp trong sở ai nghe qua cái thâm niên này cũng thề lười thán phục. Có người trầm trồ: Làm một công việc mỗi ngày trong suốt ba mươi năm, quả là superman! Có gì lạ đâu: lạc nghiệp để được an cư mà; đại gì làm cái con job hopper như nhiều người khác, nhảy hoài cũng có ngày lợi tay, què cẳng, có khi còn là homeless chớ chẳng phải chơi! Ăn chắc mặc bền mà hay. Đoạn đường dài đi làm mỗi ngày ông Thuận đã chứng

kiến nhiều thay đổi trong một thành phố đổi thay từng giờ, từng phút. Ông cũng thấy tâm trạng mình cũng có nhiều đổi thay. Người Mỹ chia loại nhân viên thành white collars và blue collars. Không phải là điều dễ dàng khi ông Thuận vốn là một cổ trắng từ bên nhà đang trở thành một cổ xanh tại hãng xương này. Sa vào hoàn cảnh này, tư tưởng ông Thuận chạy nhảy lung tung lắm. Mặc cảm này nọ cũng không thiếu. Chữ nghĩa, quyền lực ngày nào của ông chạy đi đâu hết rồi. Xếp của ông bây giờ là những con người cục cằn, thô lỗ, dốt nát đó sao? Ta ơi, hãy nuốt vào, nuốt vào đi, nuốt vào đi ta những hào quang cũ, nuốt vào đi ta những chén đắng nghẹn ngào này. Ông Thuận đã thật lực cố hết sức mình để đôi tay, đôi chân thành thạo với cái búa lon, đinh ốc, với máy móc, búa kềm. Tâm trạng của ông cũng phải uốn cho nó đi song song nhuần nhuyễn với đôi tay đôi chân. Những năm đầu, ông Thuận đã đem theo ông con người Việt Nam Cổ Trắng để đặt vào giữa trung tâm của thế giới Mỹ Mề Cổ Xanh, và phải làm như họ; nhiều khi ông muốn tập nói như họ, có khi tập nghĩ như họ để gọi là hòa đồng cho dễ làm lụng với nhau. Uốn nắn tay chân thì cố gắng vài tuần hay một tháng cũng làm được; vả lại công việc cũng không nặng nhọc gì so với việc đào kinh đắp đê trên cánh đồng xã nghĩa sau tháng Tư đen; nhưng tập cách nói, cách nghĩ như họ thì quả là khó. May mắn cho ông, cái khó này chưa làm được thì ông nhận rằng có lẽ không cần thiết khi ông đã chân cứng, đá mềm với công việc quen tay hàng ngày. Ông lao động còn hơn bao nhiêu đồng nghiệp khác nhờ ông siêng năng, chịu khó, tháo vát và làm việc có sáng kiến. Mấy đợt sa thải cộng chung cả mấy trăm mà ông Thuận đã không hề hấn gì mà lại còn leo lên từng bậc thang nghề nghiệp. Nhiều ông xếp cũng lần lượt ra đi, bây giờ nếu muốn kể lại tên của họ, ông Thuận cũng không nhớ hết. Gần ba mươi năm bộ mặt của công ty và cả

cái tên công ty đã đổi thay mấy lần, ông Thuận vẫn vừa là cái bánh xe trong cỗ máy, vừa là người đứng nhìn các bánh xe đang lăn. Ông Thuận cũng lần lần hiểu rằng nhờ tay nghề của một cỗ xanh mà ông còn được giữ lại và có lẽ nhờ không ăn nói tục tằng trây trúa mà ông giữ được một chút con người cỗ trắng của mình. Rõ ràng là mình nên học cái tốt mà không học cái thói quen xấu. Vừa giữ được nồi com, vừa giữ được cái vốn quý nhân cách trong con người của mình.

Nước mất, nhà tan. Phải. Đêm từ biệt cha mẹ và anh em ra đi, nước mắt của những người ở lại đã đi theo gia đình ông mấy chục năm nay, nước mắt của ông một phần đã để lại bên sông quê nhà, một phần ông đã mang theo cho tới bây giờ. Có một cái ông Thuận đã mang theo cho đến nay đã gần hết cuộc đời, không phải cái túi ny-lông đựng bằng cấp, đựng quân hàm, mà đó là nhân cách của một người tị nạn chánh trị Việt Nam. Điều này lúc ra đi ông Thuận không hề nghĩ tới, vậy mà hôm nay nó là vật tùy thân quý giá. Nó làm cho ông dù không ngẩng cao đầu nhưng chưa phải cúi gằm trước mọi người. May là ông không đánh mất trong dòng đời xuôi ngược tại xứ người.

Còn bà Thuận thì đơn giản hơn ông. Ngày ra đi bà không có gì nhiều để mang theo. Ngoài con người nội trợ đảm đang có sẵn từ thời con gái đến người vợ rồi người mẹ hết dạ lo cho chồng con, ngoài những vật dụng, áo quần cần thiết cho cả nhà, bà Thuận đem theo mấy hột giống rau cỏ, hoa trái từ vườn nhà. Hột ổi, hột cam, hột ngò gai, hột quế, hột bầu, hột bí... đặc biệt là mấy hột mai sáu cánh, hai từng. Mấy hột mai này bà cất giữ từ cây mai ông Thuận đã trồng trước sân nhà để kỷ niệm cái tết đầu tiên của vợ khi về làm dâu nhà chồng. Đặt chân tới Mỹ, sau vài tháng ổn định, bà Thuận đã đi làm ngay cho một cửa hàng bán thực phẩm. Vốn là người siêng năng, tháo vát bà Thuận không thấy khó khăn

gì đối với công việc buôn bán hàng ngày. Bà cũng không có cái mặc cảm cổ xanh, cổ trắng gì như ông chồng nên bà như người bơi xuồng, cứ cho xuồng ra giữa dòng rồi bơi, nước trong, nước đục, nước lớn nước ròng gì bà cũng đâu có quan tâm; miễn sao mỗi chiều về nhà bà nấu một bữa cơm ngon để cả nhà ngồi ăn, vừa nghe chuyện chồng con, vừa nhìn hạnh phúc của mình trong căn nhà nhỏ. Về sau, những bữa ăn không đủ mặt các con, có đứa này thì vắng đứa kia, nhưng những thành tích học tập và tánh tình của các con cũng đã phần nào làm cho hạnh phúc gia đình bà vẫn luôn có mặt.

Không biết có phải vì lúc ra đi bà Thuận đã vô tình đem theo một nội tướng tài ba trung thành, hẩn tiềm ẩn trong cái dáng vấp nhỏ nhắn của bà mà gia đình vợ chồng bà từ lâu đã thành một tổ ấm giữa xứ người, có ngăn có nắp, có trên có dưới, có tình có nghĩa, có thành có đạt. Cũng có thể là do cái khuôn mẫu của một gia đình nề nếp đã theo ông bà Thuận vượt biên tới đây.

Nói gì thì nói, ngoài con người nội tướng của vợ mà ông đã biết từ lâu, ông Thuận phục sát đất bà vợ của mình đã rất “hiện thực chủ nghĩa” khi bước xuống ghe đem theo gói hột giống. Chỉ một gói giấy nhỏ nằm gọn trong túi áo bà ba mà từ nhiều năm nay khu vườn rau trái sau nhà luôn luôn có mặt, để cả nhà nhìn nó như nhìn một góc sân quê nhà, để có hoài hương vị vườn nhà trong các bữa ăn. Đặc biệt là hai cây mai hai từng, sáu cánh trở bông vàng nghệ vào khoảng cuối tháng Tư hàng năm. Rõ ràng, ngoài bao nhiêu thứ khác, người vợ yêu quý của ông vào phút cuối đã đem theo kỷ niệm của vợ chồng ông. Bốn mươi năm trước, người rể mới đã âu yếm trồng cây mai tặng cô dâu mới để kỷ niệm ngày bắt đầu của một hạnh phúc. Vợ ông thích loại mai này khi ông bà chưa cưới nhau. Bông mai có hai từng như cái bông sen, mỗi từng 6 cánh; từng dưới nâng đỡ từng trên như chồng nâng đỡ

vợ, cho nên mai được đặt tên là mai phu thê. Một lần, nhìn mai, ông Thuận nói với vợ: Chúng ta phải có một lối con như 12 cánh mai vàng hực này!Bây giờ, bốn mươi năm sau, một cây mai mẹ ở quê nhà nay đã thành hai cây mai lưu vong đầy bông vàng nghệ, vẫn 6 cánh dưới mạnh mẽ nâng 6 cánh trên. 12 cánh mai như đàn con 12 đứ chạy lúo súp dưới chân cha mẹ. Phải chăng đó là hạnh phúc đã nhân đôi, nghĩa phu thê đã chói lòa hào quang rực rỡ? Ở chân trời góc biển nào thì kỷ niệm vẫn đi theo, hạnh phúc vẫn có mặt khi người ta biết trân quý, giữ gìn nó.

Hàng năm mỗi lần Tết đến, ông bà Thuận ước chi hai cây mai nở đầy trước mắt như ngày xưa ở quê nhà hai người nhìn mai đón Tết, nhìn mai rồi kín đáo nhìn nhau để nhớ cái thuở ban đầu. Nhớ trọn vẹn. Vui trọn vẹn. Nhiều năm nay ông bà Thuận cũng có dịp nhìn mai nở rộ trái mùa mỗi năm để nhớ ngày cưới của mình và sống với kỷ niệm. Nhưng thật là lạ lùng, đâu có ai bỏ túi hay lộn lưng ngày Tháng Tư Đen oan nghiệt, đáng ghét ấy, cứ sao nó cứ đi theo bước chân hai người để chen vào các đóa hoa mai kỷ niệm của vợ chồng, để hai người vừa sống với kỷ niệm riêng, vừa nhớ, vừa đau nỗi đau chung của dân tộc.

Lịch sử thật là oái oăm sanh làm chi cái ngày Tháng Tư Đen để nước mắt, nhà tan; lại còn khiến cho cây mai dù đã lưu vong vẫn phải ép bụng nở hoa trái mùa! Thương cho hoa mà cũng thương cho mình!

Trần Bang Thạch



NGÔ TỊNH YÊN
RỜI ĐÁ HAY TÔI
CÓ KHÁC GÌ

Rời đá hay tôi có khác gì?
Ngày mai tôi hoá đá
Cần gì hoa nở không?
Rời đây thành kẻ lạ,
Đừng đợi đá đơm bông.
Ngày mai đừng đến đừng miễn cưỡng,
Khi đã yêu mấy núi cũng trào,
Còn không yêu thì dù một hướng
Cũng chẳng thể nào với trông theo.
Ngày mai tôi thành đá,
Lặng nhìn những đổi thay,
Hay làm người vô cảm,
Cám ơn thế giới này.
Ngày mai đừng nhớ đừng ghi khắc,
Phút giây hạnh ngộ có là chi?
Vì đá nhiều khi không cảm giác
Nên đá và tôi có khác gì...
Ngày mai tôi là đá,
Thiền định những vô tri,
Hoặc là cây thánh giá,
Xin rửa tội tình si.



LAN CAO
TÌNH MẸ CHA

MẸ

Nàng vừa Mẹ lại vừa Em
Mẹ đàn con trẻ và Em một đời
Ngọt ngào mật nắng trên môi
Nụ hôn thiên chức, ru đời tình yêu

CHA

Anh là Cha cũng là Chồng
Là Anh là Bố mặn nồng duyên thơ
Mưa đêm rải xuống ước mơ
mắt môi yêu trẻ, tim khờ yêu em.



PHẠM TƯƠNG NHƯ

***Luu Nguyễn Từ Thức:
Thơ như nổi đau trên da thịt Quê Hương***

Tháng tám trời Houston đang vào Hè rực rỡ những màu hoa myrtle trắng, hồng, đỏ khắp các nẻo đường. Nhiều dữ kiện nóng bỏng trên thế giới và Việt Nam đang xảy ra gây hoang man trong lòng người Việt tỵ nạn Cộng sản. Đầu tháng tám, trụ sở Cộng Đồng Người Việt Quốc gia tiếp đón nhóm diễn giả Việt- Học đến từ San Jose, thuyết trình đề tài "Năm mươi ngàn năm Việt Tộc", nữ diễn giả Vĩnh Thanh Thảo với giọng hát cao vút, mạnh mẽ kể lại sự tích cội nguồn Rồng Tiên của dân tộc Việt. Tôi giật mình khi biết bài hát phổ từ thơ Luu Nguyễn Từ Thức, mặc dù tôi đã được đọc bài thơ "Tìm Lại Cội Nguồn" từ lâu lắm.

"Thuở nước non đắm chìm bão lửa . Năm mươi con theo cha ra khơi . Cha Lạc Long lòng đau quặn thắt. Nhìn đàn con thất tán muôn nơi.' * Người thơ Luu Nguyễn Từ Thức rất hãnh diện là dân Việt với tinh thần đoàn kết "Hội nghị Diên Hồng", từng chiến thắng giặc thù phương Bắc qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần cho nên: "Mẹ Âu Cơ ngóng đợi đàn con. Đàn con yêu tìm lại cội nguồn. chấp cánh bay tìm về tổ Lạc. Đem trí nhân đập lửa bạo tàn". Và " Bọc trăm con rạng giống Tiên Rồng. Bốn biển năm châu vùng thái cực. Muôn năm nước Việt rực trời Đông." (Tìm lại cội nguồn)*. Phải chăng vùng thái cực người Việt tỵ nạn Cộng sản đang ở khắp năm châu, với tinh thần hiếu học, chăm chỉ, mau thích nghi hoàn cảnh, là ngọn đuốc sáng rực trời Đông? Nếu truyền thuyết Âu Lạc là huyền thoại thì Tiến sĩ Nguyễn Minh Triết, tên khai sinh của LNTT, còn kể chúng ta nghe "Chuyện Thánh Gióng" như là sách lược chống giặc Ân của vua Hùng. Anh viết rất nhiều bài biên khảo giá trị khác, nhưng tôi mê nhất là những tìm tòi tâm lý và đời sống của những nhà thơ Việt Nam cận

đại mà “Bệnh của hồn và thơ Hàn Mặc Tử” cũng như những chặn đời điên mê trong thơ Bùi Giáng là những rung cảm từ tim óc của người làm thơ với người thơ, của mưa hiều mây, của cây hiều lá.

Từ lâu lắm tôi quen biết Nhà thơ Lưu Nguyễn Từ Thức qua những bài thơ đăng tải trên các tập san, tạp chí, CD thơ diễn ngâm, thơ anh như tiếng rao quanh quẽ từ tâm thức của bậc tri thức trước cảnh quốc biến, gia vong. Thơ muốn khơi dậy niềm tự hào dân tộc. Đường thơ đi soi sáng bước chân Tiên tổ giống nòi. Có lẽ từ sâu thẳm tâm hồn anh luôn nghĩ về quê hương và dân tộc nên dù anh đang đi đâu, làm gì, anh cũng quay quắt... nhớ nhà! Nếu bảo khách ly hương luôn mang theo một chút quê nhà thì với người thơ LNTT, anh mang luôn tình hình đất nước, nỗi thống khổ của nhân dân mình, dù là người ở lại hay người vượt biển, vượt biên. Thử tưởng tượng chúng ta đang nghỉ hè trên du thuyền, bạn sẽ làm gì? Ăn uống? Xem show? Bài bạc chút chút?

Người thơ LNTT có khác chúng ta. Anh nhìn vào đêm đen, mưa gió, sóng gào để đau đớn cùng “người di tản buồn”:

"Bao người liều mạng tìm đường sống. Hơn chôn đời giữa chốn cùm gông. Triệu người đi, bao người tới bến? Và kinh hoàng hơn nữa: " Xa xa trên sóng như phảng phất. Bóng dáng oan khiên những con thuyền. Tiếng cười hải tặc- Hồn trinh nữ. Khóc cùng dân tộc mãi truân chuyên" (đêm Cacribbean...)*

Có lần tôi đến văn phòng của phu nhân nhà thơ LNTT, được Chị biểu CD thơ diễn ngâm của anh. Tôi ngâm nga mấy câu thơ tình chín muồi và ngọt lịm ngôn từ của chàng khiến nàng rất đổi ngạc nhiên và hỏi “Sao anh nhớ, mà thơ buồn quá phải không anh?” “Vâng! Làm sao cho khỏi chạnh lòng khi kỷ vãng đã là một đời khác đầy tiếc nuối. Thưa Chị!”. Ta hãy nghe “Thoáng Sài Gòn” của chàng cựu sinh viên trường luật “Nhớ chốn xưa một thời hoa mộng. Tiếng mưa rơi khơi dậy trời mơ. Thoáng Sài Gòn chan chứa tình thơ. Trời quá khứ tràn đầy tâm tưởng” và “Thoáng Sài Gòn sân trường đại học. Nụ hôn đầu tha thiết trao nhau...”* Sài Gòn dù đổi chủ thay tên, nhưng lá me vẫn bay qua chiều kỷ niệm, nắng gió vẫn chờ tà áo nữ sinh nên ngần

nhớ của người thơ vẫn còn nguyên khung rêu của thời tóc áo ủ hương. “Thoáng Sài Gòn trầm tư khắc khoải. Biển nhớ sông thương chảy về nguồn” (Thoáng Sài Gòn)*. Chảy về nguồn hay trôi mãi về xa? Mưa Houston với đời sống cơm áo gạo tiền có làm

người nhớ mưa Sài Gòn một thời Đại Học. Hay xa hơn nữa, thuở mới biết viết lách, yêu đương, nhận ra nét đẹp của quê hương. “Thành phố xưa mưa nhớ mưa thương. Đời cô lữ dậm trường mưa lữ. Mưa quê nhà hồn mãi còn vương”*. Mưa làm nón lá che nghiêng. Mưa làm ướt cả hàng hiên ai chờ. Mưa nằm cuộn kén mộng mơ. Mưa rơi ướt dột vầng thơ nhớ người... Quả vậy! Thơ LNTT là hơi thở của phổi, máu chảy của tim nên vần điệu giao hòa tuyệt bích, cảm xúc rất thực, rất đời: “Mưa Sài Gòn còn thương còn nhớ. Mưa Houston chẳng đợi chẳng chờ. Mưa ơi cho đến bao giờ. Ta tìm lại được trời thơ thuở nào” (Mưa Houston nhớ mưa Sài Gòn)*.

Người thơ LNTT tốt nghiệp Luật, Cao học hành chánh trước khi vào Thủ Đức. Anh du học Hoa kỳ, đậu Tiến sĩ điện toán và trở thành người tỵ nạn bất đắc dĩ. Những trải nghiệm đời sống phong phú và sự bén nhạy tâm tưởng, ngôn ngữ làm nên bố cục tròn đầy cho thơ anh. Trong khi kiến thức phổ thông giúp anh hoàn tất những biên khảo giá trị thì nỗi nhớ quê hương đưa anh về lại bên sông xưa, khu vườn cũ, cánh đồng biếc cỏ, lúa chín vàng miền sông nước phù sa. “Những đêm một mình thơ thần. Trong ánh đom đóm lập lờ. Nhà ai đèn dầu hiu hắt. Nhặt nhòa sau mấy hàng tre”*. Nỗi nhớ đã trở thành niềm riêng, chảy mãi trong dòng sông ký ức, khiến nhà thơ phải thở dài: “Tất cả giờ là dĩ vãng. Bơ vơ lạc lõng xứ người. Những chiều quê xưa thân ái. Vương vương giữa giấc mộng dài” (Những chiều quê xưa)*.

Nếu thơ tình của LNTT buồn như con nước lững lờ chảy qua bến nhớ thì thơ đấu tranh của anh là ngọn lửa hồng trui rèn sắt thép thành gươm. Lửa sáng rực Gò Đống Đa. Lửa âm ỉ rừng núi Mê Linh. Lửa cháy trên cọc nhọn Bạch Đằng giang: “Lửa reo vui. Giọt nước mắt bồi hồi. Trên má Mẹ một đời khô lụy. lửa đang dâng khí thế. Tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại. Quyết lên đường. Làm lại lịch sử quê hương” Ôi! Lửa! Lửa! Lửa đã bùng khắp bốn đại dương. (Lửa cho quê hương)*

Nhiều lần đi biểu tình, đêm thấp nển ở Houston, chúng ta thường gặp anh và phu nhân trong đám đông. LNTT không tham dự chỉ để góp mặt hay xoa dịu lòng mình. Anh để lửa của quần chúng, ánh sáng lập lờ ngọn nến đấu tranh thành “những bước chân Việt Nam.” Bước chân từng băng biển, vượt rừng tìm Tự Do.

Bước chân đi dựng cờ khi “sơn hà nguy biến” Những bước chân đi dập dồn như sóng.... Những bước chân đi giữa rừng biển ngừ. Miệng hô to lời đối kháng giặc thù. Niềm vui rộn ràng trong lồng ngực. Tuổi trẻ này sẽ sống mãi muôn thu”* Bước chân tuổi trẻ lên đường xây dựng tương lai dân tộc. Bước tới ào ào như “Tiếng sóng biển Đông” “Sáng nay, đi giữa những nẻo đường Houston. Mà nghe lòng dậy sóng. Sóng Bạch Đằng vang dội buồn tim”*

Tiếng sóng biển Đông vang vang “Tiếng ca lịch sử Việt Khang” “Tiếng em hát mang đây sức sống. Vượt trùng dương vang vọng muôn phương. Nghe em hát bao tim vô cảm. Bồng đảm đà tình yêu quê hương. Tiếng em hát lời kêu của Mẹ. Con dân Việt hợp sức chung lòng. Việt Khang ơi, tiếng ca lịch sử. Việt Khang ơi, xứng danh Tiên Rồng!* Trên đầu sóng bạc quanh vùng hải đảo Hoàng Sa, Trường Sa như còn tiếng kèn thúc quân. Còn lập lờ ngọn nến ghi ơn những chiến sĩ Hải Quân can trường, quyết đem máu xương để bảo vệ lãnh hải”...Toàn vẹn biên cương niềm kiêu hãnh. Lịch sử ngàn năm giữ nước nhà. Hải đảo sóng xô cơn ầm lạnh. Vang vang pháo lệnh Ngụy Văn Thà!”

Cõi thơ LNTT đầy sắc màu, đánh động được trực giác, tâm thức, làm trần trở nổi lòng khách đọc Người đọc cảm được ngôn từ phong phú, vần điệu mang âm hưởng thơ nhạc, để dễ dàng trở thành tri kỷ. Thơ anh như tấm gương mờ ẩn hiện góc đời quá khứ của mỗi chúng ta, có khi thật trầm lắng như người đã mất trắng quê hương, có khi sôi nổi, bùng lên sức sống muốn đòi lại những gì tiền nhân đã xây dựng. Một đàng êm ả như con suối nhỏ, cánh đồng xanh. Một đàng sỏi đá, man man thiên cổ núi rừng. Vậy mà khi kết lại thành tranh chúng ta thấy có bóng chính mình trong từng gam màu sắc.

Cám ơn tiếng thơ riêng của LNTT đã phối âm thành bản nhạc " Bi Hùng" chung cho tất cả con dân Việt, hát để đồng cảm, nung đúc ý chí quật cường và tìm lại chính mình trong dòng máu bất khuất của Tiên Nhân.

Phạm Tương Như

TTK/VBNHK. Hè 2014

**Chữ nghiêng là thơ LNTT*



PHẠM CAO HOÀNG
THƯƠNG EM
VÀ NHỮNG CON ĐƯỜNG...

...

Đến 3 giờ chiều thì ca mổ xương chậu hoàn tất và hai tiếng sau đó họ đưa tôi vào phòng hồi sức gặp Cúc Hoa. Tôi bước vào, nhìn thấy Cúc Hoa. Mặt Cúc Hoa hơi sưng và có một vết bầm nhỏ trên mũi, còn chân trái thì băng kín mít. Cúc Hoa mở mắt nhìn tôi, không nói gì, rồi hai dòng nước mắt từ từ lăn trên má. Khuôn mặt và đôi mắt của Cúc Hoa buồn một cách lạ lùng. Suốt đời tôi, tôi sẽ không bao giờ quên khuôn mặt Cúc Hoa và những giọt nước mắt ấy. Khuôn mặt của sự chịu đựng một đời gian khó cùng những giọt nước mắt của hạnh phúc xen lẫn khổ đau.

Chúng tôi yêu nhau thời chiến tranh, cưới nhau lúc hòa bình, cuộc sống triền miên vất vả, và bây giờ Cúc Hoa phải chịu những đòn đau ghê gớm về thân xác trong những ngày lưu lạc ở xứ người. Tôi tự hỏi tại sao không phải là tôi mà lại là Cúc Hoa. Tôi cũng không ngờ có một ngày Cúc Hoa phải rơi vào một hoàn cảnh như thế này vì Cúc Hoa vốn là người lái xe rất cẩn thận.

Đêm đó ai cũng muốn ở lại trong bệnh viện với Cúc Hoa nhưng họ chỉ cho phép một người. Tôi nói các con cứ về đi làm bình thường, còn tôi sẽ là người ở lại. Trong những giờ phút khó khăn nhất của Cúc Hoa, tôi cần phải có mặt bên nàng.

Cúc Hoa nằm đó, trên giường bệnh, lặng lẽ, hơi thở mệt nhọc. Tôi ngồi bên cạnh, nghĩ lan man đủ thứ chuyện, nhớ mênh mang đoạn đường đời mà hai chúng tôi đã đi qua. Chúng tôi quen nhau trong một đêm thơ nhạc do nhóm bạn Phan Bá Chúc, Nguyễn Ngọc Phong, Trần Minh Triều, Nguyễn Khắc Nhượng và Nguyễn Hiền Tiên phối hợp với Lê Uyên Phương tổ chức ở quán Lục Huyền Cầm, Đà Lạt. Thuở ấy tôi mê thơ và nhạc hơn bất cứ thứ gì trên cõi đời này. Tôi là một con ngựa hoang chỉ thích rong ruổi lang thang đây đó. Khi quen Cúc Hoa, mọi thứ bắt đầu thay đổi, và tôi biết đã đến lúc tôi cần phải dừng bước giang hồ. Cúc Hoa đến với tôi nhẹ nhàng, nồng nàn, và vô cùng lãng mạn.

Thế hệ chúng tôi, mà Trần Hoài Thư gọi là “thế hệ chiến tranh”, là một thế hệ không may mắn. Thời chiến tranh thì sống trong chết chóc, lo âu, sợ hãi. Khi hòa bình thì sống trong cơ cực, khó khăn. Sự nhẹ nhàng, nồng nàn, và lãng mạn của Cúc Hoa đã giúp tôi vượt qua những khó khăn nhiều lúc tưởng chừng như không vượt qua nổi.

Cúc Hoa nằm đó, trong nỗi đớn đau của thân xác.

*thương em ngày nắng Tuy Hòa
chiều mưa Đức Trọng sáng Đà Lạt sương
thương em và những con đường
một thời tôi đã cùng em đi về
bây giờ lạ đất lạ quê
bước chân phiêu bạt biết về nơi đâu
thương em nắng dãi mưa dầm
đau cùng tôi với nỗi đau riêng mình
chia cùng tôi một chút tình
của ngàn năm trước và nghìn năm sau*

Cúc Hoa nằm đó, vẫn khuôn mặt thánh thiện nhưng có hằn lên những nét khổ đau. Một đời Cúc Hoa hết tình hết nghĩa

với tôi và các con. Tôi cầu mong sao vết thương không nặng lắm để Cúc Hoa có thể vượt qua tai ách này.

Đến gần nửa đêm, Cúc Hoa tỉnh thuốc mê và đã có thể gượng nói chuyện với tôi.

- Em có nhớ mọi việc xảy ra như thế nào không?
- Em chỉ nhớ là mình lái xe chạy trên đường Westfields, qua khỏi buro điện thì không biết gì nữa.
- Em thấy trong người thế nào?
- Đau nhức và ê ẩm khắp người. Em bị thương có nặng không anh?
- Chân trái em bị rạn hai chỗ. Chiều nay họ đã mổ và chỉnh sửa phần bị rạn ở xương chậu.
- Chùng nào họ mổ chỗ còn lại?
- Họ nói phải theo dõi sự hồi phục và sức chịu đựng của em rồi mới tính tiếp.
- Liệu sau này chân em có bị tật hay không?
- Không đâu em.

Tôi nói để Cúc Hoa an tâm chứ thật ra chỉ có trời mới biết rồi đây Cúc Hoa sẽ như thế nào.

Cúc Hoa trầm ngâm, im lặng hồi lâu.

- Em đang nghĩ gì?
- Em buồn quá . Hết chuyện này đến chuyện khác. Muốn yên mà vẫn không yên.
- Em cứ bình tĩnh, mọi việc rồi cũng sẽ ổn thôi.
- Em nhớ Đà Lạt. Mai một lành bệnh anh đi với em về Đà Lạt anh nhé.
- Ừ, anh sẽ đi với em. Sao em lại nghĩ về Đà Lạt trong lúc này?.
- Thật ra, không phải lúc này, mà lúc nào em cũng nghĩ về Đà Lạt. Em tìm thấy sự bình yên ở đó.
- Anh cũng nghĩ như em.

....



QUAN DUONG

MƯA THÁNG BẢY NỖI NIỀM

Nụ hoa nằm ngửa đợi chờ
Cành cây ngái ngủ cũng vừa lao xao
Giọt gù rớt giống giọt ngâu
Hình như tháng bảy trên đầu thả mưa

Quá giang hạt nước tôi về
Nơi hiên xưa mở hồn che tóc người
Tiện tay cài nút áo thôi
Đâu ngờ cột phải góc trời vào nhau

Chiến tranh lợi núi vượt đồi
Tôi biên biệt để một đời nhớ thương
Sa cơ đứt gánh nửa đường
vùi trong mưa bụi hạt vương nhạt màu

Hoa xưa mưa ngậm nát nhàu
Nhánh cây xưa lã đọt sâu tưởng quên
Mỗi năm tháng bảy phía trên
Tôi đi phía dưới cạnh bên nỗi niềm



HOÀNG ÁNH NGUYỆT
CẢM THÔNG

Trăm năm ủ mộng bên trời
Công hầu rũ áo... chợ đời lỡ duyên
Tội tù... đành lỗi ước nguyên
Ngàn năm mãi nguyện giữ nguyên lời thề

Dù xa mấy dặm sơn khê
Tắm lòng ưu ái hăng về cố hương
Hồn mơ giây phút tương phùng
Bên em... trang trái tận cùng... đam mê

Nửa vòng trái đất... xa quê
Nhìn trắng viễn xứ... bốn bề quanh hiu
Niềm riêng gửi mộng vào chiều
Vần thơ định mệnh cuốn theo biển đời

Những trang sâu hận của người
Khiến cho... một kẻ bụi ngùi cảm thông
Xin người tha lỗi... phiêu bồng
Cho thơ nhẹ cánh chín tầng trời cao...

Hồ Khắc Thiệu
Cho người
tĩnh nhỏ



Hương thơm
ngào ngọt tóc mây
Tóc mây em xỏa
gió lùa phát bay
Đêm thương,
thương nhớ phút giây
Mì cay dầu lè
từng ngày buốt đau
Là thương gọi nhớ
giọt sầu
Trái ngang ngăn cách
lối cầu chung đường
Bao lần muốn hỏi người thương
Trăng khuya thăm gọi
vấn vương vấn chờ ?!
Ngày đi anh cũng ngăn ngợ
Tĩnh không biên giới
bên bờ khổ đau
Nửa vầng trăng khuyết về đâu
Nửa vầng che khuất nỗi sầu riêng anh.



PHẠM TÍN AN NINH
BÀ DÒNG NƯỚC MẮT

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhận được thư Bình, thằng bạn thân tình từ thời nổi khổ. Nó là đứa cuối cùng trong đám bọn tôi rời xa đất nước, vừa mới được sang định cư bên Mỹ theo diện HO 31. Lá thư chỉ vồn vện mấy dòng:

"Tao đã đến Mỹ vừa đúng hai tuần. Ở đây ồn ào và ngọt ngào quá, tao muốn tìm một chỗ bình yên. Mày có cách nào giúp tao sang Bắc Âu với mày. Bởi tao nghe mày kể bên ấy dù có buồn và mùa đông khá lạnh, nhưng cuộc sống yên bình, thích hợp cho những người cần một nơi để chữa trị những vết thương khó lành được trong lòng.

Tao đang có nhiều vết thương, và cũng đang có nhiều điều rối ren không giải quyết được. Rồi có dịp tao sẽ tâm tình với mày sau. Bây giờ, bằng mọi cách mày giúp tao sang đó với mày. Càng sớm càng tốt.."

Hơn một tháng trước, Định đã báo cho tôi biết việc Bình sẽ sang Mỹ. Nó đã phụ giúp vợ Bình sẵn sàng tất cả mọi thứ để đón Bình. Định còn bảo khi nào Bình đến Mỹ rồi, nó sẽ báo để tôi sang thăm. Ba thằng gặp lại, tha hồ mà kể chuyện xưa. Vậy sao bây giờ vừa mới đoàn tụ vợ con, Bình lại muốn sang Bắc Âu với tôi, một nơi xa tít mịt mùng ?

Gọi điện thoại cho vợ Bình và Định nhiều lần, nhưng không ai bốc máy. Hôm sau tôi vào sở xin lấy trước một tuần hè, và đặt vé máy bay sang Mỹ.

Bọn tôi là ba thằng bạn thân từ những ngày mới lớn. Cùng học một lớp ở trường làng, rồi lên trường huyện. Điều đặc biệt là tên của ba thằng đều có vần "inh". Trong lớp bạn bè thường gọi bọn tôi là Ninh-Bình-Định, mặc dù cả ba thằng chưa hề biết quê quán của Quang Trung đại đế, cái nơi nổi tiếng "con gái cầm roi đi quyền" đó nó ra sao. Tuổi thơ ở nhà quê khá nhọc nhằn, nhưng lại có biết bao kỷ niệm êm đềm của những ngày câu cá tắm sông, những trận bóng sồi nổi trước nhiều khán giả là đám con gái cùng trường, mà trái banh chỉ là những trái bưởi rụng nhặt được phía sau hè. Rồi cả ba thằng được may mắn vào thành phố Nha Trang học trung học. Dù khác lớp nhưng cùng vào một đội bóng của trường. Đội bóng bao lần chiếm giải quán quân. Sau khi đậu tú tài, nhìn thấy con đường học hành sao mà xa xăm diệu vợi quá. Muốn học thêm phải khăn gói vào tận Sài gòn, trong lúc kinh tế gia đình đang lúc khó khăn. Không đành lòng bắt cha mẹ phải còng lưng thêm chút nữa, ba thằng rủ nhau vào lính. Làm đơn tình nguyện vào binh chủng không quân, bởi hình ảnh những chàng phi công hào hoa đi mây về gió, trong bộ đồ bay, khăn quàng cổ tím, đã là thần tượng của bọn tôi từ lâu lắm. Vậy mà chỉ có riêng tôi là mộng ước không thành, vì thiếu thước tấc, bị loại ngay vòng khám sức khỏe đầu tiên. Hai thằng bạn được toại nguyện, nhưng không vui. Vì kể từ hôm nay, không còn "chúng mình ba đứa" nữa. Tôi tiễn hai thằng đến Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân nằm bên bờ biển Nha Trang, rồi một mình khăn gói vào Sài gòn học tiếp.

Khi bọn nó sang Mỹ học phi hành, thì tôi vào quân trường Thủ Đức. Cứ vài tuần tôi nhận thư từ bên Mỹ. Nhìn tấm ảnh hai thằng chụp trước cổng trường, hoặc đứng bên cạnh một chiếc F 5, tôi thấy thèm cái oai phong của tụi nó. Sau khi về nước chỉ có thằng Bình được lái phản lực A-37 cho một phi đoàn đóng ở

Biên Hòa, còn thằng Định thì ra phi đoàn trực thăng tận ngoài Vùng 1.

Tôi ra trường, được bổ sung về một tiểu đoàn tác chiến đang làm lực lượng lưu động cho Quân Đoàn, rày đây mai đó, gần như chỗ nào có trận chiến là tôi có mặt. Vậy mà so với mức độ hiểm nguy, chết chóc, chẳng nhằm nhò gì với cái chuyện đi bay của thằng Định. Bởi phi đoàn của nó chuyên thả và bốc những toán biệt kích delta trong các vùng địch. Sau một chuyến công tác, nếu may còn sống, được thưởng một số tiền và mấy ngày phép xài chơi. Bao nhiêu lần nó thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Nó bảo đúng là đạn tránh nó. Nhờ vậy mà nó là thằng thường có mặt ở thành phố Nha Trang. Cứ sau một lần thoát chết, nó trở về đây, còn tôi và thằng Bình, cả năm chỉ được một tuần "anh về với em rồi anh lại đi". Có lẽ nhờ vậy mà nó có khá nhiều mối tình để kể cho bọn tôi nghe mỗi lần có dịp gặp nhau, hay bất ngờ liên lạc được trên các tần số không lực.

Nhưng rồi trong ba thằng, tôi lại là thằng bước lên xe hoa trước nhất. Thằng Định vẫn muốn thoát mái đi mây về gió, không bị vướng chân vướng cẳng, còn thằng Bình thì khá kín miệng nên chuyện tình duyên của nó bọn tôi cũng mờ mịt lắm.

Một lần tiểu đoàn đổ quân xuống Ninh Hòa lúc hai giờ sáng, khi cả cái thị trấn nhỏ này còn đang say ngủ. Đại đội tôi được chỉ định vào đóng quân trong sân vận động. Sáng hôm sau, quần áo chỉnh tề, tôi rủ thêm hai thằng bạn lính vào một ngôi nhà phía trước "thăm dân cho biết sự tình", không ngờ "hòn lữ sa vào đôi mắt em", đôi mắt nai tơ của cô bé chủ nhà. Đám cưới tôi có mặt cả hai thằng bạn nói khổ, và hai thằng đều tình nguyện làm phụ rể.

Ba năm sau, Định lên chức quan ba, được chuyển về một phi đoàn đóng ở Pleiku làm trưởng phòng hành quân, nên chúng tôi có nhiều dịp gặp nhau, khi ở thành phố, khi thì trong các cuộc hành quân trực thăng vận. Lâu lâu nó tình

nguyện bay tiếp tế cho đơn vị tôi, thả cho tôi vài ký thịt tươi và chai rượu đế. Mùa hè 72, tôi bị thương ở căn cứ Võ Định, Kontum. Suốt hơn hai tuần bị địch bao vây và pháo kích nặng nề, tôi nhận lệnh phải mở đường máu rút quân ra, nhưng vết thương nặng ở chân phải của tôi là một trở ngại lớn cho đơn vị. Trong lúc Định đang bay chiếc CNC (trục thẳng chỉ huy), nhưng đã điều động hai chiếc võ trang (gunship) bắn nghi binh và yểm trợ, rồi một mình nhào xuống bốc tôi trong lưới đạn phòng không dày đặc. Chiếc trục thẳng bị nhiều vết đạn mà bọn tôi vẫn an toàn. Mặc dù nó dày đạn kinh nghiệm và bay rất tài ba, nhưng đúng là đạn đã tránh nó, như nó vẫn thường ba hoa với đám bạn bè.

Chỉ có thằng Bình là "số đề bọc điều". Từ A-37 nó chuyển sang lái F-5, nhưng vẫn quanh quẩn ở Biên Hoà, rồi Cần Thơ. Nó là thằng đẹp trai và ít nói. Trước đám con gái, tôi và thằng Định thì lú lo chuyện dưới biển trên trời, còn nó chỉ ngồi cười mỉm. Có lẽ nhờ vậy, mà sau này nó âm thầm về Nha Trang và cua dính My Khê, một cô bé răng khềnh khá xinh ở trường Nữ, mà ngày xưa cả ba thằng đều quen biết, bởi đã từng thách nhau cùng đạp xe theo "tán", sau các buổi tan trường.

Mỗi lần về Nha Trang thăm bố, nó đều rủ tôi và Định bay về Nha Trang với nó một vài hôm. Lúc này chiến trường Tây Nguyên khá sôi động, phi đoàn Thần Tượng ở Nha Trang có một biệt đội trục thẳng tăng cường cho Pleiku, mà hầu hết các chàng pilot đều là bạn thân của Định, nhờ vậy mà tôi và Định về Nha Trang dễ dàng như đi chợ. Có khi chỉ ở Nha Trang một đêm, rồi sáng hôm sau lại có mặt ở chiến trường. Những lần gặp nhau, đều có mặt My Khê. Cô bé học trò trường nữ ngày xưa bây giờ đã là cô giáo. Nhưng có lẽ đi dạy học chỉ để làm kiếng, bởi cô ta là con nhà giàu. Ông bà già có mấy tiệm buôn trên đường Độc Lập. My Khê được nuông chiều, nên ngay cả chuyện bếp núc cũng không rành. Lần nào gặp nhau ở nhà

nàng, bọn tôi cũng chỉ được mời một món duy nhất mà nàng rất tự hào do chính tay mình nấu : cháo trắng ăn với hột vịt muối.

Cuộc tình này cũng kéo dài đến mấy năm. Không phải dễ tập làm sao "đừng nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng" như lời khuyên trong sách, mà vì cha mẹ Mỹ Khê rất tin vào bói toán. Tuổi tác của hai người chưa thể kết hôn.

Cuối cùng, đến mùa hè 73, thì cuộc tình dài này cũng kết thúc bằng một cái đám cưới khá linh đình ở nhà hàng La Frégate. Khách khứa lên đến trăm người.

Lần này chỉ có thằng Định được làm phụ rể, còn tôi bị loại khỏi vòng chiến bởi "xác thân đã nhuốm mùi trần tục", một vợ mấy con, nên được thằng Bình giao cho cái chức tiếp tân, chỉ đứng mỉm cười đón khách.

Đúng là thằng Định có số đào hoa. Không biết tài tán gái thế nào mà sau đám cưới, tôi đi tìm nó khắp nơi, cuối cùng bất ngờ gặp nó ôm chặt cô bé phù dâu xinh đẹp, ngồi ngoài bờ biển. Có lẽ đúng như mấy ông bà già thường nói "lắm mối tôi nằm không", đến ngày mất nước thằng Định đào hoa nhất bọn vẫn cứ còn độc thân.

Tháng 3-75, miền Trung mất vào tay giặc, Định theo phi đoàn di tản về Nha Trang rồi Biên Hoà. Trong cái cảnh dầu sôi lửa bỏng này nó gặp lại vợ chồng Bình. Sau một ngày với bao nhiêu phi vụ hiểm nguy, tối đến hai thằng lại bù khú mày tao mi tớ với nhau như cái thời còn đi học. Mỹ Khê, bà xã của Bình cũng vừa sinh được cô con gái đầu lòng, nên căn cứ xá lúc nào cũng rộn rã tiếng cười hoà lẫn tiếng khóc của trẻ thơ. Nhờ vậy mà hai thằng phi công cũng bớt được phần nào những ưu tư lo lắng trong giờ phút lâm nguy của chính mình và đất nước.

Sau những trận đánh lầy lùng của các đơn vị ở Long Khánh, cũng chỉ có khả năng cầm chân địch hơn một tuần. Biên Hoà bỏ ngõ. Phi đoàn của Bình nhận lệnh đem máy bay xuống phi trường Trà Nóc tránh pháo. Bình nhờ Định đưa vợ con về Tân

Sơn Nhất, cùng ở tạm trong cư xá, nhà của một thằng bạn cùng khoá, sau mấy lần bị thương, không còn khả năng phi hành nên về làm trong Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân.

Ngày 29.4, phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo kích liên tục. Tình hình nguy ngập, cả phi đoàn của Định chỉ còn lại vài chiếc trực thăng. Anh em trong phi đoàn ngồi lại tính chuyện bay ra hạm đội Mỹ đang chờ ngoài biển..

Trong lúc bạn bè chạy ngược xuôi tìm chỗ cho vợ con, chỉ có Định là một thân một mình nên chẳng lo lắng gì, ngoài cái tâm trạng bức tức, chán chường. Định liên lạc với Bình, báo cho biết việc phi đoàn của nó sẽ bay ra hạm đội, bảo Bình thu xếp gấp về Sài Gòn để kịp đưa vợ con đi. Định bảo là nó được dành ba chỗ trên tàu, vừa đủ cho vợ chồng Bình và một đứa con nhỏ. Nhưng Bình từ chối, bảo là vùng 4 còn an toàn, phi đoàn phản lực của nó được đặt dưới quyền của tướng tư lệnh Nguyễn Khoa Nam. Bình chỉ nhờ Định lo cho vợ con nó đi cùng. Tùy tình hình nó sẽ đi sau.

Khi Định và vợ con Bình đến đảo Guam hai ngày, thì biết tin Sài Gòn thất thủ. Định đi tìm Bình khắp nơi nhưng không thấy. Người ta bảo có lẽ Bình đã bay sang Thái Lan.

Ngày tôi khăn gói đến địa điểm trình diện "học tập cải tạo" bắt gặp Bình. Trong cái cảnh "nước mất nhà tan" này mà có được một người bạn thân thì cũng vui được nỗi buồn. Nó kể là anh em trong phi đoàn không đành rời căn cứ trong lúc hai ông tướng quân đoàn vẫn còn ở lại sống chết với anh em. Sau khi hai ông tự sát, thì tình hình đã quá muộn màng, địch quân bao vây, pháo kích dữ dội vào phi trường, nên anh em chỉ còn kịp phá hủy một vài hệ thống trên phi cơ.

Ở tù chung trong trại tù An Dưỡng Biên Hòa gần một năm, khi chuyển ra ngoài Bắc mỗi thằng bị chia mỗi ngả. Ra tù, tôi ghé lại thăm gia đình Bình. Ông già nó qua đời, chỉ còn bà mẹ và cô em gái, nhưng nhà cửa được xây lại khang trang và cuộc

sống khá sung túc so với những người khác trong vùng. Mẹ nó bảo tiền bạc do vợ Bình gửi về đều đặn. Bà còn khoe mấy tấm ảnh của vợ con Bình được phóng lớn treo trên vách.

Đúng một năm ra khỏi tù, tôi vượt biên. Trong trại tỵ nạn Bataan, bên Phi, khi chuẩn bị lên đường định cư thì nhận tin Bình được thả về. Nhưng chỉ vài tháng sau thì lại được tin nó bị bắt khi tổ chức vượt biên. Mãi đến tám năm sau nó mới lên đường sang Mỹ theo diện HO. Tôi định chờ một vài tuần để nó tạm ổn định cuộc sống và gia đình, tôi sẽ bay sang thăm vợ chồng nó và thằng Định, thì bất ngờ nhận lá thư này của nó.

Máy bay đáp xuống phi trường Fayetteville, North Carolina lúc 9 giờ rưỡi tối. Một phi trường nhỏ ở một nơi tôi hoàn toàn xa lạ. Anh tài xế taxi người da đen chở tôi chạy lòng vòng qua những rừng thông hoang vắng càng làm đầu óc tôi căng thẳng, lúc nào cũng trong tư thế "ứng chiến" để đối phó với những điều bất trắc. Cuối cùng thì anh ta cũng tìm tới được địa chỉ nhà Bình. Trong nhà tối om. Cổng khoá chặt. Tìm chuông cửa nhưng không thấy. Tôi mở bóp tìm địa chỉ của Định, nhưng lâu nay viết thư cho tôi, Định chỉ dùng P.O.Box. Tôi hỏi anh tài xế taxi tên một motel gần nhất. Tôi viết vài chữ lên tấm giấy nhỏ, bảo Bình đến tìm tôi ở motel ấy, rồi gắn lên cửa.

Trưa hôm sau, người đến tìm tôi không phải là Bình, nhưng là ông già vợ của Bình. Tôi chỉ gặp và nói chuyện với ông vài lần trong ngày đám cưới của Bình, nhưng nhận ra ngay. Mặc dù bây giờ ông già hơn xưa, nhưng có tướng đẹp lão. Và vẫn còn hàng ria mép. Ông bảo chính My Khê nhờ ông đi đón tôi. Trên đường đưa tôi về nhà, ông cho biết là ông đang làm chủ một khách sạn nhỏ và một nhà hàng. Ở cách xa nhà vợ chồng Bình chừng hai mươi phút lái xe.

- Tôi nghiệp, vợ chồng nó đang có chuyện buồn. Chuyện phức tạp quá nên hai bác đã cố gắng hết sức nhưng không giải quyết được. Cháu là bạn bè thân, hy vọng cháu nói bọn nó nghe.
- Cháu muốn được nói chuyện riêng với bác trước khi gặp vợ chồng Bình. Tôi muốn biết rõ ràng việc gì đã xảy ra với vợ chồng Bình, để biết cách ứng xử sao cho thích hợp.

Ông già của My Khê quay xe lại, tìm đường rẽ sang một hướng khác. Hơn mười phút sau, ông dừng xe trước một nhà hàng Á châu.

- Cháu vào đây với bác. Nhà hàng này là của bác.

Ông bảo người con gái đứng trong quầy mang cho tôi một phần ăn, và một tách trà cho ông, rồi kéo tôi ngồi xuống một cái bàn nằm riêng trong góc. Ông bảo tôi cứ dùng cơm tự nhiên, rồi bắt đầu tâm sự :

- Hai bác thật là buồn và khó xử, chẳng biết phải tính làm sao. Khi thằng Định đưa con My Khê, vợ thằng Bình sang Mỹ với đứa con chưa tròn một tuổi. Một thân một mình nơi xứ lạ quê người, tất cả từ việc lớn đến việc nhỏ gì nó cũng trông cậy vào thằng Định. Mà Định quả là thằng chí tình với bạn bè, Nó hết lòng lo lắng cho vợ con thằng Bình, mê chuyện học hành mà đành phải bỏ, đi làm hai ba ca để vừa có đủ tiền lo cho mẹ con My Khê, mà còn gởi về Việt Nam giúp gia đình thằng Bình sau tháng 4/75 trải qua bao năm túng quẫn. Rồi cũng chính nhờ thằng Định giúp việc bảo lãnh gia đình bác từ Việt Nam sang Mỹ đoàn tụ với mẹ con My Khê. Nhưng rồi tất cả cũng vì Bác mà gây nên cố sự. Trước khi rời Việt Nam, hai bác có ra chào vợ chồng anh chị sui gia, là ba má của thằng Bình. Ông bà khóc lóc kể cho bác biết là có tin do vợ một người bạn cùng tù với Bình vừa ra thăm chồng ngoài Bắc về, bảo là Bình đã bị bắn chết trong một lần trốn trại với mấy người bạn tù khác nữa ở

biên giới Lào. Chính vì vậy mà hai bác khuyên con My Khê nên tiếp nối với Định, bởi bao nhiêu năm nay nó đã hy sinh ở vậy để tận tình lo lắng cho mẹ con My Khê, và cháu Lina, con của Bình cũng xem Định như là cha của nó. Hai bác tâm tình khuyên mãi, tội nó mới làm đám cưới. Sống với nhau hơn mười năm, tội nó có hai đứa con, thì mới nhận được tin là thằng Bình vẫn còn sống, chỉ bị thương nhẹ, rồi đem đi biệt giam ở một trại tù nào khác, không ai biết. Từ ngày ấy thằng Định buồn ghê lắm và lúc nào cũng ngồi thơ thẩn một mình. Nó giấu việc này không dám nói với thằng Bình, và cũng chính nó phụ với hai Bác gởi tiền về giúp đỡ gia đình Bình và lo cho Bình sang Mỹ theo diện HO.

Tôi đưa tay xin ngưng lời bác.

- Bây giờ thằng Định đang ở đâu thưa Bác ?
- Trước ngày thằng Bình sang đây, thằng Định mang hai đứa con của nó với My Khê sang đây nhờ hai bác mượn người giữ hộ, rồi "mu" qua Hawaii. Con My Khê khóc lóc, bảo nó cứ ở lại đây, khi nào thằng Bình sang My Khê sẽ nói chuyện với thằng Bình, thằng Bình sẽ hiểu được bao điều khúc mắc và chắc sẽ không buồn. Hai bác cũng giải thích cho nó biết, dù sao thằng Bình với con My Khê cũng đã xa cách quá lâu, và sự việc xảy ra là do bao nhiêu nghịch cảnh đẩy đưa, chứ Định là một thằng tốt bụng, hết lòng chung thủy với bạn bè. Hai bác cũng sẽ nhận trách nhiệm này trước mặt thằng Bình, khi nó tới đây.
- Rồi cuối cùng ra sao, thưa Bác ?
- Vợ chồng bác khuyên giải suốt cả mấy ngày liền, nhưng nó vẫn không nghe, nó xin lỗi hai bác và con My Khê, rồi nhờ bác trao lại cho thằng Bình một lá thư. Nó xin được phép dán lá thư lại nên hai bác cũng chẳng biết nó viết cái gì trong đó. Khi đến Hawaii, nó có gọi phôn về cho bác, bảo đang chạy taxi với một thằng bạn cũ. Chút nữa bác sẽ cho cháu số phôn của nó, để cháu liên lạc khuyên giải nó hộ bác.

Bác chở tôi lại trước nhà vợ chồng Bình, bỏ tôi trước cửa, chỉ tôi cái chuông điện nằm kín phía bên trong cánh cửa, rồi lái xe về. Bác bảo là để đám trẻ bọn tôi gặp nhau sẽ được tự nhiên hơn.

Người ra mở cửa là My Khê. Vừa nhận ra tôi, My Khê nắm chặt tay tôi, nhoeo miệng cười, nhưng lại bật khóc ngay sau đó. My Khê đưa tôi vào nhà, chỉ cho tôi nơi Bình ở, căn nhà sau, chung vách với gara xe. Tôi gõ mấy lần, cửa mới mở.

Sau bao nhiêu năm hai thằng bạn thân từ thời nổi khổ gặp lại nhau, nhưng đều không vui, ôm lấy nhau mà lòng dạ buồn ngùi. Suốt đêm hôm ấy tôi ở trong phòng Bình, nhưng hai thằng không ngủ, nằm tâm sự thâu đêm. Tôi chưa biết phải nói điều gì với Bình, thì Bình mở đầu tâm sự.

- Khi biết việc này, tao có bất ngờ, và dĩ nhiên cũng buồn ghê lắm. Nhưng chỉ sau một đêm suy nghĩ, tao lấy lại được sự bình thản, và nghĩ là My Khê đã thuộc về Định, và hai người rất xứng đáng trong tình yêu, trong cuộc hôn nhân mới này. Tao phải cảm ơn thằng Định, đã hết lòng cur mang vợ con tao và cho My Khê một gia đình hạnh phúc, một chỗ dựa vững chắc trên xứ lạ quê người. Hơn nữa tao và My Khê xa cách khá lâu, trong lúc nàng đã hội nhập vào xã hội Mỹ này từ lâu rồi, còn tao bây giờ cũng đã già, lại là một thằng quê mùa, bệnh hoạn, mà vết thương trên thân xác cũng như trong lòng tao vẫn chưa lành được. Tao tự biết mình thực tình không còn thích hợp, không còn xứng với nàng. Tao cũng đã tâm tình với My Khê và điện thoại cho thằng Định, nói hết nỗi lòng.

Mong nó trở về đây. Cháu Lina, con gái của tao cũng nhớ nó mà khóc cả ngày. Tao hiểu, con bé còn xa lạ với tao lắm. Mà nó xa lạ là phải. Không dễ dàng gì cho một cô con gái đã hơn 20, không hề biết mặt cha từ lúc mới năm tháng tuổi, bây giờ phải chấp nhận một ông cha bất ngờ từ trên trời rơi xuống

- Thế rồi vợ mày và thằng Định tính sao ?

- My Khê thì chỉ khóc và im lặng, còn thằng Định thì nhất quyết trả My Khê lại cho tao. Nó còn bảo là nó nhớ tao lắm, nhưng không muốn gặp tao.

- Bây giờ mày tính sao ? Tao sẽ giúp được gì cho tụi mày ?

- Tao nhờ mày. Chỉ có mày có thể giúp tao trong lúc này. Mày đưa tao qua Hawaii gặp thằng Định và tâm tình giải thích để nó trở về với vợ con tao.

- Còn mày thì sao ?

- Tao một thân một mình. Nếu mày kéo tao sang Nauy ở với mày là phúc cho tao. Có mày tao sẽ dễ quên bao nhiêu chuyện đau lòng. Còn nếu không được thì tao lang thang đâu cũng được. Lâu lâu kiếm được tiền tao lại ghé về đây thăm cháu Lina, cho dù trong lòng nó, có lẽ tao chưa hề là cha của nó.

Ba thằng bọn tôi lại gặp nhau, qua bao nhiêu năm chia cách cùng những đông tố trong đời. Ôm nhau mừng rỡ mà sao nghẹn ngào, không ai nói nên lời, chỉ có nước mắt chảy dài trên má. Ngày xưa, thằng Định là đứa ba hoa, khôi hài nhất trong bọn, vậy mà cũng không mở miệng để nói một lời, dù chỉ là một chữ hello, mà nó đã thường xài từ lúc còn ở Việt nam, mỗi khi gặp bạn bè.

Không biết lúc này trong đầu hai thằng bạn đang nghĩ điều gì. Riêng tôi đang hình dung tới cuộc chiến bi thảm mà kẻ chiến thắng lại là những con người tàn ác nhất đã tạo nên bao chia ly tan tác.

Sáng nay, chủ nhật, mùa đông Bắc Âu khá lạnh. Tôi thức giấc đã lâu nhưng còn đang trằm chẫn nằm nán trên giường thì nghe điện thoại reo. Bốc ống nghe chưa kịp hỏi là ai, thì nghe bên kia đầu giây giọng nói quen thuộc của thằng Định :

- Hello! Ninh ơi. Có thằng Bình đây, nó muốn nói chuyện với mày.

Tôi nghe giọng nói yếu ớt nhưng rất vui của Bình :

- Bình đây. Gọi thăm vợ chồng mày và báo cho mày một tin vui. Tao đang ở nhà vợ chồng thằng Định đây. Vừa từ bệnh viện về. Vợ chồng Định lên tận Houston tìm thăm tao, báo tin cháu Lina bị bệnh rất nặng cần phải thay gấp một quả thận. Bác sĩ cho biết cách tốt nhất là lấy thận của người cùng huyết thống, nên tao theo Định và My Khê bay xuống North Carolina ngay để kịp thời lo cho cháu. Bác sĩ bên này giỏi thật.

Mọi việc tiến hành nhanh chóng. Bây giờ đã xong xuôi. Cháu Lina cũng đã khỏe lại. Đáng lẽ tao đã về lại Houston, vì tao vừa mới mở cái tiệm giặt ủi, do vợ chồng thằng Định giúp vốn, vợ chồng nó cũng vừa mua cho tao một ngôi nhà nhỏ, ở bên cạnh hai thằng bạn cùng phi đoàn với tao ngày trước, nhưng vợ chồng nó nhất định giữ tao lại. Cả cháu Lina nữa. Nó cũng muốn có nhiều thời gian để tâm tình với cha của nó. Mày cố gắng bay sang đây với tụi tao cho vui.

Chưa kịp trả lời, tôi lại nghe giọng nói của đàn bà :

- Ông bà qua đây để tôi còn đãi món cháo trắng ăn với hột vịt muối. Tôi nghe những tiếng cười khúc khích, rồi giọng đùa nghịch của thằng Định xen vào :

- Hello, Ninh ! My Khê bây giờ nấu ăn nghề lắm đó, biết nấu cả cháo trắng tới bảy món. Vợ chồng mày nhớ bay qua sớm, không thì mất phần đó nghe chưa.

Tôi buông ống nghe, thần thờ nhìn ra ngoài cửa sổ như muốn tìm kiếm một điều gì. Trời mùa đông Bắc Âu phủ đầy tuyết trắng, nhưng sao trước mắt tôi đang lung linh bầu trời xanh bao la của cả một thời tuổi thơ. Cái thuở ba thằng chúng tôi vui đùa nghịch ngợm, trong lòng chưa hề vương bận chuyện chiến tranh kéo theo bao cay đắng cuộc đời.

Phạm Tín An Ninh



PHẠM THỊ CÚC VÀNG
HÒI TÌNH

Nơi ấy đậm hình xưa-tóc ngắn
em về buổi sáng khói mù giăng
hàng dương lặng rũ lòng thơ đại
dốc núi nghiêng đùa sương giá băng
trời thấp nụ buồn đôi mắt ướt
khách ru niềm nhớ trái tim căng
thời gian sóng sánh tình chưa cạn
tình hồi tình sao nở cách ngăn?

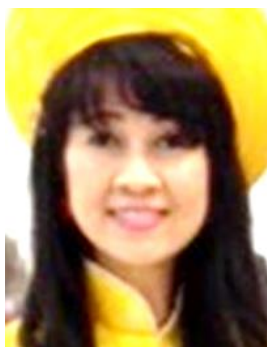
*Nắng có vàng ngõ phố
người cũng không về đâu
có con chim sẽ nấu
giếch lòng mong, ngóng, nhớ*

*Nắng có tuôn rức rở
thơ vẫn ủ ế sầu
úp tận cùng nỗi đau
vào khuôn ngày già buốt*

*Con tim em ứng nước
chực vỡ toang bờ bao
phía hồng điều quy ước
khi còn là của nhau*

*Sao chưa đầy đã cạn
nghèo khó cuộc tình ta?
kiêu hãnh lau nước mắt
cười đùa với xót xa.*

NGƯỜI VỚI XỐT XA
PHẠM THỊ CÚC VÀNG



HOÀNG LAN

CÒN CHÚT GÌ CHO NHAU

Biết nói gì đây anh nhờ mai này có gặp
Lời thơ nào vương vấn mộng tương lai
Bài nhạc nào ta muốn gửi cho nhau
Gói vào tim thành nỗi đau ngầy dại
Đường anh đi trong gió đông lòng lộng
Đường em về nghe tình động đơn côi
Thôi anh nhé đem tình trong thơ mộng
Trải thật dài đem gởi khắp non sông
Dòng máu chảy màu da vàng ta có
Là khổ đau từ xưa đã xoay vòng
Đem lời tình ta nói rộng yêu thương
Gởi quê hương những chân tình dào dạt
Ngày mai này khi quê hương đổi khác
Quê mẹ nghèo không còn nỗi khổ đau
Còn chút gì ta gởi trọn cho nhau
Là đất mẹ, con tim và nước Việt
Nụ cười anh nụ cười em thấm thiết
Tình tuy buồn nhưng đẹp mãi ngàn sau
Còn chút gì ta giữ lại cho nhau
Tình non nước một tình yêu bất diệt



HẠT CÁT
TRĂNG NƯỚC
TÂM DƯƠNG

*Dạ thâm giang thủy tâm vu hoang,
Đăng đăng vân thiên quyển điệu đàn.
Lăng phách thiết tha hàm thán tứ,
Nguyệt minh u uất yểm sầu nhan.*

*Thiên thu hiểu vẫn đa tồn thất,
Chích ảnh hôn triêu kỷ hợp phân.
Tịch chữ linh đình hồn viễn xứ,
Bạc chu hàn dạ sầu mang mang.*

*Sông nước chèo khuya dạ ngổn ngang,
Trời mây lỏng lộng quyển cung đàn.
Nỉ non sóng vỗ niềm than thở,
Ray rút trắng soi mặt héo hon.
Nghìn thu sớm tối bao còn mất,
Một bóng mai chiều mấy hợp tan.
Bến vắng chơi vơi hồn viễn xứ,
Đò neo đêm lạnh sầu mang mang.*

Trăng đêm nay đẹp quá.

Trăng dằng dặc mênh mông trời nước.
Trăng nhỏ từng giọt, từng giọt lung linh mặt sóng lao xao,
trăng lấp lánh ngân nhũ đông đưa hàng liễu rũ.
Trăng huyền hoặc mông lung. Trăng ảo mờ sương khói.
Trăng kết ngọc, dát vàng bãi sậy bờ lau.

Chân trời thăm thẳm, ngàn sao nhấp nháy trường không.
Đom đóm lập lòe bóng ma trôi thấp thoáng lùm cây bụi cỏ,
côn trùng rỉ rả tiếng vọng âm cung vắng vắng xa xôi.
Gió phát phơ ngọn cỏ hiu hiu mang theo chút hơi hướm rong
rêu lãnh đàng mạn thuyền, gió vỗ về lượn sóng nhấp nhô xô
dạt chân cầu xào xạc v.v...

Chao ôi ! Đất trời hạo đặng như thế đó, ánh trăng diễm lệ
như thế đó, mà nàng, Cầm Nương, một mình, ngồi cạnh mạn
thuyền buông neo bên dòng nước bỗng bênh sóng bạc. Hỡi
ơi !

*Nhất phiến nguyệt hàn lạc sáu nhan,
Dạ thâm khuê đầu trụ trường giang.
Mặc mặc tình cầu luân chuyển lão,
Man man cô tịch dữ thù phân ?
Dữ thù phân ! Dữ thù phân !*

*Lạnh lẽo viên trăng soi má nhạt,
Đằng đẵng sông dài sao rớt khuya.
Lặng lẽ tình cầu xoay chuyển mãi
Cô đơn vời vợi biết ai chia ???
Biết ai chia ! Biết ai chia !*

Không có ai cả !

Trước sau chỉ một mình nàng đối nguyệt trầm tư !
Cầm Nương ngấm bóng, ngấm trăng nghĩ ngợi miên man.
Trời trăng mây nước bao la bát ngát diễm lệ vô cùng, nó
khiến lòng thế nhân chìm đắm vào một cõi hư hư huyền
huyền. Ánh trăng kia đã chiếu xuống trần gian từ bao đời bao
kiếp, đã chứng kiến biết bao thịnh suy của cõi nhân gian, của
một đời người. Ôi ! Ánh trăng nào soi mặt chinh phu quạnh
hiu gió cát, còn ánh trăng nào ngậm ngùi phòng khuê lạnh
lẽo canh khuya ? Ánh trăng nào theo dấu Minh phi Hán Hồ
lưu lạc, còn ánh trăng nào rơi rụng chuông ngân trên bến

Phong Kiều ? Từ thửa khai thiên lập địa thăm thẳm hoang sơ, nguyệt cầu kia đã là niềm cảm hứng vô tận cho nhân thế. Con người đã tốn biết bao bút mực, tim óc để ngợi ca cái ánh sáng huyền hoặc này, thậm chí đã có người nhảy xuống nước ôm trăng mà chết, thử hỏi nếu trăng không quyền rũ thì sao có thể như vậy. Tưởng tượng rằng một ngày nào đó nguyệt cầu kia tự dung vắng bóng thì thế gian này sẽ âm đạm ra sao. Chao ôi, một kiếp người ngắn ngủi biết bao so với ánh trăng chiếu ngời trong vạn đại.

Vạn đại ! Vạn đại !

Vạn đại bắt đầu từ bao giờ và bao giờ sẽ chấm dứt, sau ta rồi sẽ là ai cho vầng trăng ấy sáng soi. Chỗ ta ngồi hôm nay, nghìn xưa ai đã từng ngồi ? Một câu hỏi không có câu trả lời. Nhất định là như thế, ai có đủ thẩm quyền để trả lời câu hỏi kia, nàng chẳng biết, chỉ thấy dòng sông cứ miên man trôi chảy, trôi chảy không ngừng. Bắc giác mấy câu thơ đời trước hiện về, nàng ngậm ngùi cảm ngộ, người xưa đã chẳng từng than thở thế ư ???

*Giang bạn hà nhân sơ kiến nguyệt,
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân.
Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ,
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân,
Đản kiến trường giang tổng lưu thủy*

(XGHND-Trương Nhược Hư)

*Người bên sông ai nhìn trăng trước,
Trăng soi người buổi trước năm nao
Đời đời kiếp sống nối nhau
Tháng năm sông nước trăng sao vẫn cùng
Chẳng biết trăng soi chung ai đây
Chỉ thấy dòng nước chảy miên man ...
Chao ôi !*

Nguyệt thủy nhất phương !

Trăng nước một vùng !

Tịch mạch ! Thậm tịch mạch !

Cái không gian tịch mạch này, Cầm Nương đã đối diện với nó không biết từ bao giờ. Tuy vậy, nó vẫn không đáng sợ bằng nỗi tịch mạch trong lòng của nàng. Người ta nói đáng sợ nhất là cái tịch mạch trong lòng người đàn bà khi về chiều. Không phải chính là nàng bây giờ hay sao?

Tâm tư Cầm Nương chùng xuống, chùng xuống thật sâu.

Nàng ngồi đó,ngồi bên mạn thuyền, rất lâu, rất lặng lẽ, lòng nàng chìm theo tiếng nước trôi sóng vỗ, tiếng vạc kêu sương. Mắt nàng ngắm những tầng mây bay qua tầng không trong vắt ánh trăng nhưng lòng nàng trôi theo làn nước miên man xuôi tận cuối dòng. Không thấy gì cả, không một bóng con thuyền nào thấp thoáng cho nàng khởi lên niềm hy vọng, hy vọng trông thấy một hình ảnh quen thuộc đang trở về, dù chỉ là hy vọng thoáng qua rồi tan biến.

Sương xuống hơi nhiều, không gian chớm thu chùng như giăng thêm tơ mới,mông lung hơn, huyền ảo hơn. Nàng nghe lạnh lạnh bờ vai, bất giác, nàng đưa đôi tay gầy guộc ôm choàng bờ vai nhỏ bé của mình. Đã lâu, đã lâu, bờ vai của nàng dường như quên mất cái thói quen tựa vào vai của người khác, nó trống trải, nó lẻ loi quá.

Bất giác, nàng nhìn lại đôi tay của mình. Dưới ánh trăng diễm ảo, đôi tay nàng vẫn nổi bật lên một màu trắng muốt. Ôi ! Đôi bàn tay của nàng. Đôi bàn tay một thời khuấy động chốn Ngũ Lăng, đôi bàn tay một thời khiến lòng người điên đảo.

Nàng nhớ quá những trận cười hào sảng,nàng nhớ quá những lựa đồ khăn hồng.Nàng nhớ chung Lục Nghị sóng sánh màu hổ phách, nhớ chung Bồ Đào phon phốt sắc rắng pha...Lâng lâng, lâng lâng men rượu ngọt. Nao nao, nao nao sóng hồ

thu... Tất cả những hình ảnh ấy đã chìm sâu vào dĩ vãng xa
lắc xa lơ. Thu ba đào kiếm Má phần môi hồng! Chao ôi ! Còn
nhắc làm chi nữa. Đã là dĩ vãng ! Đã là dĩ vãng ! Giờ này
còn gần gũi với nàng nhất, còn trung thành với nàng nhất,
họa chăng là chiếc tỳ bà cũ kỹ thiết thân. Nàng thở dài thán
tức, không dừng được cảm hoài, nàng đứng lên khom lưng đi
vào khoang thuyền, nàng khêu ngọn bạch lập, vói tay lên
vách đỡ nhẹ cây tỳ bà xuống. Ôm đàn vào lòng, nàng nhẹ
nhàng vuốt ve những phím tơ như đang vuốt ve một đứa trẻ
thơ. Nàng mừng tượng nàng đang sờ vào đầu nó, sờ vào má
nó, đôi má thơm lừng hơi sữa ngọt ngào. Nàng áp mặt lên
bụng đàn thon thả bóng nhẵn hít vào phé nang mùi hương
quen thuộc của chất gỗ thấm đẫm hơi tay nàng. Nàng đã sờ
vào đó, chạm vào đó không biết bao nhiêu lần mà nói, mấy
chục năm qua có đêm nào nàng không ít nhất một lần nâng
niu nó, dù nàng có nhả hứng hay không có nhả hứng khảy
nên cung bậc, nàng vẫn ngắm soi nó như ngắm soi một món cổ
ngoại quý giá. Đã từ bao năm nay nó là vật bất ly thân của
nàng.

Đêm nay trăng đẹp quá, lòng nàng mênh mông quá, tâm
sự trùng trùng của nàng chỉ có thể gửi gắm cùng mây cùng
gió, cùng tiếng đàn dặt dìu khoan nhặt. Nước trời lồng lộng
bao la, một thuyền một lái bỏ neo đêm vắng lạnh lùng, nàng
biết tỏ bày mối cảm hoài với ai ngoài tiếng đàn của nàng.

Khoác thêm chiếc áo, ôm cây đàn trong tay, nàng lại khom
lưng bước ra đầu thuyền. Nàng chầm rãi khơi một đỉnh trầm,
khói hương thoang thoảng quyện vào không gian tịch mặc
khiến nàng không dám chuyển động mạnh, nàng nhẹ nhàng
ngồi xuống khoan chôn, thẳng lưng, hít thở mấy hơi dài,
chiếc đàn đã đứng gọn nghiêng nghiêng trong lòng, nàng bắt
đầu nắn phím, so tơ, đôi tay nàng nhẹ nhàng lướt qua hàng
phím, những âm thanh trầm trầm bổng bổng run rẩy vang

lên. Nàng khép hai hàng mi lại, thôi không nhìn, không ngắm trời mây nữa. Trong bóng đêm mờ ảo ánh trăng, nàng có mở mắt cũng không thấy được gì nhưng cho dù nàng có nhắm mắt đi nữa thì nàng vẫn thấy rõ mồn một từng phím, từng phím tơ của nàng, từng vị trí cung bậc của thang âm, nàng đã quá quen thuộc với nó. Đôi tay của nàng có gầy guộc xanh xao hơn nhưng vẫn còn nhanh nhẹn, vẫn còn nhạy bén trong việc thay đổi vị trí cung bậc. Làm sao nàng có thể quên được chứ, làm sao nàng có thể chậm được chứ, nàng và đàn đã hòa làm một từ lâu, máu thịt, hơi thở của nàng được tiếp tục sinh tồn là nhờ âm thanh dịu dặt réo rắt của tiếng đàn kia mà. Nàng nhắm nghiền đôi mắt nhưng đôi tai của nàng vẫn tỉnh nhạy vô cùng, tiếng đàn réo rắt nhặt khoan hòa lẫn tiếng gió vi vu xào xạc, tiếng sóng vỗ rì rào, tiếng côn trùng rí rả. Ôi! Còn có bản hợp tấu nào vượt qua nổi bản hợp tấu đặc biệt này, nàng đắm chìm trong tiếng đàn của mình, đôi tay nàng lướt trên phím đàn một cách vô tâm vô thức, nàng quên hết phiền muộn, quên hết chờ đợi nhớ nhung, quên hết trời rộng đất dày. Kìa là hình ảnh chập chờn thừa trước, xuân thắm má đào, chúc quang rực rỡ, tử y hồng quần thướt tha quần quít theo cung đàn tiếng nhạc, kìa là những khuôn mặt thần thờ, những đôi mắt đắm mê dõi theo dải lụa quay tít của nàng. Leng keng ngọc bội kim hoàn, lách cách cung thương senh phách, những âm thanh ma mị ru hồn người vắng vắng bên tai. Đắm chìm! Đắm chìm! Mê man! Mê man !!! Nàng không nhớ, không biết mình là ai nữa.

Tiếng đàn réo rắt quá như gió lướt rừng thông, tiếng đàn ní non quá như ve sầu khóc hạ, tiếng đàn miên man như nước cuốn Trường Giang, tiếng đàn thánh thót như mưa rơi phiến đá. Cung bậc ấy, thanh âm ấy hẳn là phải do một bàn tay ngà ngọc chuốt trau. Chao ôi, ở chỗ đất thô lậu này sao lại có thể

sản sinh một điệu thủ như vậy. Tư Mã Giang Châu ghì cương ngựa lại lắng nghe. Đêm thu quanh quẽ, lác đác lá phong, hơi may se sắt lướt qua. Chàng chợt nhớ đến tấm áo choàng hầy còn nằm vắt vẻo trên yên ngựa, tấm áo choàng màu xanh của chàng đã cũ kỹ, bông đã sờn đôi chỗ nhưng Tư Mã chẳng màng thay đổi, thân phận trích thần như chàng có vui gì, có thích gì mà xênh xang áo mũ. Quanh năm đối mặt với đám dân đen chơp chất nghèo nàn ở chốn sơn lâm chướng khí này, chàng có ăn mặc đẹp cũng chẳng lấy làm hãnh diện với ai. Lúc còn bé ở Từ Châu, chàng đã sống qua những tháng năm loạn lạc, mắt thấy dân tình điêu đứng khổ sở bởi họa binh đao và bị những nhiễu bóc lột bởi đám quan lại tham ô nên chàng thấu hiểu những nỗi thống khổ của người dân quê, rồi khi trưởng thành, được cơ hội lên kinh đô Trường An, thi cử đỗ đạt, bắt đầu lui tới trong chốn quan trường, căm ghét bọn triều thần hủ bại thói nát, dùng ngòi bút lời thơ của mình mà đả kích khiến chàng trở thành cái gai trong mắt những kẻ nắm trọng quyền, và cũng vì thế mà chàng hết bị đày biếm chốn này đến trích giáng xứ kia, toàn là những chốn mà bọn quan lại sâu mọt chán chê vì chẳng có gì để gặm nhấm, thì hỏi sao dân tình không cơ cực điêu linh. Người dân quê chất phát tay lấm chân bùn chưa dám nghĩ đến việc ăn no mặc ấm, hưởng hồ là ăn ngon mặc đẹp. Chàng đành lòng nào áo mảo xun xoe. Tư Mã kéo tấm áo khoác lên mình rồi nhìn sang bạn, cả hai không nói lời nào nhưng cả hai đều hiểu, tiếng đàn kia đã làm cho buổi đưa tiễn hôm nay bị đình trệ mất rồi. Men rượu vừa nâng toan uống đã không đủ làm ấm lòng hai kẻ sắp chia tay, sông nước mênh mông bàng bạc một màu trắng, buồn biết mấy, không đàn không sáo. Vậy mà, vó ngựa chàng vừa dậm bước đi thì bỗng đâu trỗi lên tiếng đàn dịu dặt khoan thai này, bảo sao chàng không ghì cương ngựa được. Người bằng hữu của chàng

dường như cũng đã dừng chèo, cũng đang lắng nghe như chàng. Tiếng đàn tuyệt vời mang theo âm hưởng kinh thành từ đâu mà vang vọng tới đây? Đã hai năm qua kể từ ngày giã biệt để khuyết phụng hành trích giáng, chàng không được nghe những tiết điệu nhã nhạc của chốn phồn hoa đô hội nữa. Đường như tiếng đàn lững đờng trôi theo dòng nước quanh đây, vậy là đâu đó trên sông khuya có một con người đang mang mang tâm sự. Tư Mã quày quả xuống ngựa, chàng dắt ngựa cột vào gốc cây phong đứng chờ bên cạnh thủy đình rồi ra dấu cho thuyền ghé sát độ kiêu để chàng bước xuống, chàng khoát tay với bạn “Ta hãy đi tìm tông tích tiếng đàn kia”.

*** Cầm Nương chưa rời được nỗi niềm xúc cảm tự tâm tư vừa được nàng khơi dậy qua đôi tay tuyệt vời với tiếng đàn réo rắt của nàng thì lạ chưa, dường như có tiếng người văng vẳng đâu đây. Nàng có nghe lầm chăng? Bền vững tha phương này đã bao đêm âm thầm lặng lẽ giống như đời sống của nàng, sao hôm nay, khuya khoắt đường này, có điều gì bất ổn chăng? Tiếng chèo khua nước ngày càng gần hơn và hình như..., hình như ...họ đang cao giọng hỏi nàng thì phải... Té ra họ đang đi tìm xuất xứ của tiếng đàn nàng. Cầm Nương ngập ngừng, có nên cho họ biết là mình vừa đàn hay không? Là quen hay lạ, là dữ hay lành? Cầm Nương háng giọng, toan lên tiếng rồi lại thôi. Ích gì đâu, một tiếng đàn lạc lõng cô đơn đã trải bao sông nước đìu hiu rồi cũng sẽ lại trải thêm những đìu hiu sông nước cho đến lúc nào đó không còn tinh diệu nữa thì thôi, chẳng có gì thay đổi nữa đâu, là lạ hay quen, nào có gì trọng đại !

Nhưng kìa, tiếng chèo khua sóng dường như đang ở đâu đó quanh thuyền nàng, và tiếng người hỏi han vẫn cao giọng, chân thành. Cầm Nương tần ngần một hồi. Chao ôi!

Tâm hồn mẫn cảm như nàng sao có thể làm ngơ cho được.
Cầm Nương cất giọng hỏi đáp :

- Là dân phụ, là tiếng đàn của dân phụ, xin hỏi quý quan nhân có điều chi chỉ dạy”.

- Chúng tôi, hai khách nhàn du, nhân lạc bước qua đây, nghe được khúc đàn tuyệt vời của tôn nương, muốn thỉnh tôn nương tương kiến.

Chao ôi! Tương kiến nữa à? Thật khó cho nàng quá, nàng đâu phải là một ca kỹ đàn ca múa hát để mua vui cho khách hào hoa như ngày nào nữa chứ. Nàng bây giờ đã là Nương tử của trượng phu nàng, tương kiến cùng kẻ xa lạ, e là nàng sẽ lỗi đạo chăng? Huống nữa, ngày xưa dù còn là một ca kỹ nhưng đâu phải ai cũng có thể tương kiến cùng nàng, cũng đâu phải hễ ai bỏ ra nghìn vàng là có thể nghe được tiếng đàn của nàng(1), lui tới với nàng thường chẳng phải là hạng tục khách. Nàng cất giọng thưa trình:

- Xin quý quan nhân rộng tình lượng thứ, thật là thất lễ, dân phụ thiếp không thể đáp ứng thỉnh cầu. Dân phụ vốn là hữu chủ chi hoa nên không thể tùy tiện tương kiến người xa lạ.

Im lặng một lúc, Cầm Nương nghe một giọng nói chân thành trịnh trọng cất lên.

- Xin tôn nương hãy yên tâm, chúng ta đây thật ra cũng không phải người xa lạ. Ta, Hương Sơn Cư Sĩ, tính Bạch danh gọi Lạc Thiên, cũng chính là quan Tư Mã Giang Châu sở tại, từ để kinh bị trích giáng đến đây. Đã hai năm qua, Bạch ta chưa từng nghe được những điệu nhã nhạc thánh thót du dương tựa như ở chốn tiên cung này, ngưỡng mộ người đồng điệu nên mới tìm đến mong thỉnh kiến tôn nương, quyết không dám làm điều chi mạo phạm tôn giá.

Cầm Nương ngăn người khi nghe khách lạ xưng hô danh tánh. Phải chăng đó là thi nhân nức tiếng đương thời Bạch Cư Dị (2) ở đế đô? Làm sao mà người lại lưu lạc tha phương

mãi tận chốn này? Nếu thực đúng là người ấy thì chắc chắn không phải là kẻ phàm phu tục tử rồi. Tuy rày đây mai đó theo thuyền buôn của trượng phu trên khắp Đại Giang nam bắc(3) nhưng nàng vẫn có dịp được nghe phong thanh lời ca ngợi tài đức của vị danh sĩ họ Bạch này. Nàng từng nghe rằng người đối với chị em giới kỹ nữ tuyệt không có lòng rẻ rúng khinh khi như hầu hết khách mua vui chức trọng quyền cao nhiều tiền lắm bạc khác. Không biết hư thực thế nào, âu là, hôm nay nàng mạo muội diện kiến một phen cho biết giả chân.

*Hàn lộ dạ quân quy,
Cầm nguyệt lạc kiều bi.
Thủy miên thâm dạ trạo,
Phù vân quyển thanh y.*

*Người về sương lạnh canh thâu,
Đàn tơi nhỏ giọt bên cầu rụng trắng.
Chèo khuya sông nước miên man,
Áo xanh một phiến bàng hoàng mây trôi.*

Tiếng chèo khua nước xa dần rồi mất hẳn.

Mặt sông trở lại nổi mênh mang tịch lặng ban đầu, cái mênh mang tịch lặng trước khi có hai con người đến đây khuấy động những ngày đêm âm thầm một bóng của nàng. Cầm Nương thở dài thán tức. Họ đã đi rồi! Và chắc có lẽ không bao giờ trở lại nữa đâu. Đó là tính chất của cuộc đời, nàng vẫn thường biết vậy, có gặp gỡ nào mà không kết thúc bằng chia xa, có hợp nào mà không tan. Cuộc đời nàng đã chứng kiến biết bao tương ngộ phân ly, biết bao hợp tán. Nhưng mà, tương ngộ phân ly lần này chắc chắn sẽ để lại cho nàng những tháng ngày còn lại khó nguôi ngoai. Từ nay, đêm đêm

nàng sẽ cuu mang thêm một nỗi đợi chờ khắc khoải khác dù nàng biết là vô vọng. Nàng và họ ...bình thủy tương phùng...bèo nước gặp nhau ...rồi...nước trôi dòng nước, bèo trôi đời bèo, trong muôn một dễ đâu mà có cơ hội tương ngộ lần thứ hai. Vả lại, hãy còn một khoảng cách lễ nghi, cho dù người ấy có trở lại để nghe tiếng đàn của nàng thì mọi việc cũng sẽ diễn ra trong âm thầm lặng lẽ mà thôi. Chao ôi! Nếu được như vậy thì cũng không uổng phí cho tiếng đàn của nàng, nàng nào mong muốn gì hơn. Hỡi ơi ! Lão thương thiên trở trêu chi bấy! Sao lại khơi dậy trong lòng nàng những hồi ức xa xăm tưởng chừng như đã chìm lắng mất hút dưới tận đáy sông sâu vực thẳm kia. Những đêm dài trở trăn mộng寐 cùng ký ức đầy hình ảnh một thời huy hoắc đã xâu xé tâm tư nàng quá đủ rồi, huống hồ, đêm nay, một bậc đương thời danh sĩ đã rơi lệ đầm đìa vì cảm khái tiếng đàn của nàng, một thiên trường thi vì nàng mà tác xuất. Nàng tự biết rằng mình sẽ lại phải trải qua lắm đêm dài mộng寐 từ đây. Người lữ khách không mời mà đến, thân thể phi thường kia đã chẳng nề hà đẳng cấp hạ cổ đến nàng mà thốt nên câu “Đồng thi thiên nhai luân lạc nhân” há không đáng để cho nàng cảm kích muôn phần sao. Huống nữa, nàng, một đoá hoa phấn nhật hương phai, chút cảm nghệ riêng tư của nàng so với bọn đương thời danh kỹ ở chốn đế đô cũng đã trở thành lỗi điệu mất rồi. Vậy mà, người ấy, một người đã từng lai vãng biết bao nhiêu là trà đình tử quán, giao kết biết bao nhiêu là hào môn vọng tộc, xuất nhập đế khuyết biết bao nhiêu triều mộ, lại có thể vì thân phận của nàng mà nhỏ lệ rơi châu ướt đầm tấm áo. Lòng nàng ngập tràn nỗi cảm kích. Tri âm trong trời đất thực hiếm hoi, khó gặp khó tìm. Tâm sự trùng trùng của nàng không ai hay biết, vậy mà người chỉ nghe vài tiếng đàn của nàng là đã lập tức thấu suốt. Nàng có nói muôn lời nghìn chữ cũng không nói hết được lòng cảm

kích chân thành. Chỉ ân ân cần cần nghiền ngẫm cái câu “Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân - Cùng một lúa bên trời lận đận” là đã đủ khiến nổi tịch mạch trong lòng nàng vui đi, là đã đủ cho nàng tâm trung mãi nguyện, mai sau bèo dạt hoa trôi chung cuộc thế nào cũng mặc, một lần gặp gỡ trong đời như thế là đã quá xứng đáng để bù đắp cho chuyện mất còn nhân thế. Nàng cảm kích, cảm kích muôn vàn ...

*Thiên địa tri âm dĩ thậm hi,
Tâm sự mang mang nhân bất tri.
Chỉ thính cảm thanh quân triệt ngộ,
Hựu năng vị ngã tác trường thi.
Đa tạ quân ân đối ngã trân,
Thiên ngôn vạn ngữ bất trần chân.
Chỉ nãi ân cần tham nhất cú,
“Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân”(TBH)
Dĩ năng thỏa ngã vọng tâm trung,
Lưu thủy phù bình nhiệm sở chung.
Nhất sinh trần thế nhất tương hội,
Khả thích nhân gian bỏ tồn vong.*

Tạ Khách Tri Âm

*Than ôi !
Tri âm trời đất hiếm hoi,
Nao nao tâm sự ai người biết cho.
Người nghe suốt một tiếng tơ,
Lại vì ta phổ thành thơ vắn dài.
Tạ ơn tác dạ quan hoài,
Ngàn lời vạn chữ khó bày lòng chân.
Một câu nghiền ngẫm ân cần,
“Bên trời lận đận đôi đàng khác đâu”
Đủ ta thỏa nguyện thâm sâu,
Bèo trôi nước chảy mai sau mặc lòng.*

*Kiếp người một buổi tương phùng,
Thế gian san lấp tồn vong cũng vừa.*

Chao ôi !

Có ai biết được rằng buổi hội ngộ trăng nước Tầm Dương kia đã để lại cho hậu thế cả ngàn năm sau một áng văn chương tuyệt tác mãi làm rung động lòng người. Nhưng mà có thực là đã xảy ra buổi tương ngộ ấy chăng? Hay chỉ vì muốn ký thác tâm sự thầm kín khó nói trước những thế lực của cung đình và sự hàm hồ của một đấng quân vương mà tác giả đành phải mượn lời kỹ nữ để ví với thân phận của mình ??? Ai mà biết được !

Hạt Cát

Chú thích:

(1) Nghề kỹ nữ : Khái niệm "nghề", theo nhà kinh tế học Thomas Robert Malthus, người Anh, là một cái gì có lợi cho bản thân, vừa có ích cho xã hội. Và nếu hiểu theo cái nghĩa nghiêm túc đó thì kỹ nữ không thể là một nghề. Kỹ nữ, người con gái làm nghề bán phấn buôn hương, còn có nghĩa là ả đào, con hát. Nếu người ta có thể chấp nhận ả đào con hát là một nghề thì người ta khó có thể chấp nhận được chữ nghề trong cái người ta gọi là bán phấn buôn hương. Trong thơ của Đỗ Mục, kỹ nữ còn được gọi là "thương nữ":

*Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng hậu hoa đình
(Đỗ Mục - Bạc Tàn Hoài)*

Nói thì nói thế nhưng trong xã hội Trung Hoa ngày xưa, một xã hội vốn coi người phụ nữ là đồ chơi của đàn ông, có thể dễ dàng mua, bán, bắt cóc, sang nhượng hoặc đem làm quà tặng giữa những người đàn ông với nhau thì sự xuất hiện của nghề kỹ nữ cũng là điều rất bình thường, thậm chí được coi là hợp lý.

Nghề kỹ nữ có từ thời nào? Người ta khó mà xác định được thời điểm xuất hiện của nghề này, tuy nhiên cũng có thể khẳng định được nghề này gắn liền với chén rượu câu khách, mời khách đàn ca làm vui và bán dâm cho khách. Theo tư liệu của ông Nguyễn Tôn Nhan đăng trên tạp chí Kiến thức ngày nay, ông tổ của nghề kỹ nữ là Bạch mi thần. Thần mày trắng có thể là Hồng Nhai tiên sinh, tên gọi Linh Luân, bấy tôi dưới thời vua Hoàng Đế, người làm ra âm luật đã được ghi trong Lã Thị xuân thu của Lã Bất Vi thời Tần. Thần mày trắng cũng có thể là Liễu Đạo Chích, thời Xuân Thu; Quán Trọng (Quản Di Ngô), thời Xuân Thu, người có công lập ra 700 nhà chứa gái để đàn ông đến mua vui, thu tiền lời để lo tiền quân quốc cho Tề Hoàn Công; cũng có thể là Lã Động Tân trong nhóm Bát tiên, nhân vật chuyên dạy hát kiêm trị bệnh hoa liễu cho phụ nữ làng chơi. Trong bất kỳ thời đại vua chúa nào ở Trung Hoa, nghề kỹ nữ cũng vẫn được hoạt động, các "viện" chứa gái vẫn mọc lên ở khắp nơi.

..... Kim Dung cũng cho biết các cấp bậc trong các kỹ viện ở Dương Châu. Má má là chủ viện, người bỏ tiền ra mua gái về, có toàn quyền sinh sát đối với các cô gái. Mụ đầu là những người đàn bà lớn tuổi, chuyên môi giới giới thiệu, làm môi giới mại dâm. Kỹ nữ là người trực tiếp bán dâm trong các kỹ viện, lại kiêm nhiệm vụ mời khách uống rượu và kêu đồ nhậu. Công việc của họ là khuyến khích bọn khách chơi xài tiền càng nhiều càng tốt. Hoa nô là những chàng trai cô gái có nhiệm vụ phục vụ các công việc vặt trong kỹ viện: nấu nướng thức ăn, pha rượu, dọn bàn ghế, mua đồ ăn cho kỹ nữ và... đánh đập những cô gái nhà lành, dẫn mặt họ nếu họ không chịu bán trinh, không chịu tiếp khách.

Nhưng thật ra, kỹ viện không chỉ là nơi mại dâm. Nếu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, bọn hào sĩ giang hồ bị bọn

quan binh truy nã; người bị thương lán vào kỹ viện trị thương, thì trong thực tế, các danh sĩ thường tìm đến kỹ viện để nghe hát làm thơ, rồi dạy các kỹ nữ hát những bài thơ của mình thành nhạc phổ. Kỹ viện trở thành nơi nung nấu của những tâm hồn cô độc, của những người bị vua chúa lưu đày. Trong những trường hợp đó thì kỹ nữ trở thành người bạn tri âm. Chúng ta đã từng biết Bạch Cư Dị bị giáng làm Tư Mã Cửu Giang, đã từng làm bài Tỳ bà hành ca ngợi tiếng đàn của một kỹ nữ dài 622 câu. Trong phần đề tựa, Bạch Cư Dị đã viết: "Năm Nguyên Hoà thứ mười (816), ta bị giáng làm Tư mã huyện Cửu Giang... tiễn khách ở bến Bồn, giữa đêm nghe tiếng tỳ bà ở trên thuyền... hỏi ra thì đó là ca nữ ở Trường An" Tác giả ngồi nghe tâm sự của người ca nữ đó. Bản thân người ca nữ đó là một nhân vật có học, có lòng tự trọng, không phải khách nào mời cũng ra.

Di thuyền tương cận yêu tương kiến

Thiên tử hồi đăng trùng khai yến

Thiên hô vạn hoá thi xuất lai

Do bao tỳ bà bán già diện(TBH)

(Ghé thuyền đến cạnh chào mời

Khêu đèn thêm rượu lại bày tiệc hoa

Nần nì mời mãi mới ra

Ôm đàn che nửa mặt hoa thần thờ)

(Trần Trọng Kim dịch)

(Theo Vũ Đức Sao Biển trong “Kim Dung giữa đời tôi”)

(2) Bạch Cư Dị: (772 – 848) đại thi hào đời Đường,tác giả bài thơ Tỳ Bà Hành,nguyên uỷ của câu truyện ngắn này.

(3)Tâm Dương: Khúc sông Trường Giang chảy qua tỉnh Giang Tây, thị trấn Cửu Giang.



HOÀNG UNG
GẶP EM SÀI GÒN

Nắng Sài Gòn chợt hanh rồi lại mát
Mưa Sài Gòn chợt đến rồi lại đi
Gái Sài Gòn vừa yêu vừa hờn dỗi
Đáng thơ ngây nên thương mến vô cùng.

Bao nhiêu năm đã cách biệt ngàn trùng
Tôi sống mãi trong niềm thương nỗi nhớ
Sài Gòn xưa với rất nhiều kỷ niệm
Sài Gòn nay thật quá đổi mong lung.

Tôi gặp em người con gái dễ thương
Tiếng nói gió ru ngọt ngào êm ái
Hình bóng em làm lòng tôi tê dại
Một thời xưa Sài Gòn lính dẫu yêu.

Hình ảnh em là huyền sử nữ sinh
Trung Vương, Gia Long hay Nguyễn Bá Tòng...
Bước chân sáo tung tăng ngày hai buổi.
Còn ngây thơ, nguyên trinh đầy mơ mộng

Nơi góc phố người chinh nhân thường đợi
"Ngày về phép hẹn cùng nhau dạo phố
Tay trong tay đan năm ngón dịu mềm"
Trên những con đường ngập lá me khô...

Ngày tháng tư Sài Gòn quá đổi thay
Nỗi thương nhớ đã thành khói bụi cay
Bỗng gặp em ở Houston, Texas
Ngờ ngợ nhìn nhau ngỡ thân quen.

Trong lòng tôi thật vô cùng xúc động
Lời thì thầm bao ước vọng hoài mong
Hẹn ước ngày Sài Gòn chung bóng nắng
Kiêu bạt một thời lỡ mất... trăm năm .

Hoàng Ung. (Viết tặng Kim, cô gái Sài Gòn)

Trầm Hương 201



CÙ HÒA PHONG
HẠ XƯA

Năm xưa tuổi học trò
Hạ về buồn nho nhỏ
Sân trường hoa phượng đỏ
Ve sầu tiếng nỉ non
Riêng tôi thấy cô đơn
Vắng người tôi sẵn đón
Tương tư mỗi tình đầu
Xin Thượng Đế nhiệm màu
Cho chúng con gặp nhau
Ve sầu thôi hết kêu
Nơi sân trường không thiếu
Bóng dáng người tôi yêu.
Em cũng gầy đi nhiều
Gặp nhau như bến lều
Nàng ngập ngừng đứng lên
Nhìn tôi cười bước đến
Nhớ anh! Nhớ em! nhiều.



Mùa hè áo đỏ Phượng rơi
Chạm vào nỗi nhớ từ thời chớm yêu
Yêu con đường nhỏ nghiêng xiêu
Trúc vàng lá ngọn cánh điều biếc xanh

Trời cao nắng lụa vòn quanh
Mây bay lòng ở đơn hành về đâu
Hai mùa Xuân Hạ qua mau
Thu đông bước lỡ áo nhàu cúc phai

Hồi em áo trắng vòn bay
Câu thơ đề tặng ngắn dài còn không
Mùa Thu áo nắng mơ hồng
Giọt sương trên lá còn nồng lửa rom

Màu phai sắc nhạt vẫn thơm
Hương hoa xác bướm gọi hồn Trang Sinh
Mùa đông giọt nắng si tình
Rơi vào mắt biếc nhân sinh ai ngờ

Tự dung con chữ ngẩn ngơ
Trước sau xưa cũ câu thơ lạc vắn
Mãn thiên hoa vũ Xuân phân
Riêng ta đậm lữ phong trần còn nguyên

Khác gì đời bến vắng thuyền
Thuyền trôi bến đợi kỳ duyên mãi phần.

Bến Dợi

Rumba

Thơ Nguyễn Đức Nhon
Nhạc Dương thượng Trúc



Sông nước chiều Thu gợn sóng buồn. Mây trời bàng
lẳng bóng chiều buông. Thuyền em đỗ bến phương nào nhỉ?
Có nhớ quay về thăm cố hương. Lầu nước buồn
hiu đặng đợi em. Bến xưa chiều xuống phố lên
đèn. Thuyền đi bỏ lại bờ sông vắng. Bỏ
lại bao mùa trăng ấm êm. Chiều xuống Mương Giang nước lững
lờ. Mấy mùa sương khói dệt thành thơ. Màu hoa phượng
thắm dấu rồi nhỉ? Chỉ thấy hoa tàn rơi xác xơ.
Tượng đá đầu hiu đặng đợi ai? Bến
xưa ngày ngắn nhớ đêm dài. Người đi đi
mãi đi biệt. Có biết trên đầu tóc lén phai... Sông...

Thủy gia Trang12/ 2014



THÔNG TIN MONG ĐƯỢC LƯU Ý :

*Nhằm đáp ứng yêu cầu của một số bạn đọc ở xa và thân hữu
Cũng là cơ hội để tìm nguồn trang trải ấn phí, Trần Hương quyết

định Kính mời gọi toàn thể Quý thân hữu và Quý bạn đọc ủng hộ và giới thiệu thân hữu đặt mua Tạp chí Trần Hương dài hạn theo thể lệ sau:

A - Ấn phí kèm cước phí bưu điện

- một năm 4 số = 40 mỹ kim
- Hai năm 8 số = 70 mỹ kim

B - Ủng hộ ngoài luồng : tùy nghi

C- Quảng cáo cho mỗi số : Trang bìa full color

- Bìa sau = 200 mỹ kim
- Bìa trong = 150 mỹ kim
- Trang đen trắng = 80 mỹ kim
- ½ trang đen trắng = 40 mỹ kim
- Khổ danh thiếp = 20 mỹ kim

***Chi phiếu ghi tên Tong Pham và xin gửi về :**

Mr Tong Pham

PO. Box 681822 Houston, TX 77268

Email : muoinhu@yahoo.com

-----PHIẾU ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN

(Xin ghi chú vào O trống)

O- Một năm

O- Hai năm

Xin gửi báo về địa chỉ :-----

Và địa chỉ-----

Kèm chi phiếu----- mỹ kim

Trần Hương 205



**Tạp Chí Trầm Hương chân
thành cảm ơn và mong mỗi nhận
được sự ủng hộ của toàn thể Quý
Độc Giả, Thân hữu và Ân nhân.**

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ THƯỜNG KỲ

KMT PRECISION MACHINES và VH Đào Lê
PHƯƠNG MY AUDIO & VIDEO và VH Songthy / NAM
PHƯƠNG RESTAURANT (Atlanta, GA.và Hương, Tiếng)
VISION OUTLET Houston, TX /ALLSTATEINSURANCE
(LeonVu) / AB FURNITURE (Houston, TX) & VH Hoàng
Ứng TV.JEWELRY JOHNNY DANG &CO

Và Quý Văn Thân Hữu :

Trần Bang Thạch (TX), Dương Thượng Trúc(KS) Thái Bạch
Vân(PA), Tường Vy(VN) Nguyễn Văn Hương(GA), Mây
Ngân (TX) Minh Xuân (WA) Song An Châu (GA) Trần Văn Lê
(CA) Cái Trọng Ty (TX) Nguyễn Khoa Lộc (TX) Hoàng thị Thanh
Nga (GA) Vương Hồng Ngọc (WA) Xuân Bích (OK)

MUA BẢO DÀI HẠN:

Dr. Nguyễn Quyền Quới (Jacksonville, FL.) Đặng thị Phụng
(Tomball, TX.) Đỗ Minh Giang (Marrero, LA)

Trần Kim Huê (Houston Tx) Tina Pham (Dallas Tx)

Đinh văn Đại (Phoenix AZ) VH Thái Tầu (Houston TX)

Nguyễn văn Giang (San Jose) Quỳnh Hương (CO)

Hoàng Huy Giao (Houston TX)

BBT đóng góp mỗi số :

Nguyễn Đức Nhơn \$200.00

Như Phong \$200.00

Phạm Tương Như \$200.00

Túy Hà \$100.00

Vĩnh Tuấn In Bìa

*Một số thành viên khác ủng hộ tài chánh không định kỳ.

Xin để tôi giúp quý vị về các nhu cầu bảo hiểm của quý vị.

Xe Cộ - Nhà Cửa - Nhân Thọ - Kinh Doanh
Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất... của một công ty quý vị quen thuộc.
Xin mời quý vị ghé lại văn phòng hoặc gọi điện thoại cho tôi.



LEON VŨ TIÊN LẬP

Agent

Allstate Insurance Company

13120 Veterans Memorial Drive
Houston, TX 77014

Bus: (281) 866-0343

Fax: (281) 866-0373

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company, Allstate Life Insurance Company, Northbrook, IL, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, TX. © 2000 Allstate Insurance Company. Tùy thuộc vào mức cung ứng và lợi ích điều kiện mua bảo hiểm.



Allstate

You're in good hands.

Vision Outlet

8200 Wilcrest, suite 26B (at Beechcroft - cạnh Kim Visions và Quê Hương Restaurant)

Houston - Texas 77072 - ĐT: (281) 495-1403

- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 10 năm qua
- * Tiệm có đủ mọi hiệu kính trên Thế Giới
- * Contact Lenses đủ loại, đủ màu
- * Bảo đảm giá hạ nhất Houston
- * **GỌNG HẠ GIÁ TỪ \$10.00, 1 CẶP KÍNH \$38.00 (gọng và tròng)**
- * **CÓ MÁY TỐI TÂN CẮT KÍNH LẤY LIỀN (SV)**

* LẤY ĐỘ KIỂM CỎ LẠM KIỂM MỜI

* CỎ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO GIA ĐÌNH KHỎ KHỎ

* NHẬN LẠM KÍNH I GỬI ĐI XA, KHÔNG TÍNH TIỀN CƯỚC PHÍ

GIỜ MỞ CỬA:

Mở cửa 6 ngày

Thứ Hai - Chủ Nhật: Từ 10 AM - 7PM

Không cửa: Thứ Ba



Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO -
Một trong những tiệm BEST của Texas
trong sách Underground Shopper



**Coupon
\$10.00**

Chúng ta yêu cuộc sống bằng trái tim và nhìn rõ những niềm sắc thân thương qua đôi kính - Hãy đến VISION OUTLET để được sâu sắc xứng đáng



LỊCH SỰ - TRANG NHẪ - ẨM CÙNG

NamPhuong RESTAURANT

ĐỊA ĐIỂM 1: 5495 Jimmy Carter Blvd., Suite 105 - Norcross, GA 30093

Tel: **770-409-8686** | Fax: **770-409-8680**

ĐỊA ĐIỂM 2: 4501 Buford Hwy, Atlanta GA 30345

Tel: **404-633-2400**

www.namphuongatlanta.com

Giờ mở cửa:

Thứ 2 - thứ 6: 11:00am - 11:00pm

Thứ 7: 10:00am - 11:00pm

Chúa Nhật: 10:00am - 10:00pm

NHIỀU MÓN ĂN THUẦN TÚY VIỆT NAM

Phở - Hủ tiếu - Mì - Bún - Cơm tấm

CÁC MÓN ĐẶC BIỆT

- Bò nướng lá - Chạo tôm - Nem nướng
- Canh chua - Cá kho tộ - Bánh xèo
- Gỏi ngó sen - Bò lúc lắc - Bún Chả Hà Nội
- Cơm phần gia đình 2, 4, 6, 8, 10 người
- Cá đút lò - Lẩu dê

PHÒNG ĂN RỘNG RÃI THÍCH HỢP

- Khoán đãi gia đình, thân nhân, bè bạn
- Giới thiệu món ăn VIỆT đến người ngoại quốc
- Nhận đặt tiệc cưới, hỏi, sinh nhật... đến 300 người
- Bãi đậu xe rộng rãi, miễn phí, an toàn
- Có phục vụ bia, rượu và các loại nước giải khát

Nam Phuong Kính Mời

Nhận: Visa-Master-Discover

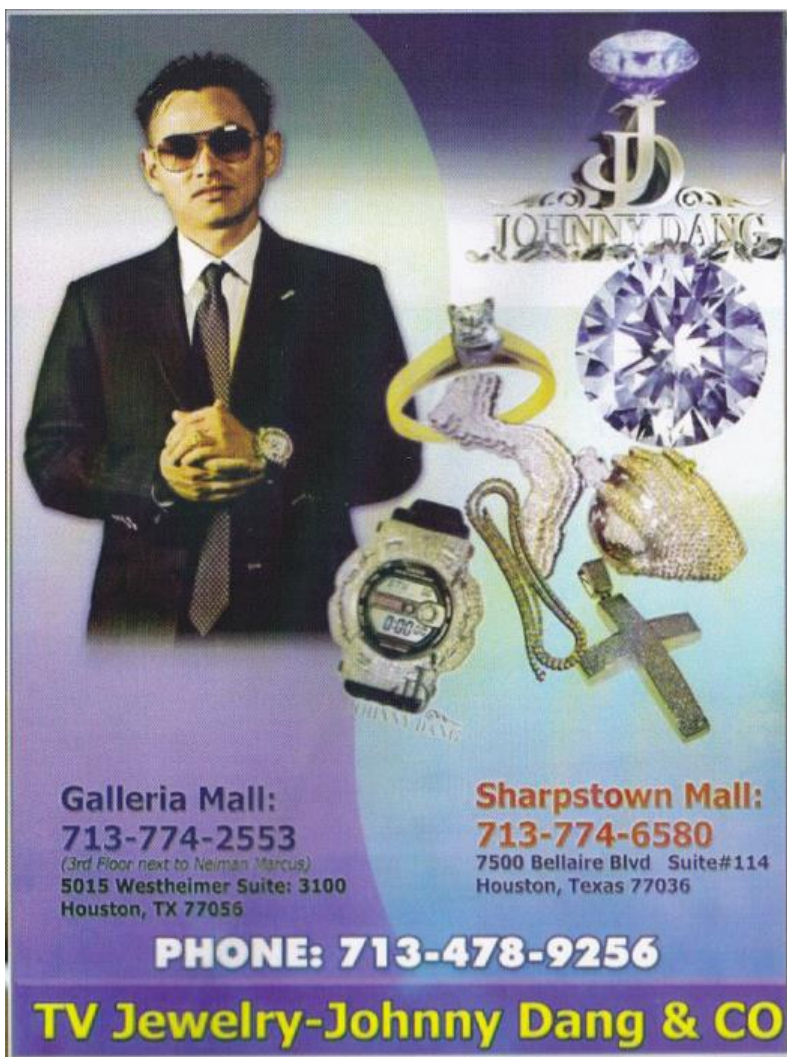


**AB FURNITURE
CHÀO MỪNG
QUÝ KHÁCH**



**SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO
GIÁ HỮU NGHỊ CHO ĐỒNG HƯƠNG**





JOHNNY DANG

Galleria Mall:
713-774-2553
(3rd Floor next to Neiman Marcus)
5015 Westheimer Suite: 3100
Houston, TX 77056

Sharpstown Mall:
713-774-6580
7500 Bellaire Blvd Suite#114
Houston, Texas 77036

PHONE: 713-478-9256

TV Jewelry-Johnny Dang & CO

